Hồ Chí Minh sinh bình khảo

(Khảo cứu về cuộc đời Hồ Chí Minh)

Hồ Tuấn Hùng
Thái Văn chuyển ngữ

Thiên IV

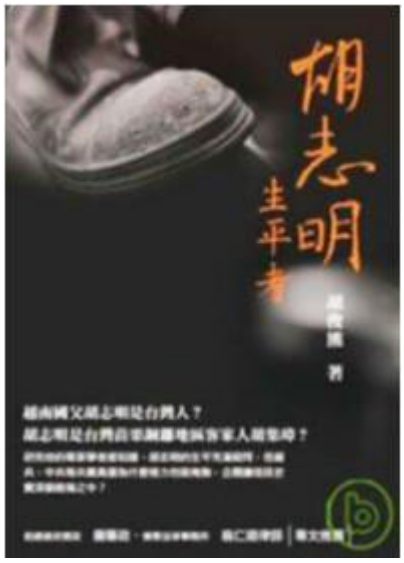

Hồ Chí Minh sinh bình khảo
Tác giả: Hồ Tuấn Hùng
Dịch giả: Thái Văn
NXB Bạch Tượng - Đài Loan phát hành tháng 11/2008

Lời dịch giả: "Hồ Chí Minh sinh bình khảo" (Khảo cứu về cuộc đời Hồ Chí Minh) do Giáo sư Hồ Tuấn Hùng, một người đã tốt nghiệp khoa Lịch sử của Trường Đại Học Quốc Lập Đài Loan dành nhiều công sức nghiên cứu trong những năm qua, được Nhà xuất bản Bạch Tượng Văn Hóa ấn hành tại Đài Loan vào ngày 01/11/2008 (mã số ISBN: 9789866820779).

Hồ Tuấn Hùng sinh năm 1949 (có tài liệu nói là sinnh năm 1948), tại Miêu Lật, Đồng La, Đài Loan, là cháu ruột Hồ Tập Chương (mà ông khẳng định chính là Chủ tịch Hồ Chí Minh) từng dạy học hơn 30 năm, đồng thời ông còn là viên chức cao cấp Giáo Dục Hành Chính. Theo Giáo sư Hồ Tuấn Hùng, Hồ Chí Minh xuất thân là người thuộc sắc tộc Khách Gia (Hakka, người Việt gọi là Hẹ) tại huyện Miêu Lật, địa khu Đồng La, Đài Loan.

Toàn bộ cuộc đời hoạt động cách mạng của ông được tác giả khảo cứu kỹ lưỡng trên cơ sở tham khảo nhiều nguồn tư liệu cũng như nhân chứng. Tác phẩm "Hồ Chí Minh sinh bình khảo" dày 342 trang, khổ 15x21 cm, bìa cứng, in chữ nổi.

Phần mở đầu gồm các bài giới thiệu của tiên sinh Chung Triệu Chính, luật sư Kiệt Chương và của tác giả. Phần chính được chia làm 6 thiên, thứ tự như sau:

I / Hài kịch trộm rồng đổi phượng (Thâu long chuyển phượng đích hý khúc)

II/ Ve sầu lột xác, con người thật giả (Kim thiền thoát xác thực giả nhân sinh)

III/ Những năm tháng bôn ba hải ngoại (Phiêu bạc lưu lãng đích tuế nguyệt)

IV/ Khúc ca buồn về tình ái, hôn nhân (Hôn nhân luyến tình đích bi ca)

V/ Chữ Hán "Nhật ký trong tù" và "Di chúc" (Hán văn Ngục trung nhật ký dữ Di chúc)

VI/ Hạ màn, đôi lời cảm nghĩ (Lạc mạc cảm ngôn)

Cuốn sách khá dày, công việc chuyển ngữ mất nhiều thời gian và công sức, tuy nhiên, người dịch sẽ cố gắng dịch trọn vẹn để cung cấp cho bạn đọc một cái nhìn mới về nhân vật Hồ Chí Minh, còn việc đúng hay sai xin để công luận thẩm định, tôi không dám lạm bàn.

Cũng xin nói thêm, trong quá trình chuyển ngữ, tôi không dịch theo thứ tự mà dịch Thiên IV - "Khúc ca buồn về tình ái và hôn nhân" (Hôn nhân luyến tình đích bi ca) trước. Những thiên khác sẽ tiếp tục ra mắt bạn đọc trong thời gian sớm nhất. Một số tên và địa danh tác giả dùng cách phiên âm qua Trung văn mà không chú thích thêm nguyên ngữ, tạm thời chưa tra cứu được, nên buộc phải phiên âm Hán Việt, khi nào bản dịch hoàn tất, sẽ đối chiếu bổ sung, xin kính cáo cùng độc giả.

Thái Văn
Tháng 12 năm 2010

Thiên IV

Khúc ca buồn về chuyện hôn nhân tình ái

(Hôn nhân luyến tình đích bi ca)

Hồ sơ hôn nhân Hồ Chí Minh

Trong bài "Nguyễn Ái Quốc (NAQ) chết rồi sống lại", tôi đã nhấn mạnh, vào mùa thu năm 1932, Nguyễn Ái Quốc chết vì bệnh lao phổi; người xuất hiện sau này tuyệt đối không phải NAQ mà chính là Hồ Tập Chương, làm nhiều chuyên gia nghiên cứu về Hồ Chí Minh (HCM) đặt câu hỏi nghi ngờ. Trong quá trình viết cuốn sách này, tôi đã tham khảo không chỉ một vài tài liệu mà thực chất đã tiếp cận hàng đống hồ sơ, do đó đã phát hiện ra những điều bất hợp lý thậm chí mâu thuẫn nhau trong cuộc đời nhân vật lịch sử này. Vấn đề quan trọng nhất là cần phải khách quan và trung thực trên cơ sở những chứng cứ khoa học, đồng thời hết sức tránh thái độ cực đoan do thành kiến, nhằm loại trừ những sai lầm để tìm ra sự thật.

Nguyễn Ái Quốc

Nghiên cứu hồ sơ hôn nhân, tình ái của Hồ Chí Minh chính là để làm sáng tỏ Nguyễn Ái Quốc là Nguyễn Ái Quốc, Hồ Chí Minh là Hồ Chí Minh, người này không thể là người kia và ngược lại. Hôn nhân, tình ái của Nguyễn Ái Quốc cần được phân biệt giữa Breiere, Tăng Tuyết Minh và Nguyễn Thị Minh Khai (NTMK). Hôn nhân tình ái của Hồ Chí Minh cũng phải được phân biệt giữa Lâm Y Lan (LYL), Đỗ Thị Lạc (ĐTL) và Nông Thị Xuân (NTX). Một số cuộc hôn nhân, tình ái này đã được đề cập rải rác trong "Truyện Hồ Chí Minh" của Willam J.Duiker và "Những năm tháng Hồ Chí Minh mất tích" của Sophie Quinn – Judge, quyển 2; Nguyệt san "Vũ Hán văn sử tư liệu" (Đại lục) với bài "Hồ Chí Minh và người vợ Trung Quốc Tăng Tuyết Minh"; Nguyệt san "Nhân Dân Văn Trích" (Đại lục) có bài "Mối tình sống chết giữa Hồ Chí Minh và Lâm Y Lan". Về phía Việt Nam (VN) có tác phẩm "Chị Minh Khai" của nhà văn Nguyệt Tú; "Việt

duệ Hoa nhân Lĩnh Nam di dân" chuyên san có bài "Thê thiếp và tình nhân của Hồ Chí Minh". Nói chung, các tác phẩm trên đều có những phát hiện và trình bày, phân tích về tình trạng hôn nhân, tình ái của Hồ Chí Minh tương đối đúng sự thực. Tuy nhiên, về phía nhà nước Việt Nam, những người lãnh đạo cao cấp đều ra sức phản bác, cũng như lúc sinh thời, Hồ Chí Minh chưa bao giờ thừa nhận mình từng có vợ có con. Họ coi Hồ Chí Minh là thần thánh, biểu tượng tối cao của sự nghiệp cách mạng, nên sẵn sàng nhắm mắt, bịt tai trước sự thật lịch sử. Hôn nhân của Nguyễn Ái Quốc và Hồ Chí Minh là hiện thực khách quan, được bạch hóa tại nhiều hồ sơ lưu trữ, không thể xóa bỏ được vết hằn lịch sử.

Từ sau năm 1933 cho đến lúc qua đời, Hồ Chí Minh không bao giờ thừa nhận các quan hệ hôn nhân, gia đình, nhưng trước năm 1933, tình trạng hôn nhân của NAQ lại được công khai rõ ràng. Nhà nước Cộng sản Việt Nam (CSVN) cường điệu chuyện Hồ Chí Minh vì sự nghiệp độc lập giải phóng dân tộc mà hy sinh tình cảm cá nhân, bởi vì họ không muốn và cũng không dám đối mặt với một sự thật chết người, ấy là Nguyễn Ái Quốc và Hồ Chí Minh không phải là một. Không còn cách nào khác, các nhà lãnh đạo cao cấp, thông qua bộ máy tuyên truyền, đã lợi dụng những chuyện cường điệu, bịa đặt về thứ tình yêu "đồng chí cộng sản" để nấp sau tấm màn nhung, điều khiển vở hài kịch "trộm rồng đổi phượng", "dời hoa tiếp cây"...

Chuyện hoang đường về đạo đức thánh nhân

Trong nhận thức của một số người, ấn tượng phổ biến về việc ông HCM không có vợ con là bởi sự nghiệp cách mạng, vì độc lập dân tộc nên dã hy sinh hạnh phúc gia đình. Đại sứ Trung Quốc (TQ) Lý Gia Trung đã viết trên tờ "Thế Giới Tân Văn" ngày 11 tháng 7 năm 2005 như sau: "HCM vì sự nghiệp cách mạng chấp nhận sống độc thân, không xây dựng gia đình, không vợ không con". Trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp, vào những năm 50, các nhà lãnh đạo Việt Nam đã từng có ý sắp đặt một nữ thanh niên ưu tú bên cạnh Bác để giúp đỡ Người trong công tác cũng như sinh hoạt. Thế nhưng, khi người phụ nữ ấy được đưa đến, HCM lại bảo: "Bác ở đây không có việc gì, cháu hãy về cơ quan công tác cho tốt". Có lần HCM tâm sự với các nhân viên phục vụ về nguyên nhân mình không xây dựng gia đình: "Thời trẻ, Bác bôn ba nước ngoài, đi đến đâu cũng được phụ nữ để ý, chỉ hiềm lúc ấy Bác đang hoạt động bí mật, sẽ có ngày trở về nước làm cách mạng, một khi thành gia thất thì rất khó bảo vệ được bí mật". Lý Đại sứ viết tiếp: "HCM vì tự do độc lập của nhân dân mà chấp nhận cuộc đấu tranh cách mạng gian khổ, không màng đến sự sống chết và hạnh phúc cá nhân, cho nên chấp nhận suốt đời sống độc thân". Việc không có vợ con của HCM có đúng như Lý Gia Trung nhận định là chỉ vì nền độc lập dân tộc hay là còn có lý do khác quan trọng hơn mà họ cố ý giấu nhẹm sự thật, tạo ra chung quanh một vòng hào quang để biến ông thành vị thánh sống?

Căn cứ vào những hồ sơ từ thời thực dân Anh Pháp để lại, mới được giải mật gần đây, thì NAQ và HCM đã có thời kỳ hôn nhân tốt đẹp, đồng thời cũng tồn tại nhiều mâu thuẫn trong các mối quan hệ. Tuy nhiên, nhà nước cộng sản (CS) Liên Xô (LX), TQ và VN cho đến nay chẳng những không chịu thừa nhận thực trạng hôn nhân của HCM mà còn cố ý làm sai lệch các hồ sơ trên. Họ làm vậy với mục đích gì? Lần lượt phân tích các hồ sơ qua nội dung đã được bạch hóa, có thể suy đoán, Nga cộng, Trung cộng, Việt cộng, không dám công bố sự thật hôn nhân HCM là bởi họ đã hiểu NAQ và HCM là hai người khác nhau. Một khi các chuyên gia nghiên cứu về HCM công bố trước thế giới sự thật này thì thân phận HCM sẽ trở thành một "song bào án", hình tượng HCM bỗng chốc sụp đổ, làm gì còn đủ tư cách "cha già dân tộc"!

Những năm ấy Quốc tế cộng sản (QTCS) phải khó khăn lắm mới tạo ra được vở kịch "mượn xác hoàn hồn" với kế hoạch cài cắm một phái viên của QTCS vào Việt Nam nhằm thực hiện mục đích "nhuộm đỏ" khu vực Đông Nam Á (ĐNA), nay có nguy cơ bị vạch trần nên tất yếu họ tìm mọi cách bưng bít.

Vào những năm dầu thế kỷ XXI (năm 2000), sự thực về hôn nhân, tình ái của HCM còn được Sophie Quinn- Judge trong "Những năm tháng Hồ Chí Minh mất tích", quyển I, ở phần mở đầu, giới thiệu tóm tắt đã viết: "HCM không phải là hòa thượng độc thân, qua thẩm xét, nghiên cứu kỹ lưỡng, ông ta từng có quan hệ chính thức với hai người phụ nữ". Phần tổng kết, tác giả nhắc lại: "HCM tuyệt đối không phải là một vị thánh của Chủ nghĩa Cộng sản (CNCS) chỉ vì ông ta không có cơ hội chung sống cùng phụ nữ mà thôi". Một tác giả người Việt là nhà nghiên cứu Trần Gia Phụng trong tác phẩm "Ông Hồ có bao nhiêu vợ?", đã viết: "HCM cũng chỉ là một người bình thường. Ông đã từng trải qua mấy cuộc hôn nhân, có vợ có con, thậm chí có đến mấy bà vợ cùng nhân tình". Trong xã hội Việt Nam năm sáu mươi năm về trước, đây là hiện tượng cực kỳ phổ biến. Chỉ có điều, đã trót suy tôn ông ta là "nhà chính trị kiệt xuất", "cha già dân tộc", "biểu tượng của cách mạng Việt Nam" nên bắt buộc phải giấu biệt các mối quan hệ hôn nhân, tình ái, vô hình chung Cộng sản Việt Nam (CSVN) đã biến ông HCM thành kẻ phụ tình, bất nghĩa, thoái thác trách nhiệm làm chồng làm cha, một lẽ thường của đạo nhân luân.

Cầu trả về cầu, đường trả về đường

Qua những sự thực lịch sử về tình trạng hôn nhân của HCM, cẩn thận xem xét, kiểm nghiệm kết hợp với so sánh, đối chứng, ta có thể thấy rõ, NAQ và HCM có những quan hệ hôn nhân, tình ái vào các thời kỳ khác nhau. Nếu đem hai người có tình trạng hôn nhân ở hai thời kỳ khác nhau gộp lại cho một người rồi đồng nhất cùng một thời gian thì chẳng khác gì câu chuyện dân gian "râu ông nọ cắm cằm bà kia", làm biến dạng bản chất sự việc. Muốn làm rõ việc này cần phải lấy năm 1932 làm mốc phân ranh giới giữa NAQ và HCM. Trước năm 1932, thuộc hôn nhân, tình ái của NAQ với Breiere, Tăng Tuyết Minh và Nguyễn Thị Minh Khai (NTMK). Từ năm 1933 về sau, thuộc hôn nhân tình ái của HCM với Lâm Y Lan, Đỗ Thị Lạc và Nông Thị Xuân. Đem NAQ ghép với HCM là không thể. Để loại trừ những kết luận chủ quan, sai lầm, cần phải đối chiếu thời gian, tìm hiểu các mối quan hệ, phân tích dữ liệu một cách cẩn trọng trong đống hồ sơ lưu trữ về HCM để trả lại sự minh bạch cho lịch sử như tục ngữ của người TQ là "cầu trả về cầu, đường trả về đường". Xin độc giả tham khảo những tư liệu sau đây:

1 – Năm 1921, NAQ ở trọ tại biệt thự Qua Bách Lâm thủ đô Paris nước Pháp, (Gobelins (avenue des), một đại lộ thuộc Quận XIII, Paris, nơi có nhà riêng của luật sư Phan Văn Trường, cho ông Phan Chu Trinh tá túc, rồi thêm Nguyễn Tất Thành) làm quen với một thiếu nữ người Pháp là cô Briere. Cảnh sát xác nhận cô này là tình nhân của NAQ.

2 – Năm 1925, tại Quảng Châu, NAQ quen biết một thiếu nữ Trung Quốc là Tăng Tuyết Minh, năm 1926 hai người kết hôn. Sau khi kết hôn hai người ở trong biệt thự của Mikhail Borodin.

3 – Năm 1930, tại Hương Cảng, NAQ mang theo từ Việt Nam một người đồng hương đồng thời là người yêu của ông ta tên Nguyễn Thị Minh Khai. Mùa xuân năm 1931, NAQ và NTMK cử hành hôn lễ đơn giản tại nhà khách qua sự chứng kiến của các đồng chí đến từ Tây Cống (Saigon, theo âm Quảng Đông) và Đông Kinh.

4 – Năm 1935, Mạc Tư Khoa triệu tập Hội nghị lần thứ 7 - QTCS. Thời gian này NAQ bị bệnh đã qua đời, NTMK với tư cách là vợ của NAQ, khi đến Mạc Tư Khoa, ghi trong tờ khai là đã kết hôn với một người đồng chí có tên PC. Lin. Hội nghị kết thúc, NTMK ở lại Liên Xô, đến phòng đăng ký giá thú làm thủ tục kết hôn với Lê Hồng Phong, là người lãnh đạo mới của Đảng Cộng sản Đông Dương (ĐCSĐD).

5 – Cuối năm 1944, HCM trở lại căn cứ địa cách mạng Bắc Kỳ. Trong số 18 cán bộ nòng cốt theo HCM về VN có một phụ nữ là Đỗ Thị Lạc (ĐTL), mọi người quen gọi "chị Thuận". Tại Cao Bằng, HCM và ĐTL sống chung với nhau một thời gian.

6 – Năm 1955, một thiếu nữ xinh đẹp người Nùng, quê Hòa An, Cao Bằng là Nông Thị Xuân (NTX) được cử làm y tá bên cạnh HCM. Hai người sống chung với nhau gần một

năm thì cô Xuân sinh hạ một bé trai. Đứa bé lúc đầu gửi Hội Phụ nữ rồi Chu Văn Tấn chăm sóc, sau này thư ký riêng của ông Hồ là Vũ Kỳ bí mật nhận làm con, nuôi dưỡng tại nhà mình.

7 – Năm 1965, nhân việc Đào Chú, một yếu nhân của Đảng Cộng sản Trung Quốc, đồng thời là bạn thân của HCM viếng thăm Hà Nội, ông Hồ có nhờ Đào Chú tìm giúp một phụ nữ từng quen biết thời trẻ ở Quảng Đông là Lâm Y Lan để nối lại tình xưa nghĩa cũ. Họ Đào trở về TQ báo cáo việc này với Tổng lý Chu Ân Lai, tuy nhiên quan hệ ngoại giao hai nước lúc ấy không còn mặn mà như trước vì cuộc "Đại Cách Mạng văn hóa" nên đề nghị của ông Hồ tạm thời bị xếp lại.

Mối tình đầu của Nguyễn Ái Quốc với cô Breiere

Breiere và Bourdon

Breiere có phải là người tình đầu tiên của NAQ hay không, việc này xác minh không khó. Qua quá trình thẩm xét, các hồ sơ liên quan đến NAQ đều cho thấy, Breiere đúng là người tình đầu tiên của NAQ. Mối quan hệ tình ái này, cả trong tác phẩm của William Duiker và Nguyễn Thế Anh đều không được đề cập đến, bởi các nhà nghiên cứu quan niệm, chuyện yêu đương thời kỳ đầu của Nguyễn thường là giả tạo, thậm chí còn bị tô vẽ phóng đại với mục đích chính trị.

Người tình đầu tiên của NAQ là một phụ nữ Pháp tên Breiere, chẳng hiểu vô tình hay hữu ý đã bị lẫn lộn với mối tình của nữ chiến sĩ cách mạng NTMK. Việc làm này rõ ràng có ý đồ tạo ra một giả tượng đồng nhất HCM với NAQ. Giáo sư Nguyễn Thế Anh trong tác phẩm "Con đường chính trị của Hồ Chí Minh", khẳng định người tình đầu tiên của NAQ là cô Bourdon, còn William Duiker trong "Truyện Hồ Chí Minh", trang 76 lại ghi người tình đầu tiên của NAQ là cô Bourdon Breiere. Có nhiều khả năng, từ tiếng Pháp chuyển dịch sang tiếng Trung, danh xưng này bị phiên âm khác đi. Theo các tài liệu lịch sử để lại, cô Breiere và cô Bourdon đều là người tình của NAQ thời kỳ đầu đến nước Pháp thực chất chỉ là một người. William Duiker dẫn theo tài liệu thời kỳ đầu còn Nguyễn Thế Anh dẫn theo tài liệu ở thời kỳ kết thúc của mối tình này nên mới có sự bất đồng.

Mối tình đầu của Nguyễn Ái Quốc

Giáo sư Nguyễn Thế Anh trong "Con đường chính trị của HCM" có ghi chép về mối tình đầu của HCM như sau: "Năm 1923, HCM từng bị thất tình với một cô gái người Pháp là Bourdon. Cô này đã trách móc Hồ vì việc Hồ tuyên bố với mọi người cô là vợ mình. Từ một bức thư đề ngày 10 tháng 5 năm 1923, HCM gửi cho Bourdon có thể biết được mối quan hệ tình ái của họ trong thời gian ấy: "Nhận được thư của em làm anh vô cùng sung sướng. Anh cũng gửi đến em lời cảm ơn về những tấm ảnh đẹp. Anh tạm gửi lại em hai tấm, còn giữ lại ba tấm, nếu có thời gian sẽ in tráng. Mong em cho phép anh in tráng hai bộ, một bộ gửi em, một bộ anh giữ để làm kỷ niệm tình đồng chí của chúng ta". Sau đó hai người còn thư từ qua lại với nhau một thời gian nữa, hẹn sẽ có ngày gặp mặt. Có khả năng, theo lá thư đề ngày 11 tháng 6 năm 1923 gửi cho Bourdon, HCM viết: "Vừa nhận được thư cô, xin cô hãy giữ gìn các tấm ảnh, nhưng không cần thiết phải phóng đại số ảnh ấy. Đọc thư, tôi rất sửng sốt, không sao hiểu được ý tứ của những lời nói ấy. Nếu cô nghĩ rằng tôi làm việc ấy, xin mời cô hãy đến quán ăn, ta sẽ làm rõ sự thật". (Tác giả nhận định, thời gian ấy, NAQ làm việc tại một hiệu ảnh, còn cô Bourdon có thể làm làm bồi bàn trong một nhà hàng). Trích dẫn từ một lá thư do Cục Bảo An Pháp thu được, hiện bảo tồn tại Trung tâm Hồ sơ Pháp quốc Hải ngoại (SLOTFOM), hàng thứ 2, hòm số 4, William J. Duiker trong "Truyện Hồ Chí Minh", chương 2, trang 76, viết: "Năm 1921, NAQ quyết định gia nhập đảng Cộng sản Pháp (ĐCSP), việc này đã tạo ra sự căng thẳng với nhóm người cùng ngụ trong biệt thự Qua Bách Lâm. Họ xem Nguyễn là nhân vật cấp tiến và hành động của anh ta có mùi vị súng đạn. Thời kỳ Hội nghị Versailles, NAQ có kể với người đồng hương là Trần Tiến Nam về người bạn gái bất đồng quan điểm với mình vì cô cho rằng anh ta có tư tưởng cực đoan. Cũng cuốn sách trên, trang 593 (chú giải số 49),

có ghi: "Căn cứ Hồ sơ Pháp quốc hải ngoại của Trung tâm Viễn chinh quân Bảo hộ, tủ thứ 36, ngày 27 tháng 12 năm 1920, Deveze viết như sau: "Người bạn gái là Breiere, cảnh sát tin là nhân tình của Nguyễn Ái Quốc".

Mối tình đầu giữa NAQ và Breiere là tình yêu chân chính của những người tuổi trẻ. Nó thường bị lợi dụng gắn kết với mối tình giữa NAQ và NTMK, cố ý gây lẫn lộn, làm mối tình đầu thất bại này mang phong vị lãng mạn, tạo ra một hình ảnh HCM thánh nhân, đạo đức "đất nước chưa độc lập thống nhất, HCM không thể xây dựng gia đình riêng". Theo các đề mục ở phần sau của tác phẩm "Hồ Chí Minh vì sao không lấy vợ?" và "Tình yêu vượt qua Hồng Hà" (Truyện Hồ Chí Minh), hai thiên này rất không đúng sự thực, chứng tỏ vòng hào quang chung quanh HCM chỉ là thần thoại giả tạo.

Nghi án ái tình giả tạo

Hồ Chí Minh vì sao suốt đời không lấy vợ?, tờ "Nhân Dân Nhật Báo" Trung Quốc, bản hải ngoại (bản số 3, ngày 16 tháng 9 năm 2000), Hồ Văn Sinh viết: "Năm 20 tuổi HCM lên một chiếc tàu thủy đến nước Pháp, bắt đầu tìm thấy chân lý ở chủ nghĩa Marx – Lenine. Trên đường đi, ông làm quen với một cô gái xinh đẹp người Việt, dáng mảnh mai, tính tình nhu thuận. Họ nhanh chóng có tình cảm với nhau. Khi HCM tham gia "Phong trào vận động giải phóng dân tộc Việt Nam" thì người bạn gái yêu thương bị kẻ thù giết hại một cách thảm khốc. Một hôm, ông đến gặp các nhà lãnh đạo chủ chốt của Việt Nam Thanh Niên Cách Mạng Đồng Chí Hội (VNTNCMĐCH) trịnh trọng tuyên bố: "Một khi VN chưa giải phóng, đất nước chưa thống nhất thì đời này, kiếp này tôi nhất định không thành gia thất". Từ Đại lục, "Phúc Kiến Kiều Báo" có đăng tải bài "Tình yêu vượt qua Hồng Hà, chuyện tình Hồ Chí Minh" với nội dung như sau: "Năm 20 tuổi, HCM rời quê hương Nghệ An ra đi trên một chiếc tàu thủy đến nước Pháp tìm chân lý qua nghĩa Marx - Lenine để giải phóng dân tộc. Hai tháng lênh đênh trên biển, ông làm quen với một cô gái con nhà gia thế, dáng vóc xinh đẹp, tính tình nhu thuận. Ông Hồ là một thanh niên cao thượng, phong cách tao nhã, làm việc cần mẫn không nghỉ, quyết chí hiến thân cho lý tưởng quốc gia độc lập, dân tộc giải phóng, làm người thiếu nữ vô cùng cảm động và ái mộ. Năm 1923, HCM đi Liên Xô học tập. Một thời gian sau người yêu của ông cũng được cử qua đường Liên Xô về nước truyền bá ngọn lửa cách mạng. Cặp tình nhân níu áo, rơi lệ từ biệt nhau. Sau đó, HCM từ Liên Xô trở về Quảng Châu - Trung Quốc vận động thành lập VNTNCMĐCH và "Hội Liên Hiệp Các Dân Tộc Á Đông Bị Áp Bức" (HLHCDTAĐBAB). Đúng vào lúc HCM toàn tâm toàn ý hoạt động cho sự nghiệp giải phóng dân tộc Việt thì một tin dữ truyền đến, người yêu của ông bị kẻ thù sát hại một cách thảm khốc. HCM đau đớn tưởng như không thể sống được nữa. Một ngày, ông đến gặp các cán bộ chủ chốt của VNTNCMĐCH trịnh trọng tuyên bố: "Việt Nam chưa giải phóng, đời này, kiếp này, tôi quyết không thành gia thất".

Tăng Tuyết Minh, người vợ đầu tiên của Nguyễn Ái Quốc

Câu chuyện hôn nhân, ái tình của Nguyễn Ái Quốc và Tăng Tuyết Minh

Tháng 11 năm 1924, Nguyễn Ái Quốc (NAQ) đến Quảng Châu đổi tên thành Lý Thụy. Vào một ngày cuối năm 1925, Tăng Tuyết Minh (TTM) đến trụ sở "Hội Phụ nữ Vận động Diễn tập" tìm gặp Thái Sướng, lúc xuống lầu, bất ngờ gặp Lý Thụy ở chỗ rẽ cầu thang. Khi ấy, hai người chẳng để ý gì đến lễ tiết mà cùng đối mặt nhìn nhau. Lý Thụy bị phong thái cao nhã, dáng vẻ rạng rỡ của cô bắt mất hồn, khi lên gác, không nén được bèn hỏi Thái Sướng: "Vị tiểu thư vừa rời khỏi đây tên là gì và có quan hệ thế nào với Hội Phụ nữ?". Thấy Lý Thụy dường như đã có tình ý với TTM nên Thái Sướng đã có nhã ý giới thiệu nhân thân cô gái Quảng Châu với anh ta, đồng thời, cùng Đặng Dĩnh Siêu đứng ra làm mối cho cuộc nhân duyên này.

Cô Tăng Tuyết Minh thời trẻ

Tăng Tuyết Minh sinh tháng 10 năm 1905 tại Quảng Châu, nguyên quán trấn Tông Khẩu, huyện Mai, tỉnh Quảng Đông. Cha là Tăng Khai, nhà buôn, đã từng kinh doanh ở Đàn Hương Sơn (San Francisco, California, Mỹ), cả nhà theo đạo Cơ Đốc. Tăng Tuyết Minh là con gái út của gia đình. Từ năm 1912 đến năm 1917, Tăng Tuyết Minh học tư thục tại Quảng Châu qua các trường Trấn Quang tiểu học và Đệ thập tứ Quốc dân tiểu học. Mùa xuân năm 1923, TTM vào học trường Nữ Hộ Sinh, năm 1925 tốt nghiệp. Sau khi được Hiệu trưởng Hoàng Ngọc Anh giới thiệu, cô đến làm nữ y tá trợ sản Sở Y vụ La Tú Vân, Quảng Châu. Lúc ấy, TTM vừa tròn hai mươi tuổi. Đương thời, Quảng Châu được xem như trung tâm cách mạng. Hà Hương Ngưng, Đặng Dĩnh Siêu, Thái Sướng sáng lập tổ chức "Phụ nữ Vận động Diễn tập". Chịu ảnh hưởng của tư tưởng cách mạng, TTM thường đến trụ sở Hội nghe diễn thuyết, tham gia hoạt động, kết bạn thân thiết với Đặng Dĩnh Siêu và Thái Sướng.

TTM có người anh thứ hai là Tăng Cẩm Tương là bạn cũ của Tôn Trung Sơn, tinh thông năm ngoại ngữ, văn bút tinh xảo, là giảng viên đại học. Tăng giáo thụ mời Lý Thụy đến nhà. Trong khi nói chuyện, thấy Lý Thụy khiêm nhường, tự tin, thiết thực, nhiệt tình, có viễn kiến, lịch duyệt và biết nhiều ngoại ngữ, ông đã thay mặt gia đình tác thành cho đôi lứa. Ngày 18 tháng 10 năm 1926, hôn lễ được cử hành long trọng tại nhà hàng Thái Bình Dương trước sự chứng kiến của đông đảo quan khách do Đặng Dĩnh Siêu, Thái Sướng chứng kiến và chủ trì. Cố vấn Nga Xô Mikhail Borodin, trợ thủ đắc lực của Trương Thái Lôi cũng đến chúc mừng.

Cuối năm 1926, Tăng Tuyết Minh mang thai. Lý Thụy khấp khởi mừng thầm vì sắp được hưởng niềm vui làm bố. Có điều, mẹ TTM là Lương Thị, sau khi biết việc này, sợ con gái sinh cháu bé sẽ theo chồng đi mất nên đã tìm mọi cách ép nàng phá thai. Tuy TTM có những mười anh chị em, nhưng trừ anh hai Tăng Cẩm Tương, còn lại đều sống xa gia đình. Cha mất sớm, mẹ tuổi già cô độc, vì chữ hiếu, nàng khó mà trái lời khuyên của mẹ nên đã gặp Lý Thụy nói sự thật rồi nuốt nước mắt bỏ đi cốt nhục của mình, để lại mối hận cho đến cuối đời. Từ khi kết hôn đến lúc hai người chia tay chưa đầy một năm.

Tình hình cách mạng Trung Quốc biến chuyển nhanh. Ngày 12 tháng 4 năm 1927, Tưởng giới Thạch gây ra sự kiện Trung Sơn Hạm triệt để phản bội cách mạng, điên cuồng truy sát các đảng viên cộng sản, tạo thành vụ khủng bố trắng tanh máu người làm chấn động dư luận quốc tế. Trước tình hình nghiêm trọng, Lý Thụy nhận chỉ thị của Quốc Tế Cộng Sản, theo đoàn cố vấn Nga Xô đi Vũ Hán, chuyển qua Thượng Hải, sau đó đến Vladivostok để sang Mạc Tư Khoa. Từ đó vợ chồng mỗi người một phương.

Năm 1929, Lý Thụy đến Hương Cảng đổi tên thành Tống Văn Sơ, tháng 2 năm 1930, theo chỉ thị của QTCS, thành lập ĐCSVN tại Cửu Long, Hương Cảng. Tháng 6 năm 1931, Tống Văn Sơ bị nhà cầm quyền Hương Cảng bắt giam tại nhà lao Victoria. Tống Văn Sơ tìm cách báo tin cho Tăng Tuyết Minh biết việc mình bị câu lưu. Được tin, các chị gái TTM nhiệt tình giúp đỡ bằng cách mời luật sư biện hộ để em rể thắng kiện trước tòa. TTM theo các chị đến nơi mới biết Tống Văn Sơ chính là Lý Thụy, chồng mình, vội đến nhà giam thăm nhưng không được gặp đành gạt nước mắt ra về.

Năm 1958, Viện Vệ sinh Y vụ Quảng Châu tiến hành chỉnh phong với phương châm "đại minh, đại phóng". Trong đám đống sự có người tố cáo, trước đây TTM và HCM có quan hệ hôn nhân mờ ám làm kinh động cả giới lãnh đạo ngành y tế. Sau mấy lần tra vấn, truy hỏi, TTM chỉ nói, người có sự trùng tên, vật có sự đồng dạng, chuyện hôn nhân có tính chất quốc tế này là bịa đặt. Căn cứ vào sự phủ nhận của đương sự, hơn nữa, đây là sự việc trọng đại, lãnh đạo ngành y tế bèn làm văn bản gửi lên Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Trung Quốc Thái Sướng. Thái Sướng liền gửi công văn cho Tỉnh ủy Quảng Đông nói rõ, Lý Thụy là một bí danh của HCM thời kỳ ở Quảng Châu, đồng thời cũng xác nhận Tăng

Tuyết Minh và Hồ Chí Minh đã từng là vợ chồng. Tuy nhiên, chuyện này liên quan đến quan hệ hai nước, không được làm ảnh hưởng đến tình hữu nghị Trung – Việt, sự việc mới lắng xuống.

Liệu Hồ Chí Minh có biết Tăng Tuyết Minh vẫn còn sống hay không? Vì sao ông ta không thông qua Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc (ĐCSTQ) nhờ tìm người vợ đã mất tin nhiều năm? Tăng Tuyết Minh một thân cô quả, thủ tiết chờ chồng từ năm hai mươi mốt tuổi, làm nghề nữ hộ sinh, trải qua sóng gió Cách mạng Văn hóa rồi nghỉ hưu, một thân một mình cho đến năm 1991 thì qua đời ở tuổi 86.

Vợ tôi, đối với Tăng Tuyết Minh thuộc hàng cháu, thường gọi bằng "cô Mười". Từ khi sinh ra đến lúc qua đời bà đều sống ở Quảng Châu, là tín đồ trung thành của đạo Cơ Đốc, ngày đêm cầu khấn cho Lý Thụy bằng an. Năm 1988, khi tôi cùng vợ về Quảng Châu viếng thăm bà cô Mười, trong ký ức bà vẫn nhớ đến Hồ Chí Minh lúc chia tay từ mấy chục năm trước. Bà kể tường tận cho chúng tôi nghe về thời kỳ quen biết Hồ Chí Minh, nảy sinh tình cảm nam nữ rồi quá trình tổ chức hôn lễ rất xúc động. Tôi gửi lại bà tấm ảnh quý và bức thư ngày trước viết cho HCM mà bà gửi tôi giữ hộ. Lúc ấy trong tay vợ tôi còn có chiếc nhẫn hồng ngọc mà Lý Thụy đã tặng lúc đính hôn cùng với tấm rèm cửa được cố vấn Mikhail Borodin chúc mừng hôn lễ. Những vật kỷ niệm này được gia đình tôi coi như bảo vật truyền gia của người bà để lại. Vào dịp kỷ niệm ngày sinh 111 năm của Hồ Chí Minh và 96 năm của Tăng Tuyết Minh, tôi, với tư cách là thành viên Sở Nghiên cứu Văn sử thành phố Vũ Hán, Ủy viên Chính hiệp Thành phố, là nhà thư pháp, hiểu rất rõ trách nghiệm và nghĩa vụ của mình khi soạn cuốn sách này. Bởi vì cuốn sách chính là tấm lòng kính yêu của một kẻ hậu sinh tưởng nhớ đến người cô TTM, cho dù tình cảm bị tổn thương vẫn một lòng chung thủy chờ chồng, suốt đời cam chịu sống độc thân, và lãnh tụ HCM, chiến sĩ đấu tranh không mệt mỏi vì sự nghiệp cách mạng dân tộc, vì sự nghiệp cách mạng Việt Nam và cách mạng thế giới, suốt đời sống độc thân, không mưu cầu hạnh phúc cho riêng mình. Dù thời gian qua đi nhưng tình cảm của hai người vẫn không thay đổi, một lòng một dạ trung trinh, đời đời ghi vào lịch sử.

Hồ sơ về hôn nhân, tình ái giữa Nguyễn Ái Quốc và Tăng Tuyết Minh

Viết về hôn nhân và tình ái của HCM, có thể điểm đến các tác phẩm "Hồ Chí Minh và người vợ Trung Quốc Tăng Tuyết Minh", dài khoảng 4200 chữ, do Từ Song Minh (cháu của người chị gái bà Tăng Tuyết Minh viết), Khổng Khả Lập phê bình, chú giải tại Nguyệt san "Vũ Hán Văn sử Tư liệu", năm 2001, kỳ 1; William J. Duiker, với "Truyện Hồ Chí Minh" gồm hai phần, cả hai phần này đều lấy tư liệu từ "Trung tâm Quân viễn chinh Bảo hộ" thuộc "Hồ sơ Pháp quốc Hải ngoại", hòm số 367, tiêu đề "Hồ sơ Nguyễn Ái Quốc, 1926 – 1927).

Phần thứ nhất, chương 4 – "Long đích truyền nhân" (Người nối dòng rồng), trang 143, nội dung như sau: "Mùa xuân, năm 1927, NAQ dừng lại ở Quảng Châu già nửa năm. Ông ta đã trở thành nhân vật trọng yếu được các thành viên trong đảng đoàn kính nể, đồng thời cũng kiến lập được mối quan hệ rất tốt với nhà cách mạng Chu Ân Lai, Trương Thái Lôi và các lãnh tụ Quốc Dân Đảng cánh tả (là đảng viên ĐCSTQ) Liêu Trọng Khải v.v. Đến lúc ấy, chẳng những NAQ đã ổn định cuộc sống tại Trung Quốc mà còn muốn tìm một người vợ để học Trung văn, đồng thời lo liệu mọi sinh hoạt gia đình. Không lâu sau, một người đồng sự là Lam Đức Thư (Lâm Đức Thụ?!) giới thiệu với NAQ một thiếu nữ là Tăng Tuyết Minh để hai người làm quen. Tuy cô gái là con một gia đình có giáo dục nhưng một số đồng nghiệp vẫn không tán thành. NAQ bất chấp mọi phản đối, quyết định cầu hôn. Sau hôn lễ, hai người chuyển đến ở một phòng trên tầng 2 biệt thự của Mikhail Borodin. Việc này đã được báo cáo với Mạc Tư Khoa".

Một phần khác, ghi chép tại chương 6 – "Xích sắc Nghệ Tĩnh" (Màu đỏ Nghệ Tĩnh), trang 188 -189 viết: "Tình yêu giữa NTMK và NAQ không phải mọi người đều biết, thậm chí cũng chẳng biết có hay không hôn lễ cử hành chính thức". Từ tháng 4 năm 1927, tuy NAQ đã rời TQ, vẫn còn chưa mất hết dấu tích, chứng cứ là, vào năm 1930, TTM ngẫu nhiên gặp lại chồng ở Hương Cảng nhưng cuối cùng quan hệ giưa hai người vẫn không nối lại. Theo một đồng chí của NAQ là Lam Đức Thư (Lâm Đức Thụ?!) nói với một người quen ở Cục Bảo An: "TTM chê NAQ nhiều tuổi, không hợp với mình, đồng ý kết hôn chỉ vì lý do kinh tế". Khoảng gần một năm sau, khi NAQ rời Quảng Châu có gửi cho TTM một bức thư: "Hai ta phân ly gần một năm, cho dù không nói được lời nào nhưng anh vẫn thấy tình cảm chẳng khác gì ngày trước. Anh viết gửi em mấy dòng này làm vật chứng, xin em chắp tay trước nhạc mẫu chuyển lời của anh chúc phúc đến bà". Khi quan hệ hôn nhân của NAQ và TTM chấm dứt, vào năm 1931, ông bắt đầu có quan hệ luyến ái với với một nữ đồng chí trẻ tuổi người đồng hương là NTMK, đồng thời đề nghị Cục Viễn Đông tổ chức đám cưới cho hai người. Giáo sư Hoàng Tranh, viện trưởng Viện Khoa học lịch sử Quảng Tây, đã dành nhiều thời gian và tâm huyết nghiên cứu về mối quan hệ Trung Việt và HCM. Sau nhiều năm điều tra, khảo chứng, ông đã viết trên tờ "Đông Nam Á tung hoành" (Dọc ngang Đông Nam Á), kỳ 12, tháng 11, năm 2001, kết luận Hồ Chí Minh đích xác có một người vợ Trung Quốc là Tăng Tuyết Minh.

Lettre envoyée par Nguyen Ai Quoc à sa femme, transmise à la Sûreté indochinoise le 14 août 1928

Bien que séparés depuis bientôt plus d'un an, les sentiments que nous éprouvons l'un pour l'autre n'ont pas besoin d'être dits pour être éprouvés. A présent, je profite de l'occasion pour t'envoyer quelques mots afin que tu soies rassurée, et pour dire bonjour aussi à ta mère et lui présenter mes voeux de bonheur.

Thư gửi Tăng Tuyết Minh bị Mật thám Đông Dương chặn được ngày 14.8.1928, hiện tàng trữ tại C.A.O.M. (Aix en Provence). Xuất xứ Daniel Hémery, HO CHI MINH : De L'Indochine au Vietnam

Trung Cộng ẩn giấu chuyện hôn nhân Tăng Tuyết Minh

NAQ và TTM, năm 1925 bắt đầu có quan hệ luyến ái, năm 1926 kết hôn, vậy vì sao, người cháu con bà chị là Từ Song Minh đến năm 2000 mới công bố bài viết "Hồ Chí Minh và người vợ Trung Quốc Tăng Tuyết Minh" kể về chuyện hôn nhân của bà Cô Mười? Qua sử liệu và quá trình nghiên cứu, đối chiếu, ta có thể thấy bên trong sự kiện này có nhiều vấn đề phức tạp. Sự thật cuộc hôn nhân này dường như đã bị ban lãnh đạo Cộng sản Việt Nam bưng bít, xem như một loại tài liệu cơ mật không thể công bố. Năm 2000, William J. Duiker xuất bản cuốn "Truyện Hồ Chí Minh", tập 1, tác giả có đề cập đến chi tiết, một đồng chí của NAQ là Lam Đức Thư (Lâm Đức Thụ?!) tố cáo với Cục Bảo An Pháp như sau: "TTM chê NAQ nhiều tuổi, không phù hợp với mình, chấp nhận kết hôn chẳng qua là do nhu cầu kinh tế". Đoạn này rất không phù hợp với sự thực lịch sử, bởi nó đã vu khống tình yêu chân chính (sinh tử luyến) và tấm lòng trung trinh của TTM với NAQ, bôi nhọ nhân cách và danh dự của bà làm cho Từ Song Minh vô cùng phẫn nộ đối với W.J. Duiker. Vì thế, năm 2001, ông mới viết bài "Hồ Chí Minh và người vợ Trung Quốc Tăng Tuyết Minh" do Khổng Khả Lập phê bình, đăng tại Nguyệt san "Vũ Hán Văn sử Tư liệu". Bài báo cực lực phản bác Lam Đức Thư vu khống, đồng thời khẳng định tình cảm của bà cô TTM đối với NAQ trước sau như một không hề thay đổi. Qua bài viết, Từ Song Minh cũng đã làm sáng tỏ giai đoạn bị ẩn giấu sau 75 năm quan hệ hôn nhân của Nguyễn Ái Quốc và Tăng Tuyết Minh, từ đó cũng chứng minh được Trung Cộng và Việt cộng luôn tìm cách che giấu sự thật lịch sử này.

Nguyệt san Vũ Hán Văn Sử Tư Liệu

Trong "Hồ Chí Minh và người vợ Trung Quốc" có đoạn viết: "Ngày 19 tháng 5 năm 1950, Tăng Tuyết Minh đọc tờ "Văn Hối Báo" thấy in ảnh chân dung Hồ Chí Minh cùng điện văn chúc mừng sinh nhật lần thứ 60 của Trung ương ĐCSTQ và Chủ tịch Mao Trạch Đông (MTĐ) kèm theo bài viết về cuộc đời hoạt động và sự nghiệp văn chương của ông. Đến lúc ấy bà mới biết, hình bóng người chồng thân thương lúc nào cũng thấp thoáng hiện về trong giấc ngủ hàng đêm chính là Chủ tịch Hồ Chí Minh. Tuy nhiên mọi cố gắng của Tăng Tuyết Minh liên hệ với Hồ Chí Minh đều không có kết quả. Trong "Thê thiếp, nhân tình của Hồ Chí Minh", "Lĩnh Nam di dân" viết: "Tháng 5 năm 1950, Tăng Tuyết Minh đọc "Nhân Dân Nhật Báo" mới biết người chồng xa cách hơn hai mươi năm là Hồ Chí Minh, Chủ tịch nước VNDCCH. Bà đã mấy lần gửi thư đến Đại sứ quán Việt Nam tại Bắc Kinh cho Hoàng Văn Hoan nhưng không bao giờ nhận được hồi âm. Sau năm 1954, TTM lại đề nghị với nhà nước Cộng Hoà Nhân Dân Trung Hoa sang Hà Nội gặp HCM nhưng cuối cũng vẫn bị lãnh đạo Trung Cộng cự tuyệt.

Theo tinh thần của bài viết, rõ ràng cho thấy, NAQ của năm 1926 và HCM của năm 1950 là không cùng một người. Trung Cộng và Việt Cộng vì muốn che dấu thân phận thật của HCM nên không dám để TTM gặp mặt ông ta. Người chủ trì hôn lễ lúc ấy là Thái Sướng và Đặng Dĩnh Siêu biết rõ HCM năm 1950 không phải là NAQ (Lý Thụy) năm 1926, chỉ biết giả câm giả điếc, biết rõ TTM đau khổ mà không làm gì được.

Hôn nhân Tăng Tuyết Minh, thật giả - một vụ án kép

Trong "Hồ Chí Minh và người vợ Trung Quốc Tăng Tuyết Minh" có đoạn: "Năm 1958, Viện Vệ sinh Y vụ Quảng Châu tiến hành chỉnh phong với phương châm "đại minh, đại phóng". Trong đám đồng sự có người tố cáo trước đây TTM và HCM có quan hệ hôn nhân mờ ám làm kinh động cả giới lãnh đạo ngành y tế. Sau mấy lần tra vấn, truy hỏi, TTM chỉ nói: "người có sự trùng tên, vật có sự đồng dạng", chuyện hôn nhân có tính chất quốc tế này là bịa đặt. Căn cứ vào sự phủ nhận của đương sự, hơn nữa, đây là sự việc trọng đại, lãnh đạo ngành y tế bèn làm văn bản gửi lên chủ tịch Hội liên hiệp phụ nữ TQ Thái Sướng. Thái Sướng liền gửi công văn cho Tỉnh ủy Quảng Đông nói rõ, Lý Thụy là một bí danh của HCM thời kỳ ở Quảng Châu, đồng thời cũng xác nhận TTM và HCM đã từng là vợ chồng. Tuy nhiên, chuyện này nếu xử lý không thận trọng sẽ ảnh hưởng đến quan hệ hữu nghị hai nước, nội vụ mới được dẹp yên.

Liệu HCM có biết TTM vẫn còn sống hay không? Vì sao ông ta không thông qua Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc (ĐCSTQ) nhờ tìm người vợ đã mất tin nhiều năm?

Trong "Mối tình nồng thắm giữa Hồ Chí Minh và Lâm Y Lan" có đoạn viết: "Năm 1958, bên bờ sông, tại Hà Nội, hai ông già thong thả buông cần câu cá, đó chính là Hồ Chí Minh và Đào Chú. Hồ Chí Minh thần sắc khác thường trịnh trọng nói với Đào Chú: "Trung Quốc có câu 'Lúc trẻ là vợ chồng, về già là bạn'. Tôi và Lâm Y Lan quen biết nhau đã hơn 20 năm, vì sự nghiệp cách mạng đành gác lại tuổi thanh xuân, giờ muốn đón Y Lan sang Hà Nội, bí mật cử hành hôn lễ để thỏa nguyện mong ước bấy lâu". Sau khi về nước, Đào Chú báo cáo với Chủ tịch Mao Trạch Đông đề đạt nguyện vọng của Hồ Chí Minh. Khi ấy Thủ tướng Chu Ân Lai và các vị lãnh đạo cao cấp cũng có mặt, vô cùng kinh ngạc. Về phía mình, Bắc Việt vội triệu tập cuộc họp Bộ Chính Trị để biểu quyết về sự kiện đặc biệt này.

Hai bài báo trên đều xuất hiện vào năm 1958. "Hồ Chí Minh và người vợ Trung Quốc Tăng Tuyết Minh" xuất hiện vào thời kỳ Trung Cộng "đại minh, đại phóng", sự kiện hôn nhân của TTM và NAQ bị hiểu sai. Thân phận nhân vật nam chính NAQ bị biến thành HCM theo kiểu "râu ông nọ cắm cằm bà kia" hay "hồn Trương Ba da hàng thịt" tạo nên sóng

gió của một vụ án kép (song bào án). Bài "Mối tình nồng thắm của Hồ Chí Minh và Lâm Y Lan" kể về việc HCM nhờ ĐCSTQ nối lại mối quan hệ hôn nhân với người phụ nữ Quảng Đông Lâm Y Lan. Hai sự kiện hôn nhân và tình ái trên đã thể hiện rất rõ sự khác nhau của mỗi trường hợp. Hoàn cảnh xuất hiện con người và tình yêu cũng không giống nhau. Tình yêu của Nguyễn Ái Quốc với Tăng Tuyết Minh có Đặng Dĩnh Siêu, Thái Sướng, Mikhail Borodin, Trung Cộng và QTCS chứng kiến. Tình yêu giữa Hồ Chí Minh và Lâm Y Lan có Mao Trạch Đông, Đào Chú của Trung Cộng, Tổng Bí thư Lê Duẩn và các Ủy viên Bộ Chính Trị Đảng Cộng sản Việt Nam biết rõ.

Có thể khẳng định, bất cứ ai, nếu không biết rõ, sẽ không dám tự tiện đưa sự kiện này lên báo chí, càng không thể có gan bịa đặt, hư cấu. Cho nên, hai bài báo về hai sự kiện hôn nhân mâu thuẫn nhau như đã trình bày phải được khẳng định là có cơ sở thực tế.

"Tăng Tuyết Minh lúc tuổi già" Trên tường treo ảnh chân dung Hồ Chí Minh

Bài "Hồ Chí Minh và người vợ Trung Quốc Tăng Tuyết Minh", phần cuối có kèm thêm hai tấm ảnh chân dung, một trong hai tấm có dòng chữ "Tăng Tuyết Minh lúc tuổi già". Trên tường treo ảnh chân dung Hồ Chí Minh chụp năm 1960, nhưng nếu so với tấm ảnh Lý Thụy, tức NAQ treo trước tủ gương thì hai khuôn mặt rất không giống nhau. Tấm ảnh NAQ chụp năm 1930 có đeo cravate. Tác phẩm "Truyện Hồ Chí Minh", của giáo sư William J. Duiker, trong một trang ảnh kèm theo có hai tấm chân dung NAQ và tấm chân dung TTM để trong hộp gương gần như giống nhau hoàn toàn. W.J. Duiker nói rõ về tấm ảnh bên cạnh: "HCM và bạn bè thanh minh, suốt đời ông chưa bao giờ thắt cravate", nhưng căn cứ vào tấm ảnh chân dung, có thể chứng minh, HCM bảo mình chưa bao giờ thắt cravate là chuyện hoang đường. Từ chi tiết trên, bất giác tôi nhận ra được cái lý trái ngược của sự hoang ngôn ấy. Bởi vì, từ đầu chí cuối William J. Duiker luôn cho rằng NAQ và HCM chỉ là một người nên mới có chuyện nghi ngờ HCM suốt đời chưa từng thắt cravate. Khẳng định NAQ và HCM không phải là hai người, William J. Duker giải thích thế nào về lời thanh minh của ông ta?

Kiểm tra tỷ mỉ các tấm ảnh chân dung từ sau năm 1933 kèm theo hồ sơ, bất kể là HCM chủ trì các hội nghị lớn nhỏ, phát biểu trước đồng bào toàn quốc, cũng như các chuyến xuất ngoại sang Liên Xô, Trung Quốc, Ấn Độ hay nước Pháp... đều chưa thấy ông đeo cravate. Nói chung, trang phục thường xuyên của Hồ Chí Minh chỉ là loại quần áo đồng màu như Lenine hoặc Tôn Trung Sơn. Cách ăn mặc này có phần chất phác, không mấy coi trọng hình thức, thậm chí còn có vẻ quê mùa. Đây là kiểu sinh hoạt rất đặc biệt của Hồ Chí Minh.

Ngược lại, cách ăn mặc của Nguyễn Ái Quốc lại tỏ ra rất hợp thời trang. Ví dụ, năm 1907, lúc NAQ 17 tuổi, rời nhà vào Huế học hệ sơ học Trường Quốc học, bị bạn bè trêu chọc, chế giễu đã chủ động cắt tóc ngắn, trang phục như trào lưu thời thượng. Tại nước Pháp, Liên Xô hay Trung Quốc, cho dù gặp lúc kinh tế quẫn bách, nhưng tại các cuộc họp, NAQ vẫn tạo mọi điều kiện để mặc Âu phục, thắt cravate. Những tấm ảnh còn lại được lưu trong hồ sơ của ông đã chứng thực nhận xét trên. Trong "Thê thiếp và nhân tình của Hồ Chí Minh", "Lĩnh Nam di dân" từng viết: "Con gái Vera Vasilieva từng nói với Sophie Quinn Judge 'Nguyễn Ái Quốc ăn mặc cực kỳ chỉnh tề và đúng mốt thời trang'. Ông ta thường phối hợp màu sắc một cách hài hòa khiến mọi người đều phải chú ý vào chiếc cravate. Hơn nữa, trên người Nguyễn lúc nào cũng phảng phất mùi nước hoa càng tăng thêm vẻ lịch lãm". Phía sau tấm ảnh chân dung dường như còn ẩn giấu nỗi đau buồn của câu chuyện tình thời trai trẻ.

Khói lửa chiến tranh chứng kiến tình yêu – Nữ sĩ Nguyễn Thị Minh Khai
Tự khúc bi ca ái tình

Tình yêu và hôn nhân của Nguyễn Ái Quốc (NAQ) và Nguyễn Thị Minh Khai (NTMK) vào năm 1930-1931 trước sau cộng lại không đầy một năm vì hai người từ biệt nhau đến Hương Cảng thì bị cảnh sát bắt giam, kết thúc giai đoạn hôn nhân ngắn ngủi. Cuộc hôn nhân tuy không dài nhưng lịch sử đã ghi lại rất rõ ràng, trong khói lửa chiến tranh, tình cảm của đôi lứa thật chân thành. Năm 1932, NAQ bị bệnh qua đời là sự thực, còn NTMK, đến năm 1935 cải giá, kết hôn với Lê Hồng Phong (LHP), cùng là sự thật. Sự việc này vốn dĩ rất bình thường nếu như không có bàn tay Quốc Tế Cộng Sản (QTCS) thao túng, bí mật đạo diễn màn kịch "hồn Trương Ba - da hàng thịt", cùng giới chóp bu Trung cộng và Việt cộng, tạo ra chung quanh Hồ Chí Minh (HCM) vòng hào quang, biến ông thành một vị thánh, phỉ báng mối tình đẹp đẽ của NAQ và NTMK.

Hồ sơ hôn nhân của Nguyễn Thị Minh Khai

1/ William J. Duiker viết về quan hệ hôn nhân, tình ái của Nguyễn Ái Quốc và Nguyễn Thị Minh Khai

William J. Duiker, trong "Truyện Hồ Chí Minh" viết: "Hồ sơ về tình yêu, hôn nhân của NAQ và NTMK gồm ba phần. Tư liệu của ba phần này đều dẫn từ "Trung tâm Quân viễn chinh Bảo hộ" thuộc "Hồ sơ Pháp quốc Hải ngoại", hòm số 367 và "Hồ Chí Minh từ Đông Dương đến Việt Nam" của Đạt Ni Ai Nhĩ Hách Mai Lý, do NXB Galimard-Paris, ấn hành năm 1990.

Phần thứ nhất

Tại chương 6 "Màu đỏ Nghệ Tĩnh" ("Xích sắc Nghệ Tĩnh"), trang 85 viết: "Tháng 10 năm 1930, tại nhà trọ "Nhất Đống", phố Khai Di, Cửu Long, Hương Cảng, khai mạc Hội nghị Trung ương , NAQ là đại biểu QTCS được cử làm Chủ tịch ĐCSVN. Cùng dự còn có một nữ đảng viên trẻ tuổi, mắt sáng, da ngăm ngăm, được ủy nhiệm làm trợ lý cho NAQ là NTMK".

Phần thứ hai

Cũng tại chương 6, trang 198-199, tác giả viết: "NAQ tại Hương Cảng chờ tin tức. Từ khi NTMK làm trợ lý cho NAQ, hai người đã nảy sinh tình cảm. Minh Khai tuổi trẻ, ngoại hình hấp dẫn đã làm NAQ mê đắm. Tình yêu của NAQ và NTMK đến khá nhanh chóng. Vào mùa xuân năm 1932, hai người đã báo cáo với Cục Viễn Đông đề nghị được kết hôn. Đại biểu QTCS là Hải Lai Nhĩ Nặc Lâm (Mikhail Borodin) đã gửi thư thông báo cho NAQ vào tháng tư. Tuy nhiên, không lâu sau, NTMK vì bị tình nghi có liên can đến hoạt động phiến loạn, bị cảnh sát Hương Cảng bắt chuyển về Quảng Châu tống giam vào nhà tù QDĐ.

Phần thứ ba

Tại chương 7 "Đứng trước những biến động", trang 224 - 225, viết: "Ngày 25 tháng 7 năm 1935, khai mạc Hội nghị QTCS lần thứ 7 tại Mạc Tư Khoa, ĐCSĐD cử ba đại biểu là LHP, NTMK và Hoàng Văn Nọn (Nông) tham gia hội nghị. Ban tổ chức Hội nghị yêu cầu cả ba đại biểu đều đọc tham luận. NAQ lúc ấy là thư ký Cục Viễn Đông, đến Hội nghị với tư cách quan sát viên, không được phép phát biểu, như một diễn viên phụ, đóng vai trò bàng quan.

Trước khi Hội nghi khai mạc mấy tháng, Ban lãnh đạo ĐCSĐD có gửi cho bí thư thứ nhất Đông Phương Cục một bức thư, kèm theo bản báo cáo mật, nội dung đề cập đến "Nguyễn Ái Quốc phu nhân", một đại biểu tham gia Hội nghị. Lời văn ám chỉ NAQ và NTMK, năm 1932, tại Hương Cảng, trước khi bị cảnh sát bắt đã từng là vợ chồng. Có lẽ như Tô Duy Ai, tác giả "Quoc's wife" (Vợ của Quốc), từng suy đoán, trên đường sang Mạc Tư khoa, NTMK ái mộ phong độ anh tuấn của LHP rồi nảy sinh tình yêu chăng? Có khả năng, vào mùa xuân năm 1931, sau khi khi chia tay với NAQ rồi bị bắt, đến lúc ấy đã qua 4 năm,

tình cảm hai người không còn đằm thắm như trước. Cho dù sự thực thế nào, thì sau khi Hội nghị 7 bế mạc không lâu, LHP và NTMK đã kết hôn tại Mạc Tư Khoa.

Thời gian NAQ và NTMK sống với nhau, có thể nói, nhân thân của NAQ có nhiều vấn đề khó lý giải. Trở lại một số năm trước, ông chưa từng nói với các đồng chí về mối quan hệ này. Tuy nhiên các nhà lãnh đạo Hà Nội lại ra sức phủ nhận hai người đã từng có quan hệ vợ chồng. Cũng không loại trừ trường hợp, NAQ và NTMK chưa kịp cử hành hôn lễ chính thức mà chỉ có sự chứng kiến của một số ít đồng sự làm cơ sở pháp lý. NAQ cùng một lúc mất cả vợ lẫn quyền lãnh đạo (Liệu có đúng?!), phải chăng, như một nhà quan sát từng nói "hai lần tủi nhục".

2/ Sophie Quinn Judge viết về quan hệ hôn nhân, tình ái của Nguyễn Ái Quốc và Nguyễn Thị Minh Khai

Trong tác phẩm "Những năm tháng Hồ Chí Minh mất tích", tài liệu mà Sophie Quinn Judge dùng để thuật lại quan hệ hôn nhân của NAQ và NTMK gồm hai phần. Phần một, dẫn từ hồ sơ số 367 của "Trung tâm Quân viễn chinh Bảo hộ" thuộc "Hồ sơ Pháp quốc Hải ngoại", ngày 12 tháng 2 năm 1931 do Victor viết gửi về. Phần hai, dẫn từ "Lịch sử hiện đại Liên Xô" của "Trung tâm Nghiên cứu và Lưu trữ" 495/154/688, trang 14, từ các ngày 14, 17 tháng 12 năm 1934 và ngày 31 tháng 3 năm 1935 của Cục Hải Ngoại gửi về Mạc Tư Khoa.

Phần một, chương 5 "Cao trào cách mạng", trang 182, viết: "Mùa đông năm 1930, NAQ báo cáo với Cục Viễn Đông kế hoạch kết hôn. Ngày 12 tháng 1, Cục Viễn Đông gửi văn bản trả lời, nội dung là NAQ phải thông báo thời gian chính xác trước hai tháng. Vì thư hồi đáp không ghi danh tính người nhận chỉ nên chỉ có thể suy đoán là chuyện hôn sự của HCM. Sang tháng hai, HCM bàn với NTMK, đầu năm mới, chuẩn bị đón khách từ Tây Cống và Đông Kinh đến thăm.

Phần hai, chương 6, có tiêu đề "Chết ở Hương Cảng, mai táng ở Mạc Tư Khoa?" (trang 202- 203), viết: "Ngày 8 tháng 12 năm 1930, ba đại biểu của ĐCSĐD đến Mạc Tư Khoa. Những người này phân biệt rõ rệt với các thành viên của Cục Hải Ngoại, là LHP, NTMK và Hoàng Văn Nọn. Tổng Bí Thư ĐCSĐD Hà Huy Tập gửi thư cho QTCS nói, NTMK là vợ NAQ. NTMK sau khi đến Mạc Tư Khoa, điền vào tờ khai cá nhân, ở mục hôn nhân là đã có chồng tên là PC.Lin, chính là một trong những bí danh của HCM. Về điểm này có thể nói, thời gian quan hệ vợ chồng đằm thắm của hai người chỉ như hạt sương mai trên ngọn cỏ. Tuy nhiên HCM chưa bao giờ được những người cộng sản chính thức công nhận đã từng có vợ. NTMK ở Mạc Tư Khoa thường dùng bí danh Phan Lan.

3/ Tác phẩm "Chị Minh Khai" của nhà văn Nguyệt Tú, ngày kỷ niệm Quốc tế Phụ nữ năm 2005, NXB Tổng hợp Tp HCM ấn hành có liên quan đến chuyện tình ái và hôn nhân, viết như sau:

- Vào một tháng của năm 1930, là thời kỳ NAQ tham gia giảng dạy tại khóa huấn luyện chính trị. Hôm ấy là một ngày mưa bão, khắp các đường phố, cây cổ thụ bị bão đánh bật tung gốc. MTMK trong nhóm học viên nhòm qua ra sổ, nói: "Hôm nay có khả năng đồng chí Lý Thụy không đến được". Nhưng chỉ một lúc sau đã thấy đồng chí bước vào, tay cầm ô, áo quần ướt sũng nước. Đồng chí ấy đã lên lớp đúng giờ. MTMK nhìn thân thể gầy yếu của Lý Thụy, trong lòng vô cùng lo lắng.

- Ngày 29 tháng 4 năm 1932, NTMK bị bắt, ba năm liền giam trong ngục, không nhận được bất cứ tin tức nào. MTMK nhớ lại những ngày sau khi bị bắt ở Hương Cảng, từ nhà giam, cô định gửi cho các đồng chí mảnh giấy nhắn tin, nhưng rồi lại nghĩ, liệu có được chuyển đến tay người nhận hay không? Chắc là không thể được nên đã thu lại mảnh giấy mà chỉ gửi lời nhắn. Cách đấy không lâu, ngày 6 tháng 6 năm 1932, đồng chí NAQ bị mật thám Anh bắt tại Cửu Long. Cô nghĩ đến người lãnh đạo chủ chốt của cách mạng Việt Nam phải đối diện với hiểm nguy, lòng đau như cắt.

- NTMK và các đồng chí trong đoàn đại biểu tham gia Hội nghị 7 QTCS, từ đoàn trưởng LHP đến Hoàng Văn Nọn, đều không ai có đủ quần áo ấm. Minh Khai tranh thủ thời gian, cố gắng đan cho Hoàng Văn Nọn chiếc áo len cộc tay và LHP chiếc khăn quàng cổ. Hoàng Văn Nọn tham gia rất nhiệt tình vào lễ thành hôn giản dị những vô cùng vui vẻ, thắm tình đồng chí của LHP và NTMK. Sau này, trong hồi ký của mình, Hoàng Văn Nọn kể về hôn lễ của LHP và NTMK: "Lúc trở về nhà, nhìn thấy mâm cơm chiều có nhiều món ăn hơn so với ngày thường, tôi hỏi: "Hôm nay Minh Khai làm cô dâu nên chiêu đãi anh em phải không?". Minh Khai đỏ mặt không nói gì, chỉ lắc đầu cười. Khi mọi người đã ngồi vào bàn, Hà Huy Tập đứng lên trịnh trọng tuyên bố: "Hôm nay, Đảng vì anh chị tố chức hôn lễ, chúng tôi chúc cho cô dâu chú rể sống đến đầu bạc răng long".

Sự thật về quan hệ hôn nhân giữa Nguyễn Ái Quốc và Nguyễn Thị Minh Khai

1/ William J. Duker viết: "Năm 1931, NAQ và NTMK bắt đầu yêu nhau, sau đó đề nghị Cục Viễn Đông cho phép kết hôn.

2/ Sophie Quinn Judge viết: "Mùa đông năm 1930, NAQ báo cáo Cục Viễn Đông kế hoạch kết hôn. Cục Viễn Đông có thư trả lời nhưng vì thư hồi đáp không ghi danh tính người nhận chỉ nên chỉ có thể suy đoán là chuyện hôn sự của HCM. Trong vòng hai tháng, HCM bàn với vị hôn thê, sau năm mới chuẩn bị đón khách từ Tây Cống và Đông Kinh đến thăm.

3/ Nhà văn Nguyệt Tú, trong "Chị Minh Khai" viết: "Hoàng Văn Nọn kể lại: Tham dự lễ cưới đơn giản nhưng vô cùng vui vẻ, thắm tình đồng chí của LHP và NTMK, anh Hà Huy Tập trịnh trọng tuyên bố: 'Hôm nay, Đảng vì anh chị tố chức hôn lễ, chúng tôi chúc cho cô dâu chú rể sống đến đầu bạc răng long' ".

Tổng hợp các ghi chép trên, có thể thấy, báo cáo của NAQ về việc kết hôn với NTMK vào mùa đông năm 1930 với Cục Viễn Đông và hôn lễ được cử hành tại Hương Cảng vào mùa xuân năm 1931 là có thực. Nguyệt Tú dẫn lại hồi ức của Hoàng Văn Nọn đã bất ngờ làm rõ việc ĐCSVN cố tình ẩn giấu sự thực hôn nhân giữa NAQ và NTMK. Bản ý của Hoàng Văn Nọn cho rằng, năm 1931, hôn lễ của NAQ và NTMK là sự thực, còn việc LHP kết hôn với NTMK tại Mạc Tư Khoa chỉ là lễ cưới giả. Những người chủ trương ẩn giấu sự kiện hôn nhân NAQ và NTMK không ngờ đến mấy dòng ghi chú phần cuối: "Vương huynh" chỉ LHP, "Duy tỉ" chỉ NTMK đã vô tình làm lộ tẩy chân tướng .

Khảo cứu kỹ lưỡng nhiều lần các từ "Vương huynh" và "Duy tỉ" có thể thấy, "Vương huynh" chỉ "lão Vương" hoặc "đồng chí Vương", "Duy Tỉ" là "Chị Duy" hoặc "A Duy", bí danh của NTMK. Danh xưng "Vương huynh " và "Duy Tỉ" được dùng vào những năm 1924 đến 1931 lúc NAQ và NTMK công tác tại Quảng Châu, Hương Cảng.Trong khi ấy, LHP dùng biệt danh Litvinov, Tuệ An, Gia Chính, Hạ Dương v.v... nhưng chưa bao giờ dùng "Vương huynh" làm bí danh (gần đây, khi bí mật trên bại lộ, những người viết tiểu sử LHP đã thêm cho ông bí danh "Vương..." để phản bác những ý kiến đối lập, nhằm hợp lý hóa thân phận HCM và LHP. Xin tham khảo mục "Lê Hồng Phong" trên từ điển mở Wiki). Điều này làm cho người ta không khỏi nghi ngờ. Hà Huy Tập vào năm 1935, không có khả năng xuất hiện tại Mạc Tư Khoa trong hôn lễ LHP và NTMK. Tháng 6 năm 1934, Hà Huy Tập giữ chức Tổng Bí Thư, sau khi chủ trì Hội nghị Áo Môn, đến năm 1938 bị bắt, năm 1942 bị xử tử và chưa bao giờ đến Mạc Tư Khoa, làm sao có thể chủ trì hôn lễ của LHP và NTMK? Điều này chứng tỏ, Ban lãnh đạo cao cấp ĐCSVN cố tình che giấu sự thật hôn nhân của Nguyễn Ái Quốc và Nguyễn Thị Minh Khai.

Hôn ước của Lê Hồng Phong và Nguyễn Thị Minh Khai

1/ William J. Duiker viết: "Ngày 25 tháng 5 năm 1935, khai mạc Hội nghị lần thứ 7 QTCS tại Mạc Tư Khoa, LHP, NTMK và Hoàng Văn Nọn là đại biểu chính thức của ĐCSĐD. Hội

nghị kết thúc, LHP và NTMK ở lại Mạc Tư Khoa, không lâu sau, hai người đến Phòng đăng ký giá thú làm thủ tục kết hôn.

2/ Nhà văn Nguyệt Tú viết:

- Sau khi Hội nghị 7 QTCS kết thúc, LHP từ biệt NTMK trở về Việt Nam công tác tại Xứ ủy Nam Kỳ, lấy bí danh là Lý, với tư cách đại biểu Trung ương. LHP và đồng chí Quang ở cùng một nơi. Hai người phụ trách phong trào vận động công nhân, cùng ở trong một gian phòng bình dân khu chợ Sắt Tây, ít lâu sau lại chuyển đến Ngã Sáu. Đồng chí Quang rất thông cảm với Minh Khai, ngẫu nhiên được gặp chồng mà chỉ bàn bạc công việc, rất khó để cùng ăn với nhau một bữa cơm. Phòng của LHP chỉ đủ kê chiếc giường bạt, ban ngày gấp lại, tối đến mới mở ra để ngủ.

- Tết Nguyên Đán năm 1940, Minh Khai ở chợ Tân Thành, gần đường Mạch Khắc mã Hồng (tác giả dự đoán đây là tỉnh Tân Tri, thuộc Nam Kỳ – Có lẽ là Tân Định và Mac Mahon ở Saigon, vì không có tỉnh nào là Tân Trì cả) trong nhà hộ sinh Hồng Phúc nổi tiếng. Tại đây NTMK sinh hạ bé gái. Đứa bé ra đời được 5 ngày thì NTMK đặt tên cho con là Nguyễn Thị Hồng Minh, chính là tên lót của LHP và NTMK ghép lại. Ngày 30 tháng 7 năm 1940, NTMK bị cảnh sát Pháp bắt giam tại nhà tù Phú Mỹ. NTMK bao giờ cũng mặc bộ đồ trắng đến phòng hỏi cung. Ngày 28 tháng 8 năm 1941, NTMK bị dẫn ra pháp trường Phúc Môn Bình Lăng Cương (có thể là tên Pháp đường Paul Blancourt, ở Saigon) xử tử. LHP nhận được tin vợ thọ nạn, một năm sau, vào một ngày tháng 9 năm 1942, bị tra tấn dã man cũng chết ở nhà tù Côn Đảo.

Theo ghi chép ở trên, quan hệ hôn nhân của LHP và NTMK là chính xác. Năm 1935, sau Hội nghị 7 QTCS, hai người đã đăng ký kết hôn, Tết năm 1940, Nguyễn Thị Minh Khai sinh con gái Nguyễn Thị Hồng Minh, năm 1941 bị thực dân Pháp xử bắn. LHP chết ở nhà tù Côn Đảo năm 1942.

Bí danh P.C.Lin của Hồ Chí Minh không phải là Nguyễn Ái Quốc

Năm 1934, bí danh P.C.Lin (hoặc P.C.Lâm) của HCM chắc chắn không phải là NAQ. Tại chương 2 “Màn kịch trộm rồng đổi phượng”, ở mục 3 “Ve sầu thoát xác, thực giả nhân sinh”, tôi đã dẫn những chứng cứ về việc NAQ bị lao phổi đã chết vào mùa thu năm 1932, còn HCM, từ Hạ Môn qua Thượng Hải đi Mạc Tư Khoa là một người khác. Nói rõ hơn, khoảng thời gian từ mùa xuân đến mùa hè năm 1933, người đến Mạc Tư Khoa mang bí danh Linov hoặc P.C.Lin chính là Hồ Tập Chương, không phải NAQ. QTCS đã cử người thay thế NAQ dùng bí danh thay cho thân phận ông ta. Trong khi ấy, Ban lãnh đạo ĐCSVN cố tình đề cao mối tình Lê Hồng Phong và Nguyễn Thị Minh Khai, giấu kín và ra sức phủ nhận quan hệ hôn nhân của Nguyễn Ái Quốc và Nguyễn Thị Minh Khai, dẫn đến hệ quả là: Lê Hồng Phong, Nguyễn Thị Minh Khai và bí danh P.C.Lin của Hồ Chí Minh, ba người nhưng lại có bốn thân phận trong quan hệ hôn nhân, làm cho tình hình trở nên vô cùng phức tạp. Điều này khiến cho các tác giả viết truyện ký về Hồ Chí Minh, mỗi người đều tự tìm ra những nhầm lẫn trong sử liệu để giải thích về các mối quan hệ hôn nhân đầy nghi vấn của họ.

Nguyễn Ái Quốc Nguyễn Thị Minh Khai Hồ Chí Minh

1/ Năm 1934, sau khi đến Mạc Tư Khoa, NTMK phải điền vào tờ khai nhân thân là đã có chồng tên P.C.Lin. Nếu NTMK biết bí danh của NAQ là P.C.Lin thì làm sao lại có thể công khai kết hôn với LHP để làm mất mặt NAQ? NAQ và HCM cùng mang bí danh P.C.Lin, vậy vì sao, năm 1935, khi cùng đến Mạc Tư Khoa dự Hội nghị 7 QTCS, NTMK lại coi NAQ gần như người xa lạ? Việc này nhất định không hợp tình hợp lý. Chỉ có một cách giải thích là QTCS đã chơi trò bỡn cợt "dời hoa tiếp cây" (di hoa tiếp mộc), giấu nhẹm mối tình cao đẹp, trong sáng của NAQ và NTMK mà đề cao cuộc hôn nhân giữa LHP với NTMK.

2/ NAQ với tư cách Bí thư Cục Viễn Đông, tham dự Hội nghị 7 QTCS với tư cách quan sát viên, không được quyền phát biểu, chỉ lẳng lặng ngồi một bên nhìn thế sự. Rõ ràng là, trong thời gian NAQ và NTMK có quan hệ thân mật, người ta đã dự liệu sẵn một kế hoạch nào đó. NAQ cùng một lúc bị tước quyền lãnh đạo Đảng và mất vợ. Chuyện đúng sai khoan hãy bàn, nhưng khi nghe một nhà phân tích nhận định ông "bị hai lần tủi nhục" thì bản thân người đọc cũng thấy bất bình.

Lời bàn:

NAQ , bí danh P.C.Lin, đến Hội nghị 7 QTCS với tư cách quan sát viên, không được phát biểu, từ đầu đến cuối chỉ lẳng lặng ngồi nghe các đồng chí của mình đăng đàn, trái ngược hẳn với Hội nghị lần thứ 5. Khi ấy, NAQ lấy danh nghĩa QTCS, vận động các nguyên thủ quốc gia, một mình thượng đài, ra sức tranh thủ diễn đàn phát biểu chính kiến, thật là có sự khác nhau giữa hai người. Như trên đã nói, hiện tượng rất không bình thường trên chỉ có thể giải thích hợp lý nhất là, người tham dự Hội nghị 7 QTCS năm 1935 không phải Nguyễn Ái Quốc mà là Hồ Tập Chương mang bí danh P.C.Lin.

3/ NAQ lấy bí danh P.C.Lin trong thời gian làm việc tại Viện Nghiên Cứu "Các vấn đề dân tộc và thuộc địa". Thời gian ấy, NTMK và năm học viên đang học trong trường Đại học Phương Đông. Trong những ngày diễn ra Hội nghị 7 QTCS, NAQ đã tận tình giúp đỡ sửa chữa, biên tập văn bản tham luận Hội nghị, góp phần làm cho Đoàn đại biểu ĐCSĐD hoàn thành nhiệm vụ một cách xuất sắc làm cho LHP và NTMK thật sự cảm động.

Sau khi tổ chức hôn lễ, công việc của LHP vô cùng bận rộn, một trong số đó là lập kế hoạch trù bị cho Đại hội Thanh niên Cộng sản Quốc tế lần thứ 6, đồng thời đề cử NTMK tham gia với tư cách đại biểu của phụ nữ của ĐCSĐD. NAQ được mời làm đại biểu dự thính. Ngày bế mạc, Đại hội tuyên bố, ĐCSĐD chính thức trở thành một chi bộ của QTCS. LHP được bầu làm Ủy viên Ban chấp hành QTCS. Trong buổi liên hoan giữa Đoàn đại biểu Đảng cộng sản Pháp (ĐCSP) và Đoàn đại biểu ĐCSĐD, NTMK và LHP cùng song ca một bài do LHP viết nhạc, NTMK đặt lời. (Nguyệt Tú, "Chị Minh Khai", trang 76, 82,83, 89 và 90).

Lời bàn:

Cuốn sách "Chị Minh Khai" của Nguyệt Tú luôn luôn ẩn giấu mối quan hệ hôn nhân của NAQ và NTMK, đồng thời tô vẽ mối tình giữa LHP và NTMK. Tuy nhiên sự thực lịch sử không giống như lời kể trên. Chuyện rắc rối ở đây là, từ NAQ, LHP (P.C.Lin) đến NTMK, ba người lại có đến bốn thân phận công khai hoạt động. NTMK và LHP biểu hiện mối tình nồng thắm, với NAQ (P.C.Lin), hai người kính trọng như khách, xem ra rất hợp lý. Rốt cuộc, P.C.Lin này chính là Hồ Tập Chương cùng NTMK đến Mạc Tư Khoa xem như mới quen biết nhau nên tỏ thái độ kính trọng là hợp lẽ. Với NAQ, NTMK ngoài tình đồng chí còn là tình nghĩa vợ chồng cao đẹp, một người cộng sản như NTMK không thể cầm tay LHP cùng vui vẻ song ca ngay trước mặt ông chồng đáng kính, bởi hành vi ấy chính là làm nhục NAQ...

Hồ Chí Minh và tri kỷ má hồng – Lâm Y Lan tiểu thư

Hồ sơ về mối tình Hồ Chí Minh và Lâm Y Lan

Chuyện tình của HCM và Lâm Y Lan chủ yếu căn cứ vào ghi chép của Lương Ích Tân qua bài viết "Mối tình nồng thắm giữa Hồ Chí Minh và Lâm Y Lan" . Lương Văn Nguyên viết "Thế giới lịch sử Đảng Cộng Sản Trung Quốc" năm 2004, đăng trên Nguyệt san "Nhân Dân Văn Trích", kỳ 12, dài khoảng ba ngàn ba trăm chữ, là bài viết muộn nhất cung cấp cho bạn đọc tư liệu về chuyện tình ái của Hồ Chí Minh. Đây là tác phẩm thuộc thể tài tiểu thuyết, từng đoạn, từng đoạn kể về cuộc tình của Hồ Chí Minh (HCM) với Lâm Y Lan (LYL). Nội dung tác phẩm được thể hiện qua nhiều chi tiết khá lý thú, làm xúc động lòng người. Chỉ tiếc, các sử liệu được vận dụng, chỗ thì lắp ghép một cách khiên cưỡng, chỗ lại tập hợp trình bày nhảy cóc, nhất là đoạn nói về mối tình với Nguyễn Thanh Linh trong những năm 1930. Việc làm này dường như tác giả có ý đồ tạo ra sự lẫn lộn Hồ Chí Minh với Nguyễn Ái Quốc , đồng nhất hai người làm một, tô vẽ ông thành một nhân vật phi thường, mặc dù, trên thực tế, Nguyễn Thanh Linh chỉ là nhân vật hư cấu. William J. Duiker, trong "Truyện Hồ Chí Minh", chương 5 "Quyết chiến tối tiền tuyến"(...), trang 554- 555, có những chi tiết tương đồng với các tư liệu báo chí đã công bố. Từ đó có thể khẳng định, mối tình của HCM và LYL là có thực.

Mối tình của Hồ Chí Minh và Lâm Y Lan

Từ những năm 30 của thế kỷ trước, để tạo điều kiện cho Hồ Chí Minh công tác tại Quảng Đông, Hương Cảng, Trung Cộng đã bố trí một thiếu nữ là Lâm Y Lan đóng giả làm vợ để giúp đỡ việc sinh hoạt hàng ngày cho ông ta. Không lâu sau, hai người có tình ý với nhau. nhưng đó là thời kỳ năm 1938 đầy sóng gió, nên cuối cùng mối quan hệ luyến ái này không đi đến hôn nhân. LYL hoài niệm về mối tình xưa, nhớ thương HCM, lâu ngày không biết còn sống hay đã chết, sức khỏe suy giảm rồi qua đời vào năm 1968. HCM biết tin, vô cùng đau khổ, một năm sau cũng tạ thế. Lúc hấp hối ông có nhắc đến tên LYL.

Lời đầu (Dẫn tử)

Mùa đông, Mạc Tư Khoa tuyết rơi không ngừng. HCM ở một ga xe bên sườn núi ngoại thành, dầm mình trong cái lạnh khốc liệt của tiết trời băng giá, nước mắt lã chã rơi thấm ướt cả lá thư. Bức thư báo tin dữ, người bạn gái thân thiết Nguyễn Thanh Linh (NTL) vừa bị giặc sát hại. Ông nghĩ đấy không phải là sự thật, mắt trừng trừng nhìn vào dòng chữ, đọc đi đọc lại nhiều lần từng chữ một. Không sai, thư viết rất rõ ràng, NTL đã bị ngộ hại tại VN.

Bạn gái Nguyễn Thanh Linh bị sát hại

HCM và NTL bắt đầu quen nhau vào mùa xuân năm 1930. Năm ấy HCM đang bôn ba hải ngoại tìm chân lý cách mạng, trên đường về Việt Nam ngẫu nhiên gặp NTL. NTL chẳng để ý đến việc gia đình phản đối, kiên quyết hiến thân cho sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, truyền bá ngọn lửa cách mạng, trở thành người bạn thân thiết và trợ thủ đắc lực của HCM. Tại Việt Nam, NTL vận động giới phụ nữ tham gia đấu tranh chống thực dân, đế

quốc áp bức bóc lột, trở thành một cán bộ đảng rất có uy tín. Thời kỳ HCM sang Liên Xô học tập kinh nghiệm cách mạng, do bị một kẻ phản bội khai báo, NTL chẳng may bị địch bắt. Đối mặt với những dụ dỗ, truy bức, cô vẫn kiên trinh bất khuất, đến chết vẫn không chịu cúi đầu. Cuối năm ấy, trong cuộc họp VNTNCMĐCH của lưu học sinh Việt Nam, HCM tuyên bố trước mọi người: "Đồng chí Nguyễn Thanh Linh đã hy sinh anh dũng nhưng đồng chí vẫn sống mãi trong lòng chúng ta. Dòng máu đỏ của đồng chí không chảy phí hoài mà nó càng tô thắm ngọn cờ giải phóng dân tộc. Tôi tuyên bố với thế giới, một khi nước Việt Nam chưa được giải phóng thì đời này, kiếp này sẽ không xây dựng gia đình". HCM không thể ngờ, câu nói trên lại ảnh hưởng đến chuyện hôn nhân sau này. Nó giống như trái núi lớn đè nặng lên tâm lý, không thể chống đỡ làm ông đau khổ cho đến lúc qua đời.

Trốn tránh truy bắt, ẩn mình ở Quảng Châu

Năm 1930, Tưởng Giới Thạch điều động quân đội Quốc Dân Đảng bao vây tiễu trừ Hồng quân khu Giang Tây, đồng thời ra lệnh cho các địa phương khẩn trương truy bắt các phần tử cộng sản. Dương Thành (Quảng Châu) cũng không ngoại lệ. HCM lúc này đang ở Quảng Châu. Nơi đây, trước đó do nhu cầu công tác, ông đã mấy lần về Việt Nam, tuy nhiên, lần này thì khác, HCM bị đặc vụ truy đuổi ráo riết, không chốn nương thân, chỉ còn cách liên lạc với Tỉnh ủy Quảng Đông nhờ giúp đỡ. Bí thư Tỉnh ủy Quảng Đông - Đào Chú đã bố trí một nữ đảng viên là Lâm Y Lan, đóng giả làm vợ HCM để bảo vệ an toàn cho ông ta. Khi ấy HCM trở về nhà trọ thu xếp hành lý tìm đến nơi ở mới. Vừa vào đến cửa ông sững lại bởi cô gái đứng trước mình có khuôn mặt hao hao giống Nguyễn Thanh Linh, người yêu của mình đã bị địch xử tử năm nào. Cô gái không biết làm cách nào giải thích cho đối phương mà chỉ hỏi: "Ông là HCM tiên sinh phải không? Tôi họ Lâm, thường gọi là Lâm Y Lan". HCM biết mình nhận lầm người, vội nói: "Xin lỗi cô Lâm, tôi lầm".

Lâm Y Lan được giao nhiệm vụ làm "vợ" Hồ Chí Minh

Sau đó, HCM từ từ kể lại mối tình mười năm với NTL gợi đến niềm tâm sự, nước mắt bỗng nhiên trào ra. LYL nghe tâm sự, bất giác cũng cảm như mình lâm vào cảnh ngộ ấy, trong lòng vô cùng cảm động. Tiếp đó, Tỉnh ủy Quảng Đông thông báo với HCM hiện tại Hương Cảng rất phức tạp, đặc vụ Quốc Dân Đảng có mặt khắp nơi, không có việc gì chúng không dám làm, nên dặn đi dặn lại LYL phải bảo vệ HCM an toàn. Lúc ấy, Đào Chú nửa đùa nửa thật bảo: "Các bạn nên nhớ, đến một ngày hai "vợ chồng" trăm tuổi, Y Lan tuyệt đối không được bỏ rơi "phu quân" mà không quản lý đấy nhé", làm LYL, vốn là một tiểu thư chưa chồng, hai má đỏ lựng. Lấy danh nghĩa người "vợ", LYL chăm sóc HCM trong sinh hoạt thường ngày vô cùng tận tình, chu đáo làm cho HCM đặc biệt cảm kích, đã có lúc muốn thổ lộ tình cảm, nhưng vì thời cơ chưa chín muồi nên trong lòng vẫn trù trừ. LYL thấy HCM nói với mình những lời chân thành, thâm tâm đã có phần ưng ý, nhưng vì là phận nữ nhi, không tiện nói ra. Lúc chia tay, HCM ôm lấy LYL, dùng khăn tay lau nước mắt cho cô: "Hãy cứng rắn lên, đừng để kẻ thù cười chúng ta mềm yếu", nói rồi lấy quyển nhật ký đưa cho LYL: "Tâm sự của tôi đều ở trong này, sẽ cùng đi với em".

Trong hoạn nạn thấy sự chân thành

Ba ngày sau khi HCM được cứu thoát, LYL nhìn đăm đăm vào khuôn mặt hốc hác của ông, hỏi: "Chí Minh, sao không đợi tôi đến đón?". HCM nói: "Tôi nghĩ, càng về nhanh càng chóng được gặp muội". Nói rồi HCM đưa cho LYL một nhành hoa lan: "Xin tặng muội, chúc mọi sự vui vẻ". Thấy LYL có vẻ bối rối, HCM lại nói: "Muội đã đọc nhật ký chưa? Lòng tôi luôn tin tưởng hoa lan không bao giờ bị héo". LYL nhận hoa, không nén được tình cảm, ngã vào lòng HCM.

Những năm 50 của thế kỷ XX, Trung Quốc đại lục đã được giải phóng, lúc này LYL là cán bộ cao cấp của Tỉnh ủy Quảng Đông. HCM trở về nước tiếp tục sự nghiệp cách mạng chưa hoàn thành. Bấy giờ, Đào Chú là Bí thư Trung ương Cục Hoa Nam kiêm Bí thư thứ nhất Tỉnh ủy Quảng Đông, thấy LYL vẫn sống cô đơn đã đứng ra làm mối vài đám nhưng lần

nào cũng bị cô khéo léo từ chối. Lúc ấy Đào Chú không hiểu tâm trạng LYL, sau nhiều lần cân nhắc, cuối cùng ông hỏi thẳng cô ta: "Giấy không bọc được lửa, hơn nữa, việc này cũng chẳng có gì là bí mật. Nói thật đi, người ấy là ai?" LYL thong thả bảo: "Hồ Chí Minh". Đào Chú nghe xong thất kinh, mãi một lúc sau mới hỏi lại: "Chủ tịch ĐCSVN Hồ Chí Minh? Ông ta yêu cô phải không?". LYL gật đầu: "Hồ Chí Minh nói là tôi hãy đợi ông ấy". Nghe xong, Đào Chú tự trách mình: "Ôi chao! Chỉ tại ngày ấy tôi hồ đồ giao nhiệm vụ cho cô, nào ngờ dẫn đến chuyện hai người ở hai phương trời thương nhớ lẫn nhau..."

Không di lưỡng đại tương tư

LYL vẻ mặt rạng rỡ hạnh phúc, cười khẽ: "Việc này không thể trách đồng chí. Tôi và HCM hai người đã dốc lòng cùng nhau, hồng nhạn đưa tin, thế nào cũng có ngày tái ngộ. Huống hồ, tình cảm của hai người đã là vĩnh cửu, há đâu phải một sớm một chiều (Lưỡng tình nhược thị trường cửu thời, hựu khởi tại triêu triêu mộ mộ). Tôi tin tưởng tình yêu qua thời gian đã được thử thách". Đào Chú chỉ biết xoa tay. Ông đã rõ chuyện, chỉ đợi xem tình huống phía Việt Nam. Mối nhân duyên này, có thể nói, sự thành công là không dám chắc. Ông hiểu rõ mình gánh trọng trách, hơi thiếu cẩn trọng, rất có thể sẽ gây nên bi kịch di hận ngàn thu.

Dịp may đã đến. Đó là chuyến thăm Trung Quốc của Chủ tịch HCM vào ít năm sau đó. Đào Chú bèn thỉnh cầu Mao Trạch Đông sắp xếp cho ông và nữ cố nhân Quảng Đông gặp mặt. Mao Chủ tịch lập tức gọi điện cho Bí thư Tỉnh ủy Quảng Đông - Đào Chú, LYL và những Ủy viên Thường vụ khác về Bắc Kinh. LYL nhận được tin báo vui mừng đến phát cuồng. HCM kết thúc chuyến thăm Trung Quốc sắp lên máy bay về nước, bỗng nhiên ông nhìn thấy LYL vội sải bước đến gần cô, hai tay nắm chặt không nói nên lời. Hai người nhìn nhau rất lâu, lòng rưng rưng xúc động trào nước mắt. Trước lúc phi cơ khởi trình, LYL lấy cuốn nhật ký ngày nào đưa trả lại HCM, nhẹ nhàng bảo: "Không có anh bên cạnh, lâu rồi tôi không ghi nhật ký, xin gửi lại anh".

Ủy thác Đào Chú làm mối

Vào một ngày đẹp trời năm 1958, trên bờ sông ở Hà Nội, hai ông già lặng lẽ buông cần câu. Họ chính là HCM và Đào Chú. Lúc ấy HCM thần sắc có vẻ khác thường, trịnh trọng nói với Đào Chú: "TQ có câu 'Lúc trẻ là vợ chồng, về già là bạn'. Tôi và LYL biết nhau đã hơn hai mươi năm, vì sự nghiệp cách mạng đành tạm gác tình riêng. Đến nay chúng tôi cũng đã có tuổi, muốn đón LYL sang Hà Nội, bí mật tổ chức hôn lễ để thỏa ý nguyện từ những năm trước". Sau khi về nước, Đào Chú bay đến Bắc Kinh báo cáo sự việc với Trung ương ĐCSTQ. Chủ tịch Mao Trạch Đông chuyển đạt ý nguyện của HCM đến Tổng lý Chu Ân Lai. Tại Phủ Thủ tướng Quốc vụ viện, các vị lãnh đạo đều vô cùng kinh ngạc.

Chuyện hôn sự của Hồ Chí Minh không nhỏ

Mao chủ tịch trầm ngâm một lúc rồi nói: "Nói cho cùng, chính là chúng ta đề xướng ra đoạn tình duyên này, hôn nhân tự chủ, nên đáp ứng nguyện vọng của Hồ Chí Minh, nhưng đây không phải là việc nhỏ, chớ xem thường".

Hội nghị Bộ Chính Trị Đảng Lao động Việt Nam

Hồ Chí Minh và Lê Duẩn ngồi đối diện nhau, hai bên là các Ủy viên Bộ Chính Trị. Sự việc được đưa ra nhưng mọi người đều im lặng không nói. Cuối cùng HCM đập bàn, đứng lên: "Tôi chịu đựng đủ rồi. Thật tình tôi không nghĩ là sẽ được gặp lại người ta. Tôi có quyền quyết định việc riêng của mình, vì vậy, đề nghị các đồng chí không nên thuyết phục nữa". Lê Duẩn tuy bất bình nhưng chưa dám gây căng thẳng, vẫn bình tĩnh nói: "Thưa Bác! Bác không nên quá xúc động, phải tính kế lâu dài, nên cân nhắc kỹ rồi hãy hành động. Chúng tôi can ngăn lúc này là vì lo cho Bác. Bác từng nói 'Việt Nam chưa giải phóng thì đời nay, kiếp này tôi không xây dựng gia đình'. Câu nói ấy có ảnh hưởng rất lớn. Một khi Bác làm trái lời thề thì ý nghĩa của sự nghiệp thần thánh Giải phóng miền

Nam cũng như uy tín 'cha già dân tộc' của Bác sẽ bị tổn thương, không những thế uy tín của Đảng ta trước phe XHCN cũng như cộng đồng quốc tế cũng bị giảm sút". Thực ra tâm trạng Lê Duẩn vô cùng mâu thuẫn, ông ta không muốn ép HCM, nhưng vì ở cương vị Bí thư thứ nhất nên bắt buộc phải tỏ thái độ cứng rắn.

Thiểu số phục tùng đa số

HCM thấy Lê Duẩn nhất quyết can thiệp vào hạnh phúc riêng tư của mình, không nói nữa mà bảo: "Theo nguyên tắc, thiểu số phục tùng đa số, đề nghị các đồng chí giơ tay biểu quyết". Nói rồi ông đưa mắt nhìn sang hai bên. Ý kiến tán thành và phản đối ngang nhau, riêng Lê Duẩn vẫn ngồi im. Mọi người đều chăm chú theo dõi thái độ của Bí thư thứ nhất. Lúc ấy Lê Duẩn mới từ từ nâng tay phải, nhưng đến nửa chừng lại đột nhiên bỏ thõng xuống, thở dài nói: "Tôi không thể làm mất uy tín của Bác". Điều làm Lê Duẩn giật mình là, HCM không nổi trận lôi đình, trái lại, ông chỉ cười nhạt rồi thong thả rời cuộc họp bước ra ngoài.

Bi kịch tình yêu kết thúc

Tại bệnh viện Quảng Châu, LYL trông ngóng HCM nhưng chỉ nhận được bức thư vài dòng ngắn ngủi: "Y Lan thân mến! Chúng ta vô duyên không thể tái hợp. Muội đã nghe nói đến tình yêu theo kiểu Platonic chưa? Tuy không được ở bên nhau nhưng tâm hồn hai ta mãi mãi dung hòa nhất thể". LYL cầm lá thư ném xuống bệ cửa sổ, nhìn theo lá thư vờn bay theo gió, hai dòng lệ lã chã tuôn rơi. Sau đó LYL viết thư hồi đáp HCM, trong thư, bà sử dụng hai câu trong "Trường hận ca" của Bạch Cư Dị:

"Trên trời xin làm chim chắp cánh, dưới đất nguyện làm cây liền cành; Trời cao đất dày rồi cũng tận, tình này vĩnh viễn mãi không nguôi".(Tại thiên nguyện vi tỷ dực điểu, tại địa nguyện vi liên lý chi; Thiên trường địa cửu hữu tận thời, thử tình miên miên vô tuyệt kỳ).

Bà chuyển chữ "hận" cải thành chữ "tình" để chứng tỏ tấm lòng thủy chung như nhất của mình đối với HCM. Bức thư bất đắc dĩ của HCM là một đòn nặng nề đánh vào tinh thần LYL khiến bà bị suy sụp rồi mắc trọng bệnh, năm 1968 thì qua đời. HCM nghe tin người yêu mất thì vô cùng ân hận và thương cảm. Sau đấy một năm, vào ngày 2 tháng 9 năm 1969, lúc hừng đông, HCM bỗng nhiên thở dài, lúc hấp hối ông đã gọi tên Lâm Y Lan. Trở lên là câu chuyện tình của HCM và LYL. Chuyện ly kỳ này là do Lương Ích Tân viết trong tác phẩm "Mối tình nồng cháy của Hồ Chí Minh và Lâm Y Lan".

Sự thật về mối tình của Lâm Y Lan

Trong "Truyện Hồ Chí Minh", trang 554-555, William J.Duiker viết: "Tháng 8 năm 1965, Đào Chú thăm Hà Nội, HCM có nhờ ông làm mối cho một phụ nữ trẻ, người Quảng Đông trước đây từng quen biết nhau. Khi trở lại Trung Quốc, Đào Chú báo cáo với Chu Ân Lai lời thỉnh cầu trên. Chu Ân Lai bèn cùng với lãnh đạo Bắc Việt thương thảo việc này nhưng cuối cùng không có kết quả". William J. Duiker viết đoạn này, nếu đem đối chiếu với các bài "Mối tình nồng cháy của HCM và LYL"; "Ủy thác Đào Chú làm mối"; "Hội nghị Bộ Chính Trị Đảng Lao động Việt Nam"v.v. thì các chương mục gần như có nội dung thống nhất. Chi tiết Hồ Chí Minh yêu cầu Đào Chú tác thành với một người phụ nữ Quảng Đông để làm bạn là xác thực với những sự việc báo chí dã đưa tin. William J.Duiker viết tại chương này: (Hán văn trang 668) chỉ rõ nguồn gốc là "Chu Đào chi mê" của tác giả Quách Trinh, đăng tải trên tạp chí "Văn học Quân sự Tây Nam", kỳ 72, Thành Đô 1995. Trong phần chú giải phụ thêm, William J. Duiker có một đoạn như sau: "Từ Cách mạng Văn hóa cho đến lúc trước khi bị thanh toán là lãnh đạo Tỉnh ủy Quảng Đông. Bà và HCM trước đây từng rất thân thiết nhau. Tôi căn cứ vào văn bản suy đoán, sự kiện này xảy ra vào mùa xuân hoặc mùa hạ năm 1966".

Trong bài viết "Mối tình nồng cháy giữa HCM và Lâm Y Lan", ở phần "Trốn tránh truy bắt, ẩn mình ở Quảng Châu", có đoạn: "Năm 1930, Tưởng Giới Thạch điều động quân đội

Quốc Dân Đảng bao vây tiễu trừ Hồng quân khu Giang Tây, đồng thời ra lệnh cho các địa phương khẩn trương truy bắt các phần tử cộng sản. Dương Thành (Quảng Châu) cũng không ngoại lệ. HCM lúc này đang ở Quảng Châu. Nơi đây, trước đó do nhu cầu công tác, ông đã mấy lần về Việt Nam, tuy nhiên, lần này thì khác, HCM bị đặc vụ truy đuổi ráo riết, không chốn nương thân, chỉ còn cách liên lạc với Tỉnh ủy Quảng Đông nhờ giúp đỡ. Bí thư Tỉnh ủy Quảng Đông - Đào Chú đã bố trí một nữ đảng viên là Lâm Y Lan, đóng giả làm vợ HCM để bảo vệ an toàn cho ông ta". Ở mục: Lâm Y Lan được giao nhiệm vụ làm "vợ Hồ Chí Minh" và "Trong hoạn nạn thấy sự chân thành" đều có viết: "Không lâu sau, do một kẻ phản bội khai báo, HCM bị bắt nhưng ba ngày sau lại được cứu thoát".

Những phần ghi chép trên nói rõ là, vào đầu năm 1930, HCM đúng là bị bắt ở Quảng Châu. Đối chiếu với "Hồi ức Trịnh Siêu Lân" về sự kiện HCM bị bắt ở Quảng Châu vào năm 1931, đồng thời so sánh với bài viết "Hồ Tập Chương, đến từ Miêu Lật - Đài Loan bị bắt ở Quảng Châu, giam tại nhà ngục Nam Thạch Đầu" trên "Đài Loan Nhật Nhật Tân Báo" thì thấy rất rõ ràng, nhân vật nam chính trong bài "Mối tình nồng cháy giữa HCM và LYL" chính là Hồ Tập Chương đến từ Miêu Lật - Đài Loan. [Xem lại Thiên III "Ve sầu lột xác, thật giả kiếp người" (Kim thiền thoát xác chân giả nhân sinh), "Hồ Chí Minh bị bắt tại Quảng Châu", và Thiên IV "Những năm tháng phiêu bạt" (Phiêu bạt lưu lãng đích tuế nguyệt) đăng tải trên "Đài Loan Nhật Nhật Tân Báo".]

Theo nhận định của William J. Duiker, các bài viết "Nhờ Đào Chú làm mối" và "Chuyện hôn sự của Hồ Chí Minh không nhỏ" của tác giả Lương Văn là xác thực. Nhìn lại cuộc đời hoạt động chính trị thăng trầm của Đào Chú cũng có thể gián tiếp khẳng định, Chu Đào và LYL là một người. Đào Chú lãnh đạo Tỉnh ủy Quảng Đông từ mùa xuân năm 1951 đến năm 1966, từng là "phong cương đại lại" rồi nhảy nhanh lên Ủy viên Bộ Chính Trị, Phó Thủ tướng Quốc vụ viện, Bộ trưởng Tuyên truyền, Cố vấn Tiểu tổ Cách mạng Văn hóa, thứ bậc chỉ xếp sau Mao, Lâm, Chu, ngồi ghế thứ tư trong Thường vụ Bộ Chính Trị, có thể nói vận số vô cùng hanh thông. Thế nhưng, tai vạ bỗng đâu ập đến, trong Đại Cách mạng Văn hóa, Đào Chú bị "Lũ bốn tên" vu cáo thuộc phe "bảo hoàng". Chúng xúi giục Hồng Vệ Binh đấu tố, hạ nhục ông cho đến lúc thân tàn ma dại rồi chết một cách tức tưởi vào ngày 30 tháng 11 năm 1969. Cùng thời kỳ sóng gió ấy, Chu Đào bị hạ phóng ra biên giới Tây Nam.

Theo nội dung các bài "Hội nghị Bộ Chính Trị Đảng Lao động Việt Nam" và "Chuyện hôn nhân của Hồ Chí Minh không nhỏ", có thể thấy một sự thực là, Đảng Cộng sản Việt Nam đã sử dụng câu nói 'Một ngày đất nước chưa độc lập, tôi quyết không kết hôn' làm cái cớ gây áp lực mạnh lên ý nguyện xây dựng gia đình của Hồ Chí Minh.

Chuyện tình giữa Hồ Chí Minh và Đỗ Thị Lạc

Căn cứ vào "Thê thiếp và nhân tình của Hồ Chí Minh" của "Lĩnh Nam Di Dân", thì Hồ Chí Minh có bốn người phụ nữ trong các thời kỳ khác nhau. Người vợ đầu là Tăng Tuyết Minh, tiếp theo là Nguyễn Thị Minh Khai, Đỗ Thị Lạc và cuối cùng là Nông Thị Xuân. Mối tình với Đỗ Thị Lạc, tác giả viết: "Sau khi ra tù, HCM được tướng Trương Phát Khuê, tướng Tiêu Văn tín nhiệm. Ông được bổ sung làm Ủy viên dự khuyết Việt Nam Cách Mạng Đồng Minh Hội (VNCMĐMH), hoạt động rất có uy tín. Không lâu sau, được sự đồng ý của các tướng lĩnh Quốc Dân Đảng, HCM mang theo 18 người trở về Bắc Việt Nam sau khi kết thúc khóa huấn luyện cán bộ. Một trong 18 người theo HCM trở về là Đỗ Thị Lạc, người phụ nữ duy nhất trong Đoàn thường được mọi người gọi là "chị Thuận". Nhân thân Đỗ Thị Lạc không rõ, người ta chỉ biết cô này từ năm 1942 tại Liễu Châu, Quảng Tây, với tư cách học viên Ban Huấn Luyện quân sự. Trở về Cao Bằng, Việt Bắc, Đỗ Thị Lạc và Hồ Chí Minh sống chung với nhau một thời gian tại vùng Khuê Nam (?!), phụ trách công tác dân vận và thiếu nhi. Sử gia Trần Trọng Kim, trong hồi ký "Một cơn gió bụi", viết: "Đỗ Thị Lạc có với Hồ Chí Minh một người con gái. Tuy nhiên, sau một thời gian sống chung với nhau ở Khuê Nam, HCM dấn thân vào cao trào cách mạng, không bao giờ còn trở lại với ĐTL nữa".

Căn cứ vào các tư liệu đã tra cứu được, vào thời kỳ HCM đem theo 18 cán bộ về Việt Bắc

thì người phụ nữ có tên Đỗ Thị Lạc là có thật. Giáo sư Tưởng Vĩnh Kính, trong cuốn "Hồ Chí Minh ở Trung Quốc", trang 194 đến 206 viết: "Ngày 10 tháng 9 năm 1943, HCM được phóng thích tại Liễu Châu, được Tư lệnh Đệ tứ chiến khu Trương Phát Khuê tín nhiệm, giao nhiệm vụ cải tổ VNCMĐMH. HCM đề nghị với Trương Phát Khuê ý định về Việt Nam hoạt động, đồng thời chuyển giao cho ông bản đề cương kế hoạch "Nhập Việt công tác" được khởi thảo với bốn mục tiêu lớn. Căn cứ vào kế hoạch đại cương, HCM tự tuyển chọn 18 thanh niên cốt cán trở về Việt Nam làm công việc huấn luyện nhiệm vụ cách mạng. Danh tính của 18 người như sau: Dương Văn Lộc, Lê Nguyên, Vi Văn Tôn, Hoàng Nhân, Hoàng Quảng Triều, Nông Kim Thành, Hoàng Kim Vận, Hoàng Thanh Thủy, Phạm Văn Minh, Hà Hiến Minh, Hoàng Sỹ Vinh, Lê Văn Tiền, Nông Văn Mưu, Dương Văn Lễ, Hoàng Gia Tiên, Đỗ Trọng Viện, Trương Hữu Chí (đều thuộc Tổng đội Công tác Chiến địa) và Đỗ Thị Lạc (thuộc Đội Công tác Chính trị Biên giới)". Lại căn cứ vào "Hồ Chí Minh tại Liễu Châu" do Quảng Tây Nhân Dân xuất bản xã phát hành năm 2005, trang 103, có đoạn viết: "Từ 1943 đến 1944, dưới chân núi Cao Lượng, Liễu Châu, nơi Ban Huấn Luyện cán bộ mở lớp học, HCM thường đến giảng bài. Trong số học viên có một phụ nữ là Đỗ Thị Loan, quê tại thị trấn Bắc Môn, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn, bị bệnh, chữa không khỏi, chết tại Liễu Châu, mai táng dưới chân núi Cao Lượng, bia mộ ghi ngày sinh, ngày mất và quê quán bằng Trung văn". Có thể phỏng đoán, Đỗ Thị Lạc, Đỗ Lạc, Đỗ Thị Loan, danh tính ba lần chuyển dịch không giống nhau nhưng có lẽ vẫn cùng là một người.

Trần Trọng Kim viết: "Nghe tin Đỗ Thị Lạc đã có một người con gái với HCM nên có thể xem chuyện này là có thật". Căn cứ vào "Hồ Chí Minh và Trung Quốc" trang 164 của giáo sư Hoàng Tranh, có đoạn ghi chép về "Hồ Chí Minh và Đỗ Lệ Hoa", tôi phỏng đoán, Đỗ Lệ Hoa chính là Đỗ Thị Lạc. Chuyện như sau: "Tháng 8 năm 1962, HCM đến Trung Quốc, ở lại một thời gian, đã từng đến thăm phong cảnh nổi tiếng 'Thạch Lâm' ở Vân Nam. Đoàn Văn công Vân Nam có nữ ca sĩ hát giọng nữ cao Đỗ Lệ Hoa tháp tùng Chủ tịch HCM tham quan. Bên cạnh HCM, Đỗ tiểu thư đã có những giây phút vô cùng hạnh phúc. Trước đó một năm, HCM đã từng quen biết Đỗ Lệ Hoa. Đó là năm 1961, HCM cùng đoàn đại biểu Đảng Lao Động Việt Nam sang thăm Trung Quốc. Một ngày, tại Hoài Nhân Đường, Bắc Kinh, đoàn nghệ thuật chuẩn bị thăm Miến Điện, biểu diễn một buổi dành riêng cho các vị khách Việt Nam. Sau buổi biểu diễn, HCM đặc biệt đề nghị Đỗ Lệ Hoa cùng ông và Chủ tịch Mao Trạch Đông chụp chung một kiểu ảnh. HCM cười hiền từ nhìn Đỗ Lệ Hoa rất lâu như muốn lưu giữ mãi hình ảnh của cô. Lần này, khi đến nhà khách, Đỗ Lệ Hoa được thông báo, HCM mời vợ chồng cô đến Thạch Lâm tham quan thắng cảnh. Đỗ Lệ Hoa vô cùng phấn chấn, lòng thầm nghĩ, đã một năm qua rồi, không biết HCM giờ đây thế nào, cô hận là không thể lập tức chạy ngay đến bên Hồ Chủ tịch. Khi Đỗ Lệ Hoa vừa đến nhà khách Thạch Lâm, HCM đã chờ sẵn ở cửa trước, vừa nhìn thấy cô văn công, ông vội bước ra, thân mật gọi: 'Tiểu thư Lệ Hoa, hoan nghênh cô đến, có nhớ năm trước chúng ta gặp nhau ở Bắc Kinh không?'. Đỗ Lệ Hoa phấn khởi nói: 'Nhớ, nhớ ạ', rồi trân trọng trao tấm ảnh kỷ niệm đã được phóng to cho HCM".

Từ việc Đỗ Thị Lạc chết, độ tuổi của Đỗ Lệ Hoa; Đỗ Lệ Hoa đứng giữa Mao Trạch Đông và Hồ Chí Minh chụp ảnh kỷ niệm, đến cuộc gặp gỡ và tình cảm đặc biệt giữa Đỗ Lệ Hoa và Hồ Chí Minh ở khu nghỉ mát Thạc Lâm, làm cho người ta khó nói Đỗ Lệ Hoa không phải là người tình của Hồ Chí Minh.

Mối tình của Hồ Chí Minh và Nông Thị Xuân

Trần Quốc Hoàn vì có công trong việc trấn áp các phần tử phản cách mạng mà thành danh, năm 1953 được bổ nhiệm làm Bộ trưởng Công An. Năm 1955, một thiếu nữ là Nông Thị Xuân (NTX) từ vùng biên giới tỉnh Cao Bằng được đưa về Hà Nội. Cô này khá xinh đẹp được Chủ tịch Hồ Chí Minh để ý nên Ban Bảo vệ Sức khỏe Trung ương đã bố trí làm y tá bên cạnh ông Hồ. Một năm sau, NTX sinh với HCM một bé trai. Đứa bé được bí mật gửi nuôi vài nơi, nhưng cuối cùng, thư ký riêng của HCM là Vũ Kỳ đưa về nhà nhận làm con. Vào một ngày năm 1957, người ta phát hiện NTX bị tai nạn ô tô chết bên đường chân dốc Chèm. Không lâu sau, hai người em họ của cô Nông Thị Xuân cũng bị đột tử. Khi mới xảy ra sự kiện này rất ít người biết chuyện, nhưng nhiều năm sau, người chồng

chưa cưới của một trong hai thiếu nữ, đã viết thư gửi lên Quốc Hội, tố cáo Trần Quốc Hoàn cưỡng dâm Nông Thị Xuân rồi sát hại cô bằng một vụ tai nạn được công an dàn dựng. Anh ta nói rõ, Trần Quốc Hoàn sợ hai người em họ của Nông Thị Xuân tố cáo tội ác nên hắn đã cho mật vụ thủ tiêu cả hai chị em. Tất nhiên, sự kiện này bị ỉm đi và cũng không có bất cứ phiên tòa nào đủ bản lĩnh đứng ra thụ lý vụ án trên.Trần Quốc Hoàn xem như vô can, tại Đại hội III, y còn được bầu làm Ủy viên dự khuyết Bộ Chính Trị, những tin tức về vụ giết người bịt miệng dã man này đã được các cán bộ cao cấp của ĐCSVN tại Hà Nội biết rõ, có điều tất cả đều ngậm miệng, bởi họ không lạ gì Cảnh Con (tên tục của Trần Quốc Hoàn) vốn xuất thân từ dân đao búa, đã từng làm đủ nghề, từ cầm cờ đám ma, lưu manh trộm cắp đến lừa thầy phản bạn... HCM có biết hay không sự kiện động trời này, mọi người đều không dám khẳng định, cho dù, ông mới là "chính danh thủ phạm" của vụ án thảm khốc cướp đi mạng sống của ba thiếu nữ xinh đẹp, vô tội.

Mối tình của HCM và NTX được William J. Duiker ghi chép tại chương 9: "Giữa hai lần chiến dịch", trang 505-506 trong tác phẩm "Truyện Hồ Chí Minh". Phần chú thích từ trang 63 đến 660, nội dung dẫn từ "Đêm giữa ban ngày" của nhà văn Vũ Thư Hiên (con trai cụ Vũ Đình Huỳnh, thư ký riêng cho HCM thời kỳ 1946 -1955). Nguyên văn bản tố cáo tội ác Trần Quốc Hoàn của vị hôn phu cô Nguyễn Thị Vàng đăng tải trong "Việt Nam lục", mùa thu, tháng 8 năm 1997, trang 8-11.

Lúc ấy Hồ Chí Minh đã 65, Nông Thị Xuân mới gần 22

Trong "Thê thiếp và nhân tình của Hồ Chí Minh" của " Lĩnh Nam Di Dân" cũng ghi chép về mối quan hệ luyến ái giữa HCM và NTX: "Ngày 20 tháng 7 năm 1954, sau Hiệp định Genève, HCM trở về Hà Nội đảm nhiệm chức Chủ tịch nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa (VNDCCH). Năm 1955, Ban Bảo vệ Sức khỏe Trung ương tuyển một thiếu nữ thuộc thành phần gia đình cách mạng miền núi đưa về Hà Nội, phục vụ sinh hoạt cho HCM. Cô gái là Nông Thị Xuân, dân tộc Nùng (một chi nhánh của người Tráng, Quảng Tây, Trung Quốc. Việt Nam gọi là người Nùng), nhà ở thôn Hà Ma, xã Hồng Việt, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng. Lúc ấy Hồ Chí Minh đã 65, Nông Thị Xuân mới gần 22. Ít lâu sau, hai cô khác, một tên Vàng, một tên Nguyệt là con người cậu của Nông Thị Xuân cũng được chọn đưa về Hà Nội. Ba cô cùng ở trên gác hai ngôi nhà số 66 phố Hàng Bông Nhuộm. Vì để mối quan hệ giữa HCM và NTX không bị tiết lộ, mỗi lần cô Nông Thị Xuân đến Phủ Chủ tịch đều được Bộ trưởng Công An Trần Quốc Hoàn cho xe đến đón" .

Những câu chuyện "Hồ Chí Minh và Đỗ Thị Lạc", "Hồ Chí Minh và Nông Thị Xuân" , cùng "Chuyện tình ái và những người con sinh ra trong bóng tối" , (cho đến nay, dân gian vẫn lưu truyền, Tổng Bí Thư Nông Đức Mạnh là con rơi của Hồ Chí Minh) cũng như thân phận thật Hồ Chí Minh và Nguyễn Ái Quốc, vẫn còn là những bí mật, chưa có câu trả lời thỏa đáng. Đỗ Thị Lạc, Nông Thị Xuân, thời gian ghi chép, địa điểm, nội dung, nguồn gốc tin tức... sự thật chỉ có một mà sự tô vẽ, phóng đại thì rất nhiều bởi người đời làm cho sự việc ngày càng trở nên phức tạp, khó xác định chân tướng.

Tổng kết về hôn nhân và tình ái trong cuộc đời Hồ Chí Minh

Khảo cứu về hôn nhân, tình ái của Nguyễn Ái Quốc và Hồ Chí Minh trong vô vàn sự kiện cũng như mối quan hệ phức tạp, phải nói rất khó khăn và tốn nhiều công sức. Tuy nhiên, cần phải tin chắc một điều, Nguyễn Ái Quốc và Hồ Chí Minh không phải là một người, cho nên chuyện hôn nhân và tình ái của họ cũng khác nhau. Trong khi tra cứu hồ sơ, tìm hiểu manh mối qua các nguồn tư liệu, (người viết) cần có thái độ khách quan, tôn trọng chứng cứ mới tìm ra được sự thật trong mớ tài liệu hỗn độn do lịch sử để lại, về quan hệ hôn nhân, tình ái của nhân vật đặc biệt này.

Trước hết, cần phân biệt chuyện hôn nhân tình ái của Nguyễn Ái Quốc với Tăng Tuyết Minh; Nguyễn Ái Quốc với Nguyễn Thị Minh Khai khác với hôn nhân tình ái giữa Hồ Chí Minh với Đỗ Thị Lạc; Hồ Chí Minh với Nông Thị Xuân; Hồ Chí Minh với Lâm Y Lan. Từ đó

có thể rút ra kết luận: quan hệ tình ái giữa Nguyễn Ái Quốc và Tăng Tuyết Minh; Nguyễn Ái Quốc và Nguyễn Thị Minh Khai; Lê Hồng Phong và Nguyễn Thị Minh Khai đều hình thành trong đấu tranh cách mạng một cách chân tình, nồng nhiệt. Những cuộc tình bắt nguồn từ khói lửa chiến loạn này rất đáng được ca ngợi, không cần phải giấu diếm, càng không nhất thiết có thái độ bôi nhọ.

Tình ái giữa Hồ Chí Minh và Đỗ Thị Lạc, Hồ Chí Minh và Nông Thị Xuân, Hồ Chí Minh và Lâm Y Lan, trong đó hàm chứa những nỗi đau triền miên làm người đọc cảm động, tỏ thái độ đồng tình, đồng thời phản đối chiến tranh, phản đối bạo lực. Hy vọng rằng những tình cảm nam nữ chân thành này sớm được làm sáng tỏ để nhân gian có cái nhìn đúng đắn về nhân vật huyền thoại Hồ Chí Minh.

Mùa hè năm 1959, ĐCSTQ họp Bộ Chính Trị mở rộng tại Lư Sơn, cũng là lúc Hồ Chí Minh đến thăm Trung Quốc với tư cách cá nhân. Chiều ngày 8 tháng 10, Lưu Thiếu Kỳ cùng Vương Quang Mỹ, Chu Đức cùng Khang Khắc Thanh, Chu Ân Lai cùng Đặng Dĩnh Siêu, Lý Phú Xuân cùng Thái Sướng đến biệt thự 394. Hồ Chí Minh thấy nhiều bạn bè cũ đến thăm, chợt cao hứng hỏi Đặng Dĩnh Siêu: "Tiểu Siêu, nhiều khách quý thế này, hôm nay tôi phải lấy gì chiêu đãi?". Một tiếng "Tiểu Siêu" làm Chu Ân Lai và Đặng Dĩnh Siêu nhớ lại một thời đã qua. Dịp ấy vào năm 1925, Nguyễn Ái Quốc vừa từ Liên Xô về Quảng Châu, biết tin Chu Ân Lai vừa được bổ nhiệm là Hiệu trưởng Trường Quân sự Hoàng Phố, ông ta đã đến tận phòng ở của hai người chúc mừng. Lúc ấy, Chu Ân Lại gọi vào trong nhà: "Tiểu Siêu, mang đường ra đây". Đã hơn ba mươi năm, Hồ Chí Minh đã trở thành ông già "cổ lai hy", từ một chí sĩ vong quốc đến người đứng đầu nhà nước Việt Nam, tất cả dường như chỉ mới hôm qua. Đặng Dĩnh Siêu đón tiếp Hồ Chí Minh, ánh mắt tươi rói, cười bảo: "Pha cà phê".

Chiều ngày 12 tháng 8, vào lúc 5 giờ, Dương Thượng Côn cùng Vương Giá Tường đến biệt thự 394 thăm Hồ Chí Minh. Một lúc sau có tiếng phụ nữ ồn ào từ ngoài vọng vào. Hồ Chí Minh quay đầu nhìn ra, chính là đội ngũ "nương tử quân" "giá đáo" gồm Thái Sướng, Đặng Dĩnh Siêu, Khang Khắc Thanh, Vương Quang Mỹ, ngoài ra còn một vài người chưa quen biết. Mọi người mời Hồ Chí Minh ở lại Lư Sơn thêm ít ngày.

- Được thôi, sau này Việt Nam thống nhất tôi sẽ sang Lư Sơn ở hẳn một năm hoặc nửa năm.

- Chúng tôi không mời riêng một mình Chủ tịch ở lại đâu nhé! Thái Sướng nói giọng đầy ẩn ý.

- Đương nhiên, tôi biết, vì thế, tôi sẽ mời một số đồng bào...

- Không đâu, chỉ đề nghị Chủ tịch cùng phu nhân đến thôi.

Hồ Chí Minh cười, chậm rãi nói:

- Được thôi, nhờ Tiểu Siêu đề đạt ý kiến với Hội Phụ nữ, không được thì phải đền đấy.

- Đúng vậy, Chủ tịch nên chọn một người vợ cách mạng, chẳng nên bắt đền chị Đặng.

Các bà khách chẳng giữ ý tứ gì, nói năng thoải mái, cười khanh khách vang khắp nhà. Hồ Chí Minh luôn sống độc thân. Nhiều năm qua, Việt Nam và Trung Quốc quan tâm đến tình trạng hôn nhân của ông không ít, nhưng có lẽ, ngay từ thờ trai trẻ, ông đã chủ tâm lập chí, đất nước chưa độc lập, thì chưa thành gia thất chăng?

Các "nữ đồng bào" vẫn vui vẻ cười đùa:

Lần sau Chủ tịch đến đây chị em chúng tôi mong được ăn kẹo cưới.

Hồ Chí Minh đứng lên, vẫy tay gọi vào trong:

- Mời mang kẹo ra đây chiêu đãi khách quý.

- Loại kẹo này chúng tôi không ăn.

- Vậy xin mời các phu nhân dùng cà phê.

- Cà phê cũng không uống.

Hồ Chí Minh cười:

- Vậy tôi đọc một bài thơ được không?

- Không yêu cầu Chủ tịch làm thơ.

Các vị khách đều biết Hồ Chí Minh sành làm thơ nên mới nói đùa vậy.

Hồ Chí Minh là một người có tính cách đặc biệt, ông nhẹ nhàng nói, thời kỳ năm 1940, cơ cấu ban lãnh đạo cách mạng Việt Nam được thành lập tại Côn Minh, để cổ vũ quần chúng, tôi có làm một số "du thi", xin đọc một bài để các nữ đồng chí nghe:

Tam tứ niên lai vọng đoạn trườn
Niệm lang lưu lạc tại tha hương
Đồng tâm kết phát thùy thiếp kiên
Cửu biệt lệ lưu thấp lang diện
Quốc hận gia sầu lang vật vong
Gia thường tỏa sự thiếp toàn đương
Đãi lang diệt địch quy lai nhật
Huề thủ đoàn viên lạc điền trang.

Tạm dịch nghĩa:

Ba bốn năm nay trông ngóng đến đứt ruột
Nhớ chàng lưu lạc nơi quê người
Dải tóc kết đồng tâm rủ xuống vai thiếp
Dòng lệ khi từ biệt thấm ướt mặt chàng
Nợ nước thù nhà chàng không quên
Công việc ở nhà thiếp gánh vác
Đợi ngày chàng diệt địch trở về
Dắt tay nhau vui vẻ sống cảnh điền viên.

Các phu nhân chăm chú nghe Hồ Chí Minh đọc từng câu thơ với tâm trạng vô cùng xúc động. Ông biểu thị tình cảm sâu sắc qua từng ngữ điệu, khiến các vị khách, sau khi rời biệt thự 394 lòng đầy cảm thán: "Nếu như Việt Nam sớm độc lập, thống nhất, Hồ Chí Minh nhất định sẽ là người chồng mẫu mực, hết lòng thương yêu vợ". Trước lúc chia tay, các phu nhân còn tranh nhau đứng gần Hồ Chí Minh chụp ảnh kỷ niệm làm Dương Thượng Côn và Vương Giá Tường phải bật cười".

Đoạn viết trên là căn cứ vào "Hồ sơ Lư Sơn" của Mã Xã Hương, chương 4 "Hồ Chí Minh bí mật đến Lư Sơn", do Nhân Dân Xuất Bản Xã ấn hành tháng 5 năm 2006. Căn cứ văn bản trên, tôi đặc biệt nghi ngờ Thái Sướng và Đặng Dĩnh Siêu. Có một tấm ảnh Hồ Chí Minh cầm tay Đặng Dĩnh Siêu và Thái Sướng cười giữa một đoạn đường núi được Han Suyin chụp, Trương Liên Khang dịch trong cuốn "Chu Ân Lai và Trung Quốc hiện đại", trang 314. "Hồ sơ Lư Sơn – Hồ Chí Minh bí mật đến Lư Sơn", kèm theo tấm ảnh, Hồ Chí Minh

đứng giữa, bên phải cầm tay Đặng Dĩnh Siêu, bên trái cầm tay Thái Sướng, ba người tỏ ra rất thân mật. Tôi không tin việc Hồ Chí Minh, với tư cách Chủ tịch, lấy quốc gia làm trọng, vậy mà lại gọi phu nhân của Chu Ân Lai bằng cái tên "Tiểu Siêu", Đặng Dĩnh Siêu chẳng những không phật ý mà còn vui vẻ mỉm cười. Lại nữa, Hồ Chí Minh trả lời các mệnh phụ phu nhân: "Việt Nam thống nhất tôi sẽ sang Lư Sơn ở hẳn một năm hoặc nửa năm". Thái Sướng nói giọng đầy ẩn ý: "Chúng tôi không mời riêng một mình Chủ tịch ở lại đâu nhé!". Những lời đối đáp có tính cợt nhả ấy đều vượt qua nghi lễ ngoại giao, thậm chí vượt qua cả tình cảm đồng chí, nhất là, khi ấy Đặng Dĩnh Siêu và Thái Sướng lại là cán bộ cao cấp lãnh đạo Hội Phụ nữ Trung Quốc. Chuyện các vị nữ khách đề nghị Hồ Chí Minh đọc thơ tình cũng rất khó xảy ra. Người viết không tin là giữa Hồ Chí Minh và các phu nhân có bất kỳ mối quan hệ tình cảm mờ ám nào. Tôi đồ rằng, trong số các mệnh phụ phu nhân đến biệt thự 394 hôm ấy, có người ngấm ngầm muốn công khai bí mật thân phận thật của Hồ Chí Minh trước bàn dân thiên hạ. Chính vì vậy, qua những lời nói khá tình cảm của Hồ Chí Minh và Đặng Dĩnh Siêu, làm tác giả Bùi Tín hiểu lầm là hai người đã từng yêu nhau.

Trở lại năm 1926, Hồ Chí Minh và Tăng Tuyết Minh chính thức cử hành hôn lễ tại Quảng Châu: Đặng Dĩnh Siêu, Thái Sướng từng là người làm mối và chủ trì. Năm 1958, xảy ra vụ "Tăng Tuyết Minh hôn nhân xung đột song bào án kiện" ("Vụ án kép những mâu thuẫn hôn nhân của Tăng Tuyết Minh"), Thái Sướng phải đứng ra giải quyết mới dẹp được sóng gió. Cũng năm 1958, Hồ Chí Minh vì muốn hoàn thành tâm nguyện kết hôn cùng Lâm Y Lan nên đã nhờ Đào Chú, Chu Ân Lai giúp đỡ. Theo những bằng chứng đáng tin cậy, có thể thấy, Đặng Dĩnh Siêu, Thái Sướng biết rất rõ Nguyễn Ái Quốc và Hồ Chí Minh không phải là một người, biết rõ Nguyễn Ái Quốc đã bị bệnh chết, càng rõ hơn, Hồ Chí Minh là kẻ bội bạc hôn nhân. Tuy nhiên, với Lâm Y Lan, Hồ Chí Minh lại đặc biệt dành tình cảm cho bà, khiến tôi vô cùng kính trọng và biểu đồng tình.

Ngày 16 tháng 7 năm 1947, Hồ Chí Minh trả lời phỏng vấn một tờ báo nước ngoài: "Đã hỏi đến chuyện hôn nhân và tương lai, xin hãy để tôi tự nhiên trả lời. Tôi không có gia đình, không vợ con, Việt Nam chính là gia đình tôi, các bậc phụ lão chính là người thân của tôi, phụ nữ Việt Nam chính là chị em tôi. Tôi chỉ có một điều duy nhất phải theo đuổi là đấu tranh để Việt Nam độc lập, thống nhất và dân chủ. Sau khi nguyện vọng hoàn thành, tôi sẽ cáo lão hồi hương, làm một người dân bình thường, du ngoạn núi sông, trồng cây, viết sách".

Đoạn trả lời phỏng vấn trên được dẫn từ "Hồ Chí Minh toàn tập", tập V, trang 171, NXB Chính trị Quốc gia, làm tôi suy nghĩ mãi. Trừ đoạn nói là không gia đình, không vợ con, Hồ Chí Minh sau khi hoàn thành nguyện vọng không thấy ông cáo lão về quê, bởi suy cho cùng, nếu thực hiện lời hứa ấy thì ông về quê nào?

Vào thời kỳ trước năm 1947, Hồ Chí Minh chưa từng công khai quê quán hoặc thừa nhận mình là Nguyễn Ái Quốc, thậm chí còn tích cực tranh thủ nước Mỹ, yêu cầu viện trợ giúp đỡ Việt Nam giành độc lập. Trong thâm tâm Hồ Chí Minh, phải chăng, ông đợi sau khi Việt Nam độc lập, Đài Loan được ủy thác cho quân Đồng minh quản lý cũng giành độc lập, như thế, ông có thể đàng hoàng trở về quê hương, thực hiện lời hứa với người em Hồ Tập Dưỡng: "Không thành công không về quê hương". Tuy nhiên, trời chẳng chiều người, chỉ một năm sau, quân đội Quốc Dân Đảng tiến nhập Đài Loan, thế là Hồ Chí Minh chẳng bao giờ có thể trở về cố hương, đúng như lời Ngô Trọc Lưu nói, ông Hồ là "đứa con côi châu Á".

(Hết Thiên IV)

Hồ Tuấn Hùng
Thái Văn chuyển ngữ

Thiên V

Chữ Hán Nhật ký trong tù và "Di chúc"

(Hán văn Ngục trung nhật ký dữ Di chúc)

Khả năng Trung văn của Hồ Chí Minh

Trong Hồ sơ Lư Sơn - Hồ Chí Minh bí mật đến Lư Sơn có ghi chép HCM dùng ngón tay viết thư pháp: "Bí thư Đảng uỷ Cục quản lý Lư Sơn Lâu Thiệu Minh, Phó Bí thư Thái Thiệu Ngọc, Giang Vĩnh Đức nghe tin HCM sắp rời Lư Sơn, vội vã kéo nhau đến biệt thự 394, một là để nghe ý kiến HCM về thái độ tiếp đãi khách, hai là đề nghị ghi lưu niệm. Nhận xét về cái gì đây? HCM đề nghị mang nghiên bút để trên bàn. Ông thử bút, cảm thấy ngọn bút hơi nhỏ liền khẽ hỏi:

- Tôi dùng ngón tay viết dược không?

Lâu Thiệu Minh gật đầu lia lịa. HCM thong thả nhúng ngón tay vào nghiên mực, viết ba chữ lớn: "Lư Sơn hảo" (Lư Sơn tốt) rồi lùi về phía sau hai bước ngắm nghía. Lâu Thiệu Minh liếc qua, rất khâm phục:

- Thưa Hồ Chủ tich! Người viết chữ Hán thật tuyệt.

Sau khi viết "Lư Sơn hảo" bằng ngón tay, HCM lại dùng bút tiểu khải viết 10 chữ nhỏ: "Hồ Chí Minh, tháng 8 năm 1959" vào dòng lạc khoản để kỷ niệm chuyến thăm Lư Sơn.

Căn cứ vào đoạn văn trên thì trình độ thư pháp của HCM thuộc vào loại khá, nhưng William J. Duiker trong Truyện Hồ Chí Minh, trang 143, lại viết: "Mùa xuân năm 1927, NAQ ở lại Quảng Châu hơn nửa năm, việc trước mắt là ổn định sinh hoạt, sau đó tìm một người vợ địa phương để học tiếng Trung Quốc".

Trong cuốn Chu Ân Lai và Trung Quốc hiện đại do Han Suyin (Hàn Tú Anh) viết, Trương Liên Khang dịch, trang 84, 85 có đoạn: "Mùa thu năm 1925, có một thanh niên Việt Nam gầy yếu, tự xưng là Nguyễn Ái Quốc, sau này là Hồ Chí Minh... Lúc ấy Thái Sướng và chồng là Lý Phú Xuân đang ở Quảng Châu, do đó hai người đều quan tâm đến HCM. Lý Phú Xuân và Đặng Dĩnh Siêu sắp xếp chỗ ăn ở cho HCM rất chu đáo, đồng thời còn dạy Hồ tiếng Trung Quốc. Không lâu sau, HCM có thể giao thoại được những câu đơn giản". William J. Duiker cũng như Han Suyin đều viết về HCM, nếu đem so sánh với việc HCM viết thư pháp bằng ngón tay ở Lư Sơn sau này, thì ta sẽ thấy trình độ nghe, nói, đọc, viết của ông ta trước đây khác nhau một trời một vực.

Khảo cứu quá trình học tập của NAQ, tác giả nhận thấy, cho đến năm 1932, hầu như không thấy ông sử dụng Hán văn trong các bài viết, chưa nói đến trình độ viết thư pháp chữ Hán. Vì sao đến năm 1938, sau khi rời Mạc Tư Khoa về vùng biên giới Việt Trung hoạt động, HCM lại đột nhiên sử dụng Hán văn, viết báo, làm thơ và viết thư pháp một cách thành thạo? Chúng tôi vô cùng nghi ngờ. Có thật NAQ dùng ngón tay viết thư pháp? Có thật ông dùng Hán văn viết Nhật ký trong tù? Phải chăng đây là chứng cứ không thể bác bỏ của thủ thuật "Mượn xác hoàn hồn" (Tá thi hoàn hồn), "Rời hoa tiếp cây" (Di hoa tiếp mộc)? Mưu đồ của Cộng sản Quốc tế dùng Hán văn liên kết NAQ và HCM thành một người tưởng như hoàn hảo nhưng thật không ngờ lại xuất hiện một vết nứt trí mạng. Tục ngữ Trung Quốc có câu: "Nói dối được một câu, nhất định sẽ có mười câu nói dối nữa, nhưng nói dối cuối cùng thế nào cũng bị lộ tẩy" (Thuyết nhất cú hoang thoại, tất tu tái dụng thập cú hoang thoại, hoang thoại tối chung tương bị tiệt phá, lộ xuất phá trán). Mạo dùng NAQ không thông thạo Hán văn liên kết với HCM, chỉ có thể đánh lừa được một số người trong một thời gian ngắn, còn lâu dài mà nói, sau khi có đầy đủ chứng cớ về khả

năng Trung văn của NAQ để khẳng định NAQ không phải là HCM thì việc làm trên hoàn toàn trở thành một trò đùa dai.

Theo Hồ Chí Minh toàn tập, tập 12, trong một chương, thì chính những người biên tập những dòng hoang tưởng trên đã vô tình để lộ ra NAQ đọc, viết không thành thạo tiếng Trung Quốc. Trong thiên này, chúng tôi đặc biệt chú trọng vào việc HCM viết báo, làm thơ, trong đó có Nhật ký trong tù và Di chúc, để một lần nữa chứng minh NAQ và HCM là hai con người hoàn toàn khác nhau. HCM là Hồ Tập Chương đến từ Miêu Lật, Đài Loan, thuộc sắc tộc Khách Gia.

Quá trình Nguyễn Ái Quốc học tập ngữ văn

Về mặt chính thống, ta thường thấy các nhà viết truyện ký về HCM viết tiểu sử sơ khởi của ông như sau: "Nguyễn Ái Quốc sinh trưởng trong một gia đình có truyền thống nho học. Từ nhỏ ông đã được tiếp xúc với nền giáo dục Hán học nên trình độ ngữ văn Trung Quốc rất cao, làm thơ giỏi, viết thư pháp đẹp". Mới nghe xem ra có lý, tuy nhiên, cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, nước Pháp thực dân đã bắt đầu khai thác thuộc địa tại Việt Nam, phần lớn các gia đình quan lại hoặc nhà giàu đều cho con cái sang Pháp du học, đặc biệt là sau khi nhà Nguyễn phế bỏ hệ thống khoa cử lỗi thời để tuyển chọn nhân tài, thì số người còn lưu luyến với nền Hán học không đáng là bao. Cách làm của người cha NAQ là một ví dụ điển hình. Tuy đã từng đỗ đại khoa với học vị Phó Bảng, nhưng ông Nguyễn Sinh Sắc dường như cũng không muốn NAQ theo đòi nghiệp bút nghiên mà lại tích cực ủng hộ con trai học tiếng Pháp và chữ Quốc ngữ.

Dựa trên những ghi chép của William J. Duiker và Sophie Quinn-Judge, NAQ từ năm 21 tuổi trở về trước là thời kỳ lưu lạc, cuộc sống cùng khốn, rất khó có điều kiện ổn định học tập. Chúng tôi dùng phương pháp so sánh quy nạp, thống kê quá trình học tập của NAQ tại Việt Nam như sau:

Việc tiếp thụ giáo dục Hán văn tại các trường tư thục không quá 3 năm và Pháp văn không quá 4 năm. Từ năm 1911 đến năm 1923, NAQ bôn ba hải ngoại từ châu Âu, Bắc Mỹ đến Bắc Phi, trước sau có khoảng 4 năm học Anh ngữ trong các môi trường làm việc vất vả, hoàn toàn không có điều kiện tiếp tục học Hán văn hoặc tiếp xúc với văn hóa Hán. Theo Đặng Dĩnh Siêu, vào thời điểm năm 1925, bà có dạy NAQ học tiếng Trung, đến năm 1926 thì ông ta kết hôn với Tăng Tuyết Minh. Sự việc này đúng là có thực. Nói cách khác, đến năm 1927, trình độ nghe, nói, đọc và viết chữ Hán của NAQ rất hạn chế. Từ năm 1928 đến năm 1932, NAQ bôn tẩu khắp nơi, qua Xiêm La (Thailand), Tân Gia Ba (Singapore), sang châu Âu, rồi lại về Hương Cảng, Thượng Hải, thêm chứng bệnh lao phổi kéo dài, lại bị giam trong ngục, tình trạng sức khỏe hết sức kém, rất khó có đủ điều kiện tiếp tục học chữ Hán. Từ đó có thể kết luận, trình độ Hán văn của NAQ chỉ dừng lại ở mức độ 3 đến 4 năm cấp tiểu học, tuyệt đối không có khả năng viết báo, tạp chí và những bài nghị luận trường thiên lời văn khúc chiết, đanh thép, không thể là tác giả của Nhật ký trong tù, càng không có khả năng viết thư pháp bút lông hoặc "thư pháp ngón tay" chữ Hán.

Trình độ ngữ văn của Hồ Tập Chương

Hồ Tập Chương (HTC) lớn lên ở Đài Loan, từ nhỏ đã được giáo dục nền văn hóa Hán, mới 4 tuổi đã được cha anh dạy học thuộc lòng "Bách Gia Tính", "Thiên Gia Thi", đọc sách Luận Ngữ, Mạnh Tử, Trung Dung, và tập viết thư pháp. Mười tuổi, HTC đã bắt đầu học Sơ đẳng rồi Cao đẳng của hệ thống giáo dục Nhật Bản, 20 tuổi tốt nghiệp Cao đẳng công nghiệp Đài Bắc, trình độ tiếng Nhật và tiếng Anh vững vàng. Năm 1929, lúc ấy HTC 29 tuổi, rời Đài Loan đến Thượng Hải, trình độ đọc và viết chữ Hán không thể sai sót, có khả năng viết thư pháp, nói tiếng Khách Gia-Quảng Đông và tiếng Mân Nam-Phúc Kiến lưu loát, còn việc đọc và viết tiếng Anh thì khỏi cần nói đến. Thời kỳ đầu năm 1933, HTC tiếp tục học 5 năm, đã qua lớp huấn luyện đọc và viết tiếng Việt cơ sở và tiếng Pháp cơ sở. Trở lại ý kiến trên, giả thiết thời kỳ tiếp tục học tập này là của NAQ, liệu NAQ có nhu cầu

học tập tiếng Việt và tiếng Pháp không? Hiện tại, hồ sơ lưu trữ ở Mạc Tư Khoa chỉ có các bản sao tiếng Việt và tiếng Pháp mà không tìm thấy các bản sao chữ Hán hoặc cá bản nháp luyện tập thư pháp chữ Hán. Điều này có thể chứng thực, từ năm 1933 đến năm 1938, người lưu lại tại Mạc Tư Khoa là Hồ Tập Chương chứ không phải Nguyễn Ái Quốc. Huống hồ, thời kỳ này, không thấy NAQ sử dụng Trung văn trong các bài viết đã được công bố, đồng thời cũng chưa từng phát hiện thấy bất cứ một bản thư pháp chữ Hán nào còn lưu lại. Vì sao, từ năm 1938, sau khi rời Mạc Tư Khoa về Trung Quốc, đột nhiên NAQ lại sử dụng Trung văn một cách phổ biến qua hàng loạt bài báo. Chưa hết, ông ta còn làm thơ và viết thư pháp nữa. Nhật ký trong tù và Lư Sơn hảo là hai trong những ví dụ được kể đến.

Có phải đây chính là sự không minh bạch giữa hai nhân vật lịch sử này chăng?

Tập thơ Nhật ký trong tù của Hồ Chí Minh

Buổi sáng sớm ngày 27/08/1942, HCM đi qua hương Túc Vinh, huyện Đức Bảo, tỉnh Quảng Tây thì bị cảnh sát Quốc Dân Đảng bắt giữ, giải đến Quế Lâm, nơi đặt cơ quan làm việc của Ủy viên Quân sự hội Chính phủ Quốc Dân Đảng thẩm vấn. Từ lúc bị bắt vào ngày 27/08 tại Túc Vinh, HCM bị giải qua Tĩnh Tây, Liễu Châu, Quế Lâm... qua suốt 13 trấn, giam tại 18 nhà lao. Qua 14 tháng bị giam trong ngục, HCM đã dùng Hán văn sáng tác 134 bài thơ với tựa đề Nhật ký trong tù. Căn cứ vào lời giáo sư Hoàng Tranh, Viện nghiên cứu Khoa học xã hội Quảng Tây, cùng với những tư liệu mới thu thập, quyển Nhật ký trong tù được giới thiệu với công chúng như sau:

1- Tháng 05/1960, Nhà xuất bản Văn Học và Nhà xuất bản Ngoại Văn Việt Nam phân chia nhau ấn hành thơ HCM, cuốn sách đều mang tên Nhật ký trong tù với số lượng 100 bài. Có sự khác biệt đôi chút khi đối chiếu văn bản tiếng Việt với văn bản Trung văn của Nhà xuất bản Ngoại Văn, tuy cả hai bản này đều sao chép từ bản gốc Ngục trung nhật ký của HCM.

2- Tháng 05/1965, Nhà xuất bản Văn Học Nhân Dân Trung Quốc xuất bản cuốn Hồ Chí Minh thi tập (Thơ Hồ Chí Minh), nhan đề: "Ngục trung nhật ký – thi sao", lấy từ 100 bài thơ của HCM, nội dung giống như cuốn Nhật ký trong tù của Nhà xuất bản Văn Học Việt Nam cùng năm.

3- Cuối năm 1977, Viện Văn Học Việt Nam thành lập tiểu tổ Nhật ký trong tù để khảo cứu, phiên dịch, chỉnh lý văn bản một lần nữa, đồng thời bổ sung một số bài trước đây chưa từng được công bố. Tháng 5 năm 1983, Nhà xuất bản Văn Học tiếp tục xuất bản Nhật ký trong tù gồm 113 bài.

Tập thơ gốc Ngục Trung Nhật Ký

4- Tháng 05/1990, nhân kỷ niệm 100 năm ngày sinh HCM, Viện Văn Học Việt Nam, trên cơ sở cuốn sách xuất bản năm 1983, lại đưa thêm 21 bài trước đây cũng chưa từng được

công bố, để Nhà xuất bản Văn Học ấn hành cũng với tên Nhật ký trong tù. Như vậy tổng số thơ của Nhật ký trong tù đến lúc này là 134 bài.

5- Tháng 10/1992, giáo sư Hoàng Tranh, Viện Khoa học Xã hội Quảng Tây, nhận thấy độc giả Trung Quốc đọc cuốn Nhật ký trong tù 134 bài của HCM mới được xuất bản có nhiều chỗ khó hiểu, nhất là những địa danh và từ ngữ diễn đạt. Vì vậy, ông đã tiến hành khảo cứu, đính chính và chú giải, sau đó uỷ nhiệm cho Nhà xuất bản Giáo Dục Quảng Tây ấn hành với nhan đề "Chú giải thơ Nhật ký trong tù". Cuốn sách lấy văn bản từ Nhật ký trong tù 134 bài của nhà xuất bản Văn học Việt Nam, kèm theo bản đồ minh họa và chú giải.

6- Năm 2003, Nhà xuất bản Công An Nhân Dân in cuốn "Nhật ký trong tù của Hồ Chủ Tịch và nghệ thuật thư pháp", bìa cứng. Nội dung giới thiệu sơ lược tiểu sử HCM, ảnh chụp nguyên bản Nhật ký trong tù và viết các kiểu thư pháp triện, lệ, khải, hành, thảo thư của nhà thư pháp Trung Quốc Lỗ Nguyên, căn cứ vào Nhật ký trong tù trình bày thành tác phẩm thư pháp.

7- Ngày 28/09/2003, nhân dịp 60 năm Nhật ký trong tù của HCM ra đời tổ chức tại nhà kỷ niệm HCM ở Liễu Châu, Quảng Tây, Hiệp hội Thư pháp Quảng Tây đã tổ chức triển lãm thư pháp của hơn 70 tác giả gồm 106 bức thư pháp chữ Hán, với 115 bài thơ của chủ tịch HCM, trong đó có 79 bài trong Nhật ký trong tù. Tháng 03/2004, Nhà xuất bản Đại Học Sư Phạm Quảng Tây ấn hành cuốn "Hồ Chí Minh văn, thơ, chú giải và thư pháp".

134 bài trong Nhật ký trong tù của HCM, phần lớn đều dùng ngữ từ, ngữ ý của tiếng Khách Gia, hoàn toàn không có sự tu sức. Quá nửa số bài thơ dùng tiếng Khách Gia, đọc diễn cảm sẽ làm cho người nghe cảm thấy thân thiết như bạn tâm giao mà lại hết sức dễ hiểu. Trong mỗi bài thơ đều bao hàm nhiều ý tứ, có sự bày tỏ, có nỗi mong chờ, có sự ký thác của cái tình sâu lắng, có cả tả thực, đọc lên khiến lòng người hoài cảm nhưng không hiểu rõ vì sao, lại dường như có nỗi chua xót khó lý giải được ngọn ngành. Về những nét đặc thù trong thơ, giáo sư Hoàng Tranh viết: "Thơ Hồ Chí Minh có "Thất luật" (7 chữ, 8 câu), "Thất tuyệt" (7 chữ 4 câu), "Ngũ luật" (5 chữ) và tạp thể, nội dung phần lớn đều để thư giãn đầu óc, hoặc ghi lại những sự việc xảy ra hàng ngày, lúc hứng lên thì ngâm nga.

"134 bài trong "Ngục trung thi" không đơn thuần chỉ là thơ mà là một bộ "Sử thi" của một nhà cách mạng tự vẽ chân dung tinh thần của mình bằng thơ. Trong một số bài thơ làm trên đường khi bị giải đi, HCM đã phản ánh được cuộc sống mới mẻ với tinh thần an nhiên tự tại của một nhà cách mạng giàu trí tuệ, lập trường kiên định".

134 bài thơ trong tập Nhật ký trong tù

Trong tác phẩm Hồ Chí Minh sinh bình khảo, tác giả Hồ Tuấn Hùng đã đưa toàn bộ 134 bài thơ Nhật ký trong tù của HCM vào, tổng cộng 25 trang, bắt đầu từ trang 262 là bài 1 nhan đề "Khai quyển" đến trang 286 với bài 134 nhan đề "Tân xuất ngục học đăng sơn". Xét thấy văn bản Nhật ký trong tù của HCM, hơn 40 năm qua, các nhà xuất bản của Việt Nam và Trung Quốc đã lần lượt in hàng triệu bản, phổ biến rộng rãi đến toàn thể nhân dân và bạn bè thế giới. Vì vậy, người dịch xin lược bỏ phần này mà chỉ đưa những bài có liên quan đến quá trình kiểm chứng, chú giải, nhận xét, đánh giá, kết luận của người viết liên quan đến việc đi tìm tác giả đích thực của tác phẩm bất hủ này.

Nhật ký trong tù là tác phẩm của một người thuộc sắc tộc Khách Gia

Có khá nhiều bài thơ trong Nhật ký trong tù được tác giả sử dụng tiếng Khách Gia (trong hệ thống Hán ngữ) sáng tác. Những bài thơ này, nếu dùng tiếng Khách Gia đọc diễn cảm, người nghe sẽ nhanh chóng lĩnh hội được nội dung biểu đạt lẫn tình ý hàm chứa trong đó, chứng tỏ trình độ Hán học của tác giả khá uyên bác, không thể chỉ đọc sách vài ba năm mà viết được. Lại nữa, một số bài thơ, nhất là vào thời kỳ Nhật Bản chiếm đóng Đài Loan, phải là người từng cư trú tại địa bàn Khách Gia, thấm nhuần tư tưởng, tình cảm

cộng đồng dân tộc, mới viết được những câu thơ hàm súc mang đặc trưng văn hóa Khách Gia như vậy. Tác giả hoàn toàn không nói quá sự thật, chẳng cần xem xét độ ngắn dài, chặt lỏng, chỉ xin dẫn ra đây vài đoạn thơ, kính mong các bậc thức giả minh xét, HCM là NAQ hay là một người thuộc sắc tộc Khách Gia, Miêu Lật?

Cần chú ý một đặc điểm nữa của Nhật ký trong tù là, những từ, ngữ, câu văn hoặc phương ngôn thuộc ngữ hệ Khách Gia đã được tác giả chuyển hóa một cách nhuần nhuyễn sang từ ngữ Trung văn, chứng tỏ người viết rất am hiểu văn hóa Hán, lại thông thạo nhiều ngôn ngữ, từ cú khoáng đạt, ý tứ trôi chảy, phong thái ung dung tự tại.

♦ Bài 8

早

一

太陽每早從牆上,照着龍門門未開
籠裡現時還黑暗,光明却已面前來

Tảo (1)
Thái dương mỗi tảo tòng tường thượng
Chiếu trước lung môn môn vị khai
Lung lý hiện thời hoàn hắc ám
Quang minh khước dĩ diện tiền lai.

Buổi sớm (bài 1)
Đầu tường sớm sớm vầng dương mọc,
Chiếu cửa nhà lao, cửa vẫn cài;
Trong ngục giờ đây còn tối mịt,
Ánh hồng trước mặt đã bừng soi.

Nam Trân - Xuân Thuỷ dịch

Chú giải:

"Lung"(籠), tiếng Khách chỉ nhà giam, phòng giam. Người Khách Gia ở Miêu Lật bị vào nhà giam gọi là "nhập lung"(入籠), ra khỏi nhà lao gọi là "xuất lung"(出籠), giam trong nhà lao gọi là "quan lung"(關籠). Trong khi ấy, những từ với ý nghĩa trên ở Trung văn lại được gọi là "nhập ngục"(入獄), "xuất ngục"(出獄), "phục ngục"(服獄), hầu như không ai dùng chữ "lung". Trong Nhật ký trong tù, từ "lung" được hiểu là "nhà giam", "nhà ngục" hoặc "nhà tù" được sử dụng ở hơn 10 bài thơ.

♦ Bài 16

脚閘

一

狰獰餓口似兇神,晚晚張開把脚吞
各人被吞了右脚,只剩左脚能屈伸

二

世間更有離奇事,人憫争先上脚鉗
因為有鉗才得睡,無鉗没處可安眠

Cước áp
(1)

Tranh ninh ngạ khẩu tự hung thần
Vãn vãn trương khai bả cước thôn

Các nhân bị thôn liễu hữu cước
Chỉ thặng tả cước năng khuất thân.

(2)
Thế gian cánh hưu ly kỳ sự
Nhân mẫn tranh tiên thượng cước kiềm
Nhân vị hữu kiềm tài đắc thụy
Vô kiềm một xứ khả an miên.

Cái cùm
1
Dữ tợn hung thần miệng chực nhai,
Đêm đêm há hốc nuốt chân người;
Mọi người bị nuốt chân bên phải,
Co duỗi còn chân bên trái thôi.

2
Nghĩ việc trên đời kỳ lạ thật,
Cùm chân sau trước cũng tranh nhau;
Được cùm chân mới yên bề ngủ,
Không được cùm chân biết ngủ đâu?

Nam Trân dịch

♦ Bài 22
分水

每人分得水半盆,洗面烹茶各随便
誰要洗面勿烹茶,誰要烹茶勿洗面

Phân thuỷ

Mỗi nhân phân đắc thuỷ bán bồn
Tẩy diện phanh trà các tùy tiện
Thùy yếu tẩy diện vật phanh tra
Thùy yếu phanh tra vật tẩy diện.

Chia nước

Mỗi người nửa chậu nước nhà pha,
Rửa mặt pha trà tự ý ta;
Ai muốn pha trà, đừng rửa mặt,
Ai cần rửa mặt, chớ pha trà.

Nam Trân - Trần Đắc Thọ dịch

♦ Bài 64
禁烟(紙烟的)

烟禁此間很厲害,你烟繳入他烟包
當然他可吹烟斗,你若吹烟罰手鐐

他:獄丁也

Cấm yên (Chỉ yên đích)

Yên cấm thử gian hẩn lệ hại,
Nhĩ yên kiểu nhập tha yên bao;
Đương nhiên tha khả xuy yên đẩu,
Nhĩ nhược xuy yên, phạt thủ liêu.

(Tha: ngục đinh dã)

Cấm hút thuốc (Thuốc lá)

Hút thuốc nơi này cấm gắt gao,
Thuốc anh nó tịch, bỏ vào bao;
Nó thì kéo tẩu tha hồ hút,
Anh hút, còng đây, tay ghé vào.

Nam Trân dịch
(Nó: lính ngục)

♦ Bài 109
政治部禁閉室

二尺闊兮三尺長,四人住此日彷徨
要伸伸腳也不可,因為人多少地方

Chính trị bộ cấm bế thất

Nhị xích khoát hề tam xích trường
Tứ nhân trú thử nhật bàng hoàng
Yếu thân thân cước dã bất khả
Nhân vị nhân đa thiểu địa phương.

Nhà giam của cục Chính trị

Ba thước chiều dài hai thước rộng,
Bốn người chen chúc ở bên trong.
Duỗi chân một tí cũng không thể,
Nhà hẹp mà người lại quá đông.

Huệ Chi dịch

Chú giải:

Chúng tôi chọn ra 5 bài (16, 17, 22, 64, 109) đều có liên quan đến nhau, với mục đích để chứng minh, cùng thuộc hệ thơ văn Hán ngữ, nhưng vì các tác giả xu ất thân từ những địa phương khác nhau nên sự vận dụng từ ngữ có những chỗ khác nhau. Ví dụ, "cước liễu thủ khảo" (腳鐐手銬 - xiềng chân còng tay). Cụm từ này, tại Trung Quốc Đại Lục là khá phổ biến, nhưng ở vào thời kỳ Nhật Bản chiếm đóng Đài Loan, người dân ở đây hầu như không nói "cước áp". Giáo sư Hoàng Tranh thuộc Viện Khoa học Xã hội Quảng Tây, giải nghĩa: "Cước áp" (腳閘) là một loại cùm chân bằng sắt (gông sắt), xã hội phong kiến trước đây, trong lúc áp giải phạm nhân trên đường, đề phòng họ bỏ trốn, ban đêm đem giam vào nhà lao địa phương, khóa một chân lại, phạm nhân chỉ được tự do một chân mà thôi.

Chúng tôi đã tra cứu Văn Sử Từ Nguyên (Từ Điển Từ Nguyên), Trung Văn Đại Từ Điển,

đều không có từ “cước áp” nên phải tạm lấy “cước liễu” (腳鐐) xem như “cước áp”. Như vậy, hiển nhiên là HCM không biết từ “cước liễu” mà dùng từ “cước áp” thay thế. Tiếp đến bài 17 “Cước kiềm” (腳鉗), bài 64 “Thủ liễu” (手鐐), đều chứng minh HCM không hiểu cách sử dụng thành ngữ Trung Quốc “cước liễu thủ khảo” mà chỉ biết “cước kiềm th ủ liễu” theo âm Khách Gia chuyển thành Trung văn tự.

Lại như: “Vãn vãn trương khai bả cước thôn” (Đêm đêm há hốc nuốt chân người), với từ “vãn vãn” là cách dùng khẩu ngữ Khách Gia, hàm ý chỉ mỗi buổi chiều của ngày. Cũng như “thân thân cước” là một kiểu sử dụng đặc biệt trong Khách Gia thoại, ý của nó là nghỉ lâu dài, còn Trung văn phổ biến là dùng “thân thân thối” (伸伸腿) mà không dùng “thân thân cước” (伸伸腳). “Tẩy diện” (洗面) có nghĩa là “rửa má”, người Khách Gia thường dùng “tẩy diện” mà không dùng “tẩy kiểm”(洗臉). Còn “tẩy diện” ở đây chính là “tẩy kiểm”(rửa má). Khách Gia thoại dùng “tẩy diện” mà không dùng “tẩy kiểm” của Trung văn.

♦ Bài 20
學奕棋

三
雙方勢力本平均,勝利终須屬一人
攻守運籌無漏著算,才稱英勇大將軍

Học dịch kỳ

3
Song phương thế lực thản bình quân
Thắng lợi chung tu thuộc nhất nhân;
Công thủ vận trù vô lậu toán,
Tài xưng anh dũng đại tướng quân.

Học đánh cờ
3
Vốn trước hai bên ngang thế lực,
Mà sau thắng lợi một bên giành;
Tấn công, phòng thủ không sơ hở,
Đại tướng anh hùng mới xứng d anh.

Văn Trực – Văn Phụng dịch

Chú giải:

“Lậu toán”(著算): trong từ vựng Trung văn không có từ “lậu toán”, nhân vì văn bản Nhật ký trong tù xuất bản năm 1960 của nhà xuất bản Văn học Việt Nam đã chỉnh lý thơ HCM, đem từ “lậu toán” cải thành “lậu trước”(漏著). Bản in năm 1990 lại phục hồi từ “lậu toán”. “Lậu toán” là loại ngữ từ tiêu chuẩn của người Khách Gia, chỉ sự tính toán sai lầm khi đánh cờ tướng.

♦ Bài 25
賭

民間賭博被官拉,獄裡賭博可公開
被拉賭犯常嗟悔,何不先到這裡來

Đổ

Dân gian đổ bác bị quan lạp
Ngục lý đổ bác khả công khai
Bị lạp đổ phạm thường ta hối
Hà bất tiên đáo giá lý lai!?

Đánh bạc

Đánh bạc ở ngoài, quan bắt tội,
Trong tù đánh bạc được công khai;
Bị tù, con bạc ăn năn mãi:
Sao trước không vô quách chốn này!?

Nam Trân dịch

Chú giải:

"Quan lạp"(官拉) là từ ngữ rất thông dụng của người Khách Gia, Miêu Lật. Thời Nhật chiếm đóng Đài Loan, nhân dân bị cảnh sát rượt đuổi gọi là "quan lạp", còn người Khách Gia ở các địa phương khác có xưng hô như vậy hay không thì tôi chưa rõ.

♦ Bài 37
自勉

没有冬寒憔悴景,將無春暖的輝煌
災殃把我來鍛鍊,使我精神更緊張

Tự miễn

Một hữu đông hàn tiều tụy cảnh
Tương vô xuân noãn đích huy hoàng
Tai ương bả ngã lai đoạn luyện
Sử ngã tinh thần cánh kiện cường.

Tự khuyên mình

Ví không có cảnh đông tàn,
Thì đâu có cảnh huy hoàng ngày xuân;
Nghĩ mình trong bước gian truân,
Tai ương rèn luyện tinh thần thêm hăng.

Nam Trân dịch

Chú giải:

"Khẩn trương"(緊張), gần giống như "lậu toán", năm 1960, văn bản Nhật ký trong tù của nhà xuất bản Văn học đổi "khẩn trương" thành "kiện cường"(健強), đến năm 1990 đã lấy lại hai từ này. "Khẩn trương" là từ rất thông dụng của người Khách Gia Miêu Lật, ý nghĩa của nó là, thời gian cấp bách rồi, cần phải có tinh thần phấn chấn, ví dụ như cách dùng tiếng Khách Gia sau đây: " Tham gia thi đấu, thời gian càng gần càng phải khẩn trương".

♦ Bài 48
落了一隻牙

你的心情硬且剛,不如老舌軟而長
從來與你同甘苦,現在東西各一方

Lạc liễu nhất chích nha

Nhĩ đích tâm tình ngạch thả cương
Bất như lão thiệt nhuyễn nhi trường
Tòng lai dữ nhĩ đồng cam khổ
Hiện tại đông tây các nhất phương.

Rụng mất một chiếc răng

Cứng rắn như anh chẳng kém ai,
Chẳng như lão lưỡi dẻo và dài;
Ngọt bùi cay đắng từng chia sẻ,
Nay kẻ chân mây, kẻ cuối trời.

Trần Đắc Thọ dịch
Dị bản:

Cứng rắn như anh khác thói thường,
Phải đâu mềm tựa lưỡi không xương;
Ngọt bùi cay đắng từng chia sẻ,
Nay phải xa nhau, kẻ một đường.

Chú giải:

"Lạc liễu nhất chích nha"(落了一隻牙): càng tìm hiểu, nghiên cứu, giải nghĩa thơ HCM, càng phát hiện ra, ông là nhà thơ dân gian chính hiệu, vì trong bài này, ông đã biểu đạt được mối quan hệ giữa "nha xỉ"(牙齒-răng) với "thần thiệt" (唇舌-môi lưỡi) rồi lấy đó làm tựa đề. "Lạc liễu nhất chích nha", thực chất là một câu văn bất thông trong cấu trúc ngữ pháp và ngữ nghĩa Trung văn, nhưng lại là một phương ngôn rất thông dụng nếu phát âm theo cách của người Khách Gia, Miêu Lật, cho dù không tương ứng với v ới ý nghĩa biểu đạt cùng một đối tượng trong Hán ngữ. Vì vậy, HCM phải dùng "lạc"(落) và "chỉ"(只) để thay thế.

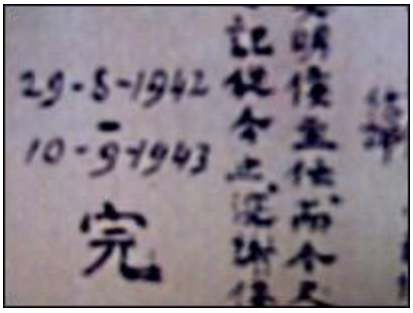

Bản "Ngục Trung Nhật Ký" được sửa lại
để cho trùng hợp với những ngày ở tù của HCM

♦ Bài 62
一个賭犯硬了

他身只有骨包皮,痛苦飢寒不可支
昨夜他仍睡我側,今朝他已九泉歸

Nhất cá đổ phạm "ngạnh" liễu

Tha thân chỉ hữu cốt bao bì

Thống khổ cơ hàn bất khả chi
Tạc dạ tha nhưng thụy ngã trắc
Kim triêu tha dĩ cửu tuyền quy.

Một người tù cờ bạc chết cứng

Thân anh da bọc lấy xương,
Khổ đau, đói rét hết phương sống rồi;
Đêm qua còn ngủ bên tôi,
Sáng nay anh đã về nơi suối vàng.

Nam Trân dịch

Chú giải:

"Ngạnh liễu"(硬了) hàm ý chỉ sự chết, là một từ rất thông dụng trong ngôn ngữ Khách Gia Miêu Lật. Người Khách Gia thường nói "ngạnh liễu" thay cho "nhân tử liễu"(người chết) của Trung văn.

♦ Bài 65
夜半聞哭夫
嗚呼夫君兮夫君,何故夫君遽棄塵
使妾從今何處見,十分心合意投人

Dạ bán văn khốc phu

Ô hô phu quân, hề phu quân!
Hà cố phu quân cự khí trần?
Sử thiếp tòng kim hà xứ kiến,
Thập phần tâm hợp ý đầu nhân.

Nửa đêm nghe tiếng khóc chồng

Hỡi ôi, chàng hỡi, hỡi chàng ơi!
Cơ sự vì sao vội lánh đời?
Để thiếp từ nay đâu thấy được,
Con người tâm ý hợp mười mươi.

Nguyễn Sĩ Lâm dịch

Chú giải:

"Thập phần tâm hợp ý đầu nhân" (十分心合意投人), thoạt nhìn không hiểu ý tứ ra sao, nhất thời chưa thể giải nghĩa. Nhưng nếu ta biết được HCM thường có thói quen dùng ngôn ngữ Khách Gia làm thơ, đồng thời đọc diễn cảm bài thơ, thì có thể giải đáp được thắc mắc trên. HCM sáng tác thơ thường hay chú ý việc gieo vần nên rất khoái sử dụng thủ pháp "đảo trang", nếu đem câu thơ này đổi thành "Thập phần hợp ý tâm đầu nhân" và dùng tiếng Khách Gia đọc diễn cảm, sẽ thấy rất rõ ràng "Thập phần ý hợp tâm đầu nhân" hàm ý chỉ sự đống ý đồng tình trong tâm trạng con người.

♦ Bài 91
獄中生活

每人各有一火炉,大大小小幾個鍋
煮飯煮茶又煮采,成天煙火没時無

Ngục trung sinh hoạt

Mỗi nhân các hữu nhất hỏa lô,
Đại đại, tiểu tiểu kỷ cá oa;
Chử phạn chử trà hựu chử thái,
Thành thiên yên hoả một thời vô.

Sinh hoạt trong tù

Hỏa lò ai cũng có riêng rồi,
Nhỏ nhỏ, to to mấy chiếc nồi;
Cơm, nước, rau, canh, đun với nấu,
Suốt ngày khói lửa mãi không thôi.

Nam Trân dịch

Chú giải:

"Một thời vô"(没時無), mấy từ này rất không hợp lý nếu xét theo cú pháp Trung văn, trái lại, đọc theo Khách Gia thoại sẽ dễ dàng biết được ý tứ của nó. Đó là "lúc nào cũng có". Bài thơ này, đọc diễn cảm theo tiếng Khách Gia, Miêu Lật rất thuận miệng và dễ hiểu.

♦ Bài 94
遷江獄

籠外六十九人盎,籠中的盎不知數
監房卻像刨藥堂,又像街上買盎鋪

Thiên Giang ngục

Lung ngoại lục thập cửu nhân áng,
Lung trung đích áng bất tri số;
Giam phòng khước tượng bào dược đường,
Hựu tượng nhai thượng mại áng phố.

Nhà lao Thiên Giang

Ngoài lao sáu chín chiếc ang người,
Chồng chất trong lao biết mấy mươi;
Nhà ngục mà như nhà chế thuốc,
Gọi là hàng chĩnh cũng không sai.

Băng Thanh dịch

Chú giải:

"Áng"(盎), giáo sư Hoàng Tranh giải thích: Là loại đồ đựng bằng gốm thời cổ, bụng to, miệng nhỏ. "Nhân áng" chỉ loại chum bằng gốm, một số địa phương vùng Quảng Tây có tập quán dùng chôn người chết. HCM những năm ấy bị giam tại nhà tù Thiên Giang, có thể đã nhìn thấy loại đồ gốm như đã nói trên đựng xương người chết sau khi được quy tập vào một nơi trước cửa nhà tù rồi mới đem chôn, nên mới có từ "nhân áng"(人盎)."Áng" rất giống với cách phát âm Khách Gia được chuyển sang Hán ngữ.

♦ Bài 95

搭火車往來賓

幾十日來勞走路,今天得搭火車行
雖然只得坐炭上,畢竟比徒步漂亮

Tháp hoả xa vãng Lai Tân

Kỷ thập nhật lai lao tẩu lộ,
Kim thiên đắc tháp hoả xa hành;
Tuy nhiên chỉ đắc tọa thán thượng,
Tất cánh tỷ đồ bộ phiêu lượng.

Đáp xe lửa đi Lai Tân

Cuốc bộ mấy mươi ngày vất vả,
Hôm nay được bước lên xe hỏa;
Dù rằng chỉ ngồi trên đống than,
Sang gấp mấy lần khi cuốc bộ.

Đỗ Văn Hỷ, Huệ Chi dịch

Chú giải:

"Lai Tân" là tên một huyện ở Quảng Tây, thuộc quyền quản lý địa khu Liễu Châu, cách Liễu Châu 80 km. "Lao" (勞), "đắc"(得), "chỉ đắc"(只得), "phiêu lượng"(漂亮) cho dù đọc diễn cảm bằng Trung văn cũng sẽ thấy rất không lọn nghĩa, thậm chí không biết tác giả nói về cái gì. Tuy nhiên, nếu dùng Khách Gia thoại, đọc diễn cảm thì hoàn toàn thông suốt và dễ hiểu."Lao"(勞)là "lao động" (vất vả),"đắc"(得)là"khả dĩ"(可以),"chỉ đắc"(只得)là"chỉ khả dĩ"(只可以) , ý nghĩa là " chỉ được, có thể được" đều là từ ngữ Khách Gia được chuyển âm. "phiêu lượng" cũng là tiếng Khách Gia được chuyển thành từ ngữ Trung văn, chỉ sự so sánh tốt hơn. Vì không có từ Trung văn phiên âm đối ứng nên HCM đành phải dùng từ "phiêu lượng" thay thế.

♦ Bài 114
伍科長,黃科員

伍科長與黃科員,兩人見我太可憐
慇勤慰問和幫助,這像冬寒見暖天

Ngũ khoa trưởng, Hoàng khoa viên

Ngũ khoa trưởng dữ Hoàng khoa viên,
Lưỡng nhân kiến ngã thái khả liên,
Ân cần ủy vấn hòa bang trợ,
Giá tượng đông hàn kiến noãn thiên.

Khoa trưởng họ Ngũ, khoa viên họ Hoàng

Họ Ngũ trưởng khoa với họ Hoàng,
Thấy ta cùng cực động lòng thương;
Ân cần thăm hỏi và cứu giúp,
Như nắng bừng lên giữa giá sương.

Nam Trân dịch

Chú giải:

“Khoa trưởng họ Ngũ, khoa viên họ Hoàng” đều là các viên chức của cơ quan Chính trị bộ thuộc Đệ tứ Chiến khu.

1 – “Giá tượng”: Ngữ pháp Trung văn không có từ loại này mà là khẩu ngữ của người Khách Gia. “lưỡng nhân” chỉ hai người, còn “giá tượng” chỉ “hình như”, “như”.

2- Phải là người có trình độ Hán học khá uyên bác mới trước tác được Nhật ký trong tù, trong đó có một số bài rất khó tưởng tượng một người Việt Nam lại có thể viết nổi, huống hồ, cho dù đã học Hán văn rất cẩn thận, nhưng không thường xuyên tu dưỡng, bổ sung kiến thức, làm sao sử dụng ngôn ngữ nhuần nhuyễn như HCM để diễn đạt tư tưởng tình cảm của mình qua các thể tài trên.

♦ Bài 7

世路難

一

走遍高山與峻岩,那知平路更難堪
高山遇虎終無恙,平路逢人却被監

二

余原代表越南民,擬到中华見要人
無奈風波平地起,送余入獄作嘉賓

三

忠誠我本無心疚,却被嫌疑做漢奸
處世原來非易易,而今處世更難難

Thế lộ nan

*

Tẩu biến cao sơn dữ tuấn nham
Na tri bình lộ cánh nan kham
Cao sơn lộ hổ chung vô dạng
Bình lộ phùng nhân khước bị giam.

**

Dư nguyên đại biểu Việt Nam dân
Nghĩ đáo Trung Hoa kiến yếu nhân
Vô nại phong ba bình địa khởi
Tống dư nhập ngụ tác gia tân

***

Trung thành ngã bản vô tâm cứu
Khước bị hiềm nghi tố Hán gian
Xử thế nguyên lai phi dị dị
Nhi kim xử thế cánh nan nan.

Đường đời hiểm trở

*

Đi khắp đèo cao, khắp núi cao,
Ngờ đâu đường phẳng lại lao đao!
Núi cao gặp hổ mà vô sự,
Đường phẳng gặp người bị tống lao?!

**

Ta là đại biểu dân Việt Nam,
Tìm đến Trung Hoa để hội đàm;
Ai ngỡ đất bằng gây sóng gió,
Phải làm “khách quý” ở nhà giam!

***

Ta người ngay thẳng, lòng trong trắng,

Lại bị tình nghi là Hán gian;
Xử thế từ xưa không phải dễ,
Mà nay, xử thế khó khăn hơn.

Nam Trân dịch

Chú giải:

"Trung thành", "Hán gian": Nhật ký trong tù nếu do một người Việt Nam là NAQ sáng tác thì xem ra thật vô lý, bởi người viết đã dùng các từ "trung thành", "Hán gian". Đặc biệt từ "Hán gian" càng tỏ rõ, người viết bài thơ này không thể là công dân nước ngoài. Nếu quả như NAQ viết thật thì phải tự xưng là "Việt gian" hoặc "Cộng điệp" (gián điệp của QTCS) mới hợp lý.

Tác phẩm này
có đích thục của ông không?

♦ Bài 88
寄尼魯

其一
我奮鬥時君活動,君入獄時我住籠
萬里遥遥未见面,神交自在不言中

Ký Nê Lỗ

Ngã phấn đấu thời quân hoạt động,
Quân nhập ngục thời ngã trú lung;
Vạn lý dao dao vị kiến diện,
Thần giao tự tại bất ngôn trung.

Gửi Nehru

Khi tôi phấn đấu, anh hoạt động,
Anh phải vào lao, tôi ở tù;
Muôn dặm xa vời chưa gặp mặt,
Không lời mà vẫn cảm thông nhau.

Hoàng Trung Thông dịch

Chú giải:

Nê Lỗ (尼魯): Giáo sư Hoàng Tranh chú thích, Nê Lỗ tức Nê Hách Lỗ (Jawaharlal Nehru - 1889-1964), nhà lãnh đạo dân tộc chủ nghĩa, lãnh tụ đảng Quốc Đại, Thủ tướng nhiệm kỳ đầu (1947- 1964) sau khi Ấn Độ độc lập. HCM và Nehru là người cùng thời đại, đều cùng ra sức phấn đấu cho nền độc lập dân tộc và quốc gia. Hai người chưa từng gặp mặt nhưng đã là bạn tâm giao từ lâu. Từ tháng 12 năm 1921 đến tháng 6 năm 1945, Nehru trước sau từng bị bắt 9 lần. Thời kỳ HCM bị bắt tại Quảng Tây, Nehru cũng bị nhà đương cục của chủ nghĩa thực dân Anh, kẻ thù của nhân dân Ấn Độ giam giữ, mà kẻ bắt giam HCM, lại là chính phủ Quốc Dân đảng, một láng giềng hữu hảo, là đồng minh chống chủ nghĩa phát xít.

Năm 1939, HCM từng nhiệm chức Đài trưởng Đài thông tin vô tuyến cơ quan Bát Lộ quân Quảng Tây và nhân viên Đài vô tuyến Ban Huấn luyện cán bộ du kích Hành Dương, phụ trách thu thập thông tin ngoại văn, sau đó dịch sang tiếng Trung. Đối với tình hình quốc tế và các lãnh tụ quốc gia lúc ấy, trình độ của ông là tương đối cao.

Tháng 12 năm 1927, NAQ từ Paris đến Bruxelles tham dự "Hội nghị thế giới các dân tộc bị áp bức", Jawaharlal Nehru cũng tham dự hội nghị này và được bầu làm Ủy viên chấp hành, đồng thời, cùng với NAQ có mối quan hệ rất mật thiết. Xem lại bài "Ký Nê Lỗ": "Ngã phấn đấu thời quân hoạt động/ Quân nhập ngục thời ngã trú lung/ Vạn lý dao dao vị kiến diện/ Thần giao tự tại bất ngôn trung",(Khi tôi phấn đấu, anh hoạt động/Anh phải vào lao, tôi ở tù/Muôn dặm xa vời chưa gặp mặt/Không lời mà vẫn cảm thông nhau),thì thấy rõ ràng, trước năm 1943, HCM chưa từng gặp Nehru. Một lần nữa, bài thơ này chứng thực NAQ và HCM không phải là một người.

♦ Bài 77

折字

囚人出去或為國,患過頭時始見忠
人有憂愁優點大,籠開竹門出真龍

Chiết tự

Tù nhân xuất khứ hoặc vi quốc,
Hoạn quá đầu thì thuỷ kiến trung;
Nhân hữu ưu sầu ưu điểm đại,
Lung khai trúc sản, xuất chân long.

Chơi chữ

Người thoát khỏi tù ra dựng nước,
Qua cơn hoạn nạn, rõ lòng ngay;
Người biết lo âu, ưu điểm lớn,
Nhà lao mở cửa, ắt rồng bay!

Nam Trân dịch

Chú giải:

"Chiết tự"(折字) : Giáo sư Hoàng Tranh chú giải, Trung Quốc từ lâu đã lưu truyền một loại văn học du hý, đem phân giải tổ hợp chữ Hán này thành một số chữ Hán khác, những chữ mới này biểu đạt một ý nghĩa nào đấy. Trình độ Hán học của HCM phải khá uẩn súc mới có thể sử dụng thành thạo lối chiết tự du hý chữ Hán như vậy.

Trong bài thơ này, HCM vận dụng lối bẻ chữ, nghĩa là từ một chữ Hán, ông chia tách ra thành những chữ khác nhau vốn là các thành tố cấu tạo nên chữ đó, rồi thêm vào hoặc bớt đi một vài nét, tạo nên những chữ mới, mục đích vui đ ùa lúc nhà rỗi trong ngục. Cụ thể là, chữ 囚 (tù) bỏ chữ人(nhân) bên trong rồi thêm chữ 或(hoặc) thì biến thành chữ 國(quốc). Chữ 患 (hoạn) bỏ một chữ 中 (trung) trên đầu thì sẽ còn chữ 忠 (trung) nghĩa là trung thành. Chữ 憂 (ưu) vốn là lo lắng, thêm chữ 人 (chính xác là bộ "nhân đứng") bên trái sẽ biến thành chữ 優 ưu, nghĩa là ưu điểm. Chữ 籠 (lung) là nhà lao, lược bỏ bộ trúc (竹) trên đầu sẽ thành chữ 龍 (long) nghĩa là rồng. Bài thơ này, sau khi chiết tự sẽ thành bốn chữ mới 國(quốc), 忠 (trung) .優 (ưu), 龍(long), hàm ý của nó là, vì đất nước tâm trạng nhà thơ đầy ưu phiền, trong hoạn nạn càng rèn luyện ý chí đợi khi ra khỏi nhà tù sẽ tiếp tục sự nghiệp.

♦ Bài 63
又一个

夷齊不食周朝粟,賭犯不吃公家粥
夷齊餓死首陽山,賭犯餓死公家獄

Hựu nhất cá...

Di, Tề bất thực Chu triều túc,
Đổ phạm bất ngật công gia chúc;
Di, Tề ngã tử Thú Dương sơn,
Đổ phạm ngã tử công gia ngục.

Lại một người nữa...

Di, Tề chẳng ăn gạo nhà Chu,
Tù bạc chẳng ăn cháo nhà nước;
Di, Tề chết đói ngàn Thú Dương,
Tù bạc chết đói trong nhà ngục.

Nam Trân dịch

Chú giải:

Tiêu đề "Hựu nhất cá", chỉ sự tiếp tục của bài trước, "Lại một tù cờ bạc nữa chết đói trong ngục". Bài thơ này, HCM lấy việc tù cờ bạc chết đói trong nhà giam so sánh với sự tích Bá Di, Thúc Tề con vua nước Cô Trúc đời nhà Ân (1401 - 1122 trước CN, Trung Quốc), không ăn thóc nhà Chu mà chết đói ở núi Thú Dương, chứng tỏ ông hiểu rất rõ các nhân vật trong lịch sử cổ đại Trung Quốc, nên luôn chuyên tâm trau giồi đạo đức, khí tiết. Hồ Chí Minh (Hồ Tập Chương) từ nhỏ đã được tiếp thụ nền gióa dục truyền thống của gia đình. Thân sinh ra ông là Hồ Dần Lượng thường lấy sự tích "Di Tề không ăn thóc nhà Chu", "Quan Công qua năm ải chém sáu tướng" để giảng giải về đại nghĩa, hy vọng giáo dục HCM thành người có nhân cách lớn, khí tiết cao cả. Ngô Trọc Lưu trong tác phẩm " Hồ Chí Minh", đã xen kẽ giới thiệu lịch sử gia tộc HCM (Hồ Tập Chương). Tại thiên "Vân thê thư viện" (Thư viện thang mây) của ông, có thuật lại việc từ nhỏ HCM đã được dạy về điển tích "Bá Di, Thúc Tề".

♦ Bài 132
即景

樹梢巧畫張飛像,赤日長明關羽心
祖國終年無信息,故鄉每日望回音

Tức cảnh

Thụ sao xảo họa Trương Phi tượng,
Xích nhật trường minh Quan Vũ tâm;
Tổ quốc chung niên vô tín tức,
Cố hương mỗi nhật vọng hồi âm.

Tức cảnh

Cành lá khéo in hình Dực Đức,
Vầng hồng sáng mãi dạ Quan Công;
Năm tròn cố quốc tăm hơi vắng,
Tin tức bên nhà bữa bữa trông.

Nam Trân dịch

Chú giải:

"Trương Phi", "Quan Vũ": Tại nhà HCM ở Miêu Lật, Đồng La, thời kỳ trước sau năm 1960, tác giả đã nhìn thấy một tập tranh "Tam quốc diến nghĩa" cổ, ước khoảng 10 hồi, đóng thành quyển, ngoài ra còn có "Tứ thư độc bản", "Thiên gia thi", "Dược thang ca quyết" và một số loại sách khác.

"Tổ quốc", "cố hương": Ý trực tiếp để thông báo với mọi người là quê hương Nghệ An, Việt Nam, nhưng thực chất lại chỉ Miêu Lật, Đài Loan. Vào đầu năm 1939, HCM (Hồ Tập Chương) gặp người em ruột là Hồ Tập Dưỡng lần cuối cùng, sau đó thì không nhận được tin tức gì của gia đình nữa. Trong bài thơ này có câu "chung niên vô tín tức" (suốt năm không tin tức) là phù hợp với hoàn cảnh thực tế của ông. Trước khi chia tay, HCM (Hồ Tập Chương) đặc biệt dặn Hồ Tập Dưỡng: "Sau này, nếu không thành công sẽ không về nhà, mong gia đình đừng mất công tìm tôi". Tác giả dự đoán, Thời gian ấy, Hồ Tập Chương đã quyết định phấn đấu hy sinh vì nền độc lập của Việt Nam. Vậy mà tạo hóa trêu ngươi, không ai ngờ, sau năm 1948, tập đoàn Tưởng Giới Thạch thoái thủ Đài Loan, HCM dù có thành công đến mấy cũng không còn đường về quê cha đất tổ.

♦ Bài 115
限制

沒有自由真痛苦,出恭也被人制裁
開籠之時肚不痛,肚痛之時籠不開

Hạn chế

Một hữu tự do chân thống khổ,
Xuất cung dã bị nhân chế tài;
Khai lung chi thì đỗ bất thống,
Đỗ thống chi thì lung bất khai.

Bị hạn chế

Đau khổ chi bằng mất tự do,
Đến buồn đi ỉa cũng không cho;
Cửa tù khi mở, không đau bụng,
Đau bụng thì không mở cửa tù.

Nam Trân dịch

Chú giải:

"Xuất cung"(出恭): Từ thời Nhật Bản chiếm đóng, người dân ở Miêu Lật, Đồng La gọi việc đến nhà xí đại tiện là "xuất cung". Cách gọi này lưu truyền cho đến ngày nay nhưng rất ít người hiểu được nguồn gốc ra đời của nó. Qua quá trình khảo cứu thư tịch cổ, tác giả xin cung cấp những tư liệu sau đây có liên quan đến từ "xuất cung":

1- Trong các kỳ thi của hệ thống khoa cử triều Minh, người ta đặt ra một loại thẻ bài "xuất cung nhập kính" (出恭入敬) để đề phòng thí sinh tự tiện bỏ vị trí ra ngoài. Khảo sinh muốn đi đại tiện, trước hết phải lĩnh thẻ "xuất cung nhập kính" mới được ra, từ đó mới có tên gọi "xuất cung".

2- Cuối triều nhà Thanh, trước khi bị Nhật chiếm đóng, văn chương, học vấn của người Miêu Lật, Đồng La rất hưng thịnh, xuất hiện không ít tiến sĩ, cử nhân, tú tài. Đầu triều Thanh, cử nhân Ngô Tử Quang đã mở trường học tại Đồng La, thu nhận nhiều môn đệ. Nhà chí sĩ kháng Nhật Khâu Phùng Giáp chính là học trò xuất sắc của ông. Phụ thân HCM (Hồ Tập Chương) là Hồ Dần Lượng, những năm đầu Quốc dân cũng từng mở trường dạy học tại quê nhà. Nhiều năm trước đó, học trò Miêu Lật, Đồng La thường xuyên vào Đại lục tham dự các kỳ thi của triều đình, nên khi về quê đã dùng từ "xuất cung" thay cho "đại tiện", nghe có vẻ trang nhã hơn.

Từ "xuất cung" được lưu truyền cho đến ngày nay trở thành một thứ phương ngôn đặc thù của người Đồng La. Năm 1929, HCM vừa mới rời Miêu Lật, Đồng la đến Thượng Hải, nên từ "xuất cung" ông sử dụng không có gì lạ.

3- Đối với một người nắm chắc ngôn ngữ Nhật Bản như HCM (Hồ Tập Chương), khi viết Nhật ký trong tù, có thể chen vào một số từ tiếng Nhật mà lại không có vốn từ Nhật Bản thì khó mà viết được những bài thơ hàm súc và thấm đẫm tinh thần nhân văn như thế.

♦ Bài 59

南寧獄

監房建築頂摩登,澈夜輝煌照電燈
因為每餐惟有粥,使人肚子戰兢兢

Nam Ninh ngục

Giam phòng kiến trúc đính "ma-đăng"
Triệt dạ huy hoàng chiếu điện đăng
Nhân vị mỗi xan duy hữu chúc
Sử nhân đỗ tử chiến căng căng.

Nhà ngục Nam Ninh

Nhà lao xây dựng kiểu tân thời,
Đèn điện thâu đêm sáng rực trời;
Nhưng mỗi bữa ăn lưng bát cháo,
Cho nên cái bụng cứ rên hoài.

Nam Trân dịch

Chú giải:

"Ma đăng"(摩登): Thời kỳ Nhật Bản chiếm đóng Đài Loan, có một số từ nước ngoài du nhập vào Đồng La mà từ "ma đăng" vốn có nguồn gốc Anh ngữ (modern), nghĩa là "hiện đại" là một ví dụ.

♦ Bài 67

工金

煮一鍋飯六毛錢,一盆開水銀一元
一元買物得六角,獄中價格定昭然

Công kim

Chử nhất oa phạn lục mao tiền,
Nhất bồn khai thủy ngân nhất nguyên;
Nhất nguyên mãi vật đắc lục giác,
Ngục trung giá cách định chiêu nhiên.

Tiền công

Thổi một nồi cơm, trả sáu hào,
Nước sôi mỗi chậu, một đồng trao;
Một đồng của đáng sáu hào chỉ,
Giá cả trong tù định rõ sao!

Nam Trân dịch

Chú giải:

"Công kim"(工金): Thời kỳ Nhật Bản chiếm đóng Đài Loan có một số từ nước ngoài được du nhập vào hệ thống từ vựng Hán ngữ. "Công kim" chỉ tài sản công, tiền công.

♦ Bài 85
獄丁窃我之士的

一生正直又堅剛,携手同行幾雪霜
恨彼奸人離我倆,長教我你各凄凉

Ngục đinh thiết ngã chi sĩ-đích

Nhất sinh chính trực hựu kiên cương,
Huề thủ đồng hành kỷ tuyết sương;
Hận bỉ gian nhân ly ngã lưỡng,
Trường giao ngã nhĩ các thê lương.

Lính ngục đánh cắp mất chiếc gậy của ta

Suốt đời ngay thẳng lại kiên cường,
Dìu dắt nhau đi mấy tuyết sương;
Giận kẻ gian kia gây cách biệt,
Hai ta dằng dặc nỗi buồn thương.

Nam Trân dịch

Chú giải:

"Sĩ đích"(士的): là danh từ chỉ cái gậy chống (quải trượng). Trong Nhật ngữ, "quải trượng"(guǎi zhàng), đọc âm nhấn mạnh như "sĩ đích". Giáo sư Hoàng Tranh chú giải: "quải trượng" vốn là từ tiếng Anh "stick" được phiên âm sang Hán ngữ. Tác giả có hỏi các tiên sinh cao tuổi biết Nhật ngữ thời Nhật Bản chiếm đóng Đài Loan, "sĩ đích" phải chăng là tiếng Nhật được đưa vào Hán ngữ. Một số người nói đúng, nhưng số khác lại bảo không thể xác định rõ ràng. Tôi cảm thấy thật kỳ lạ. HCM vì sao không trực tiếp dùng từ "stick" hoặc "quải trượng" làm tiêu đề bài thơ, đọc vừa thuận tai vừa dễ hiểu. Trái lại, ông chơi trò đùa bỡn, lấy "sĩ đích" đặt tên khiến người đọc không tìm ra đầu mối. Câu thơ "Ngục đinh thiết ngã chi sĩ đích", rốt cuộc hàm chưa ý tứ gì? Nhật ký trong tù được sáng tác vào

năm 1942–1943, là thời kỳ HCM bị giải đi giải lại từ Quế Lâm đến Liễu Châu. Lúc ấy, mỗi chuyến xe xuất phát từ Liễu Châu đều có viết hai chữ "đích sĩ" lên cái chiêu bài bốn mặt trên nóc làm dấu hiệu. Có thể, khi bị giải trên đường, đúng vào lúc tinh thần cao hứng, HCM liền đem âm tiếng Nhật của hai từ "quải trượng", tạm mượn hai chữ "đích sĩ" trên biển hiệu nóc xe, đảo trật tự thành "sĩ đích" thay thế cho âm "quải trượng" Hán ngữ để đùa vui chăng? Chuyện này không phải không có khả năng. HCM hoạt động gần biên giới Trung – Việt, đi đi về về, không lúc nào rời xa chiếc gậy chống, đối với nó vô cùng thân thiết như người bạn tâm giao. Một người bạn thân Trung Quốc, tướng quân Vi Quốc Thanh, sau này đã từng tặng HCM một gốc trúc vuông Quảng Tây đặc biệt hiếm để ông làm gậy chống.

Tổng hợp những phần đã phân tích ở trên, chúng tôi đi đến kết luận, tác giả Nhật ký trong tù nhất định phải là người có đủ ba điều kiện sau đây:

1- Đối với ngữ văn Trung Quốc phải có trình độ cao, mà đối với nền Quốc học thường thức cũng phải đạt trình độ tương đối khá. Sáng tác được thơ trong Nhật ký trong tù tuyệt đối không phải là người chỉ có trình độ chữ Hán ba, bốn năm tiểu học.

2- Tác giả Nhật ký trong tù nhất định phải là người sắc tộc Khách Gia thuộc cộng đồng cư dân Miêu Lật, Đồng La, Đài Loan.

3- Tác giả Nhật ký trong tù phải là người Khách Gia thông thạo Nhật ngữ.

Thư pháp chữ Hán của Hồ Chí Minh

Ngoại trừ Nhật ký trong tù, từ sau năm 1938, HCM đã dùng Trung văn công bố một số chuyên luận, sáng tác văn thơ và viết thư pháp. Toàn bộ trước tác của ông, bao gồm cả những bức thư pháp đại, tiểu khải, thật ra rất khó thuyết phục được người ta tin là, NAQ thuở niên thiếu chỉ học qua vài năm Hán ngữ lại có thể viết được. Những dẫn chứng sau đây có thể chứng minh nhận định trên:

1- Từ tháng 12/1938 đến tháng 06/1939, HCM viết 7 bài báo và chuyên luận bằng Trung văn, các bản thảo được gửi đến Hà Nội, Việt Nam. Các bài có tiêu đề như sau: ° Tháng 12/1938: "Người Nhật muốn khai hóa Trung Quốc như thế nào?" ° Tháng 02/1939: "Thư gửi đến Trung Quốc" ° Tháng 03/1939: "Thư gửi đến Trung Quốc" ° Tháng 04/1939: "Chủ nghĩa anh hùng trong kháng chiến chống Nhật của nhân dân Trung Quốc" và "Thư gửi đến Trung Quốc" ° Tháng 06/1939: "Thư gửi đến Trung Quốc", trong đó có bài "Người Nhật muốn khai thác Trung Quốc như thế nào?" dài khoảng hai nghìn chữ, nội dung tự thuật và chuyên thuật, nhất định phải là người có trình độ Nhật văn khá mới có thể viết được. ° Tháng 11 đến tháng 12/1940, HCM thường xuyên viết cho tờ Cứu vong nhật báo Quảng Tây với bút danh Bình Sơn, đăng tải 11 bài chuyên đề bằng Trung văn.

Tiêu đề các bài như sau:

- "Thiên thượng cố muội" (Tác giả tự dịch ra tiếng Việt là "Ông trời có mắt", 24/11/1940);
- "Ác tác kịch của La Tư Phúc tiên sinh" (It started with a kiss of Mrs Roosevelt, 27/11/1940);
- "Lưỡng cá Phàm Nhĩ Tái chính phủ" (Hai chính phủ Versailles, 29/11/1940);
- "Vu khống"(01/12/1940);
- "Báo chí Trung Quốc và nhân dân Việt Nam" (02/12/1940);
- "Ca dao Việt Nam với phong trào kháng Nhật của nhân dân Trung Quốc" (04/12/1940);
- "Ngư mục hỗn châu" (05/12/1940);
- "Bàn về huyết thống" (08/12/1940);
- "Nghĩa Đại Lợi (Ytalia) thực bất đại lợi" (16/12/1940);
- "Quân phục quốc Việt Nam trở thành quân bán nước Việt Nam" (18/12/1940);

Tổng cộng 11 thiên chuyên đề. Sau khi nghiên cứu các bài viết này, tác giả thấy, chẳng những khả năng bình luận những vấn đề thời cuộc sắc sảo mà bút pháp của HCM còn vô cùng sinh động, câu văn trôi chảy, giầu hình ảnh, không thể do một người ngoại quốc viết mà phải là tác giả Trung Hoa, hiểu biết sâu sắc về văn hóa Nhật Bản.

2 – Sáng tác thơ, phú ngẫu hứng

贈陳賡將軍詩抄 (一)

攜杖登高觀陣地,
萬重山擁萬重雲
義兵壯志呑牛斗,
誓滅豺狼侵掠軍

Tặng tướng quân Trần Canh thi sao (1)

Huề trượng đăng cao quan trận địa
Vạn trùng sơn ủng vạn trùng vân
Nghĩa binh tráng khí thôn ngưu đẩu
Thệ diệt sài lang xâm lược quân.

Dịch:

Tặng tướng quân Trần Canh (1)

Chống gậy lên non xem trận địa
Vạn trùng núi đỡ vạn trùng mây
Quân ta khí mạnh nuốt Ngưu Đẩu
Thề diệt xâm lăng lũ sói cầy.

贈陳賡將軍詩抄 (二)

香檳美酒夜光杯,
欲飲琵琶馬上催
醉臥沙場君莫笑,
敵人休放一人回

Tặng tướng quân Trần Canh thi sao (2)

Hương tân mỹ tửu dạ quang bôi
Dục ẩm, tỳ bà mã thượng thôi
Túy ngọa sa trường quân mạc tiếu
Địch nhân hưu phóng nhất nhân hồi.

Dịch:

Tặng tướng quân Trần Canh (2)

Rượu ngọt sâm banh lấp lánh ly
Muốn uống, tỳ bà thúc ngựa phi
Đừng cười say nghỉ nơi trận mạc
Không tha quân địch một tên về.

贈韋國清將軍詩抄

百里尋君未遇君,
馬蹄踏碎領頭雲

歸來偶過山梅樹,
每朵黃花一點春

Tặng Vi Quốc Thanh tướng quân thi sao

Bách ký tầm quân vị ngộ quân,
Mã đề đạp toái lãnh đầu vân,
Quy lai ngẫu quá sơn mai thụ,
Mỗi đóa hoàng hoa nhất điểm xuân.

Dịch nghĩa:
Tặng Vi Quốc Thanh tướng quân

Trăm dặm đi tìm ông mà chưa gặp ông,
Vó ngựa xéo nát đám mây đầu núi,
Trở về, bỗng đi qua cây mai già trên núi,
Mỗi đóa hoa vàng điểm một nét xuân.

遊長城即興賦詩

聽說長城萬里長,
頭連東海尾西疆
幾千百萬勞動者,
建築斯城鎮一方

Du Trường Thành tức hứng phú thi

Thính thuyết Trường Thành vạn lý trường,
Đầu liên Đông Hải vĩ Tây Cương,
Kỷ thiên bách vạn lao động giả,
Kiến trúc tư thành trấn nhất phương
Dịch nghĩa:
Chơi Vạn Lý Trường Thành ngẫu hứng làm thơ

Nghe nói Trường Thành dài vạn dặm,
Đầu liền với Đông Hải, cuối đến tận biên giới phía tây,
Hàng trăm ngàn vạn người lao động
Đắp nên thành này để trấn giữ một phương.

遊太湖即興賦詩

西湖不比太湖美,
太湖更比西湖寬
魚舟來去朝陽暖,
桑稻滿田花滿山

Du Thái Hồ tức hứng phú thi

Tây Hồ bất tỉ Thái Hồ mỹ,
Thái Hồ cánh tỉ Tây Hồ khoan,
Ngư chu lai khứ triêu dương noãn,
Tang đạo mãn điền hoa mãn sơn.

Dịch nghĩa:
Chơi Thái Hồ ngẫu hứng làm thơ

Tây Hồ không đẹp bằng Thái Hồ,
Thái Hồ rộng hơn Tây Hồ,
Thuyền đánh cá qua lại trong nắng sớm ấm áp,
Dâu lúa đầy ruộng, hoa nở đầy núi.

遊漓江即興賦詩

桂林風景甲天下,
如詩中畫,畫中詩
山中樵夫唱,
江上客船歸。奇!

Du Ly Giang tức hứng phú thi

Quế Lâm phong cảnh giáp thiên hạ,
Như thi trung họa, họa trung thi.
Sơn trung tiều phu xướng,
Giang thượn khách thuyền quy.
Kỳ!

Dịch nghĩa:

Chơi Ly Giang ngẫu hứng làm phú

Phong cảnh Quế Lâm đẹp nhất thiên hạ,
Như thơ trong họa, như họa trong thơ.
Trong núi tiều phu hát,
Trên sồng thuyền khách về.
Lạ kỳ!

3 – Thơ cổ và điển tích

HCM là người rất thuộc thơ chữ Hán và các điển cố Hán học nên thường tùy miệng xuất ngôn dẫn dụng tặng bạn bè Trung Quốc hoặc khuyến khích, động viên nhân dân trong nước mỗi khi ông viếng thăm một vùng nào đó. Hai ví dụ dưới đây có thể chứng minh, nếu không dày công học tập, tu dưỡng nền văn hóa Hán thì khó có thể tùy miệng dọc ngay được những bài thơ, bài từ như thế:

♦ Lỗ Tấn và bài thơ "Tự trào"
自嘲(魯迅)

横眉冷對千夫指,
府首甘為孺子牛
躲進小樓成一統，
管他冬夏與春秋

Tự trào (Lỗ Tấn)
Hoành my lãnh đối thiên phu chỉ,
Phủ thủ cam vi nhụ tử ngưu.
Đoá tiến tiểu lâu thành nhất thống,
Quản tha đông hạ dữ xuân thu.

Tự giễu mình (Lỗ Tấn)

Mắt trừng đối mặt phường hung bạo

Cổ cúi làm trâu đám tí nhau
Nấp chốn lầu con thành nhất thống
Kể gì Đông, Hạ với Xuân, Thu.

Hoàng Trung Thông dịch
Tháng 10 năm 1945, Hà Nội, Việt Nam vừa xây dựng xong chính quyền cách mạng, HCM dẫn hai câu đầu trong bài thơ "Tự trào" của văn hào Lỗ Tấn: "Hoành mi lãnh đối thiên phu chỉ, Phủ thủ cam vi nhụ tử ngưu" để khuyến khích quân đội, xác định thái độ , nguyện vì nhân dân phục vụ.

♦ Vương Xương Linh và bài thơ "Lầu Phù Dung tiễn Tân Tiệm"
芙蓉樓送辛漸(王昌齡)

寒雨連江夜入吳,
平明送客楚山孤
洛陽親友如相問,
一片冰心在玉壺

Phù Dung lâu tống Tân Tiệm (Vương Xương Linh)

Hàn vũ liên giang dạ nhập Ngô,
Bình minh tống khách Sở sơn cô,
Lạc Dương thân hữu như tương vấn,
Nhất phiến băng tâm tại ngọc hồ.

Dịch nghĩa:

Lầu Phù Dung tiễn Tân Tiệm (Vương Xương Linh)

Mưa lạnh rơi khắp mặt sông trong đêm vào đất Ngô.
Khi trời sáng tiễn khách chỉ có ngọn núi đất Sở trơ trọi.
Nếu như bạn bè thân thích ở Lạc Dương có hỏi thăm,
(Thì xin đáp rằng lòng tôi đã thành) một mảnh lòng băng giá trong bầu ngọc rồi.
Ngày 10/10/1962, HCM đặt tiệc tại Hà Nội tiễn Bành Chân, Trưởng Đoàn đại biểu Trung Quốc sang thăm Việt Nam. Trong tiệc, HCM tùy miệng đọc diễn cảm hai câu thơ:

"北京親友如相問,
一片冰心在玉壺"
(Bắc Kinh thân hữu như tương vấn,
Nhất phiến băng tâm tại ngọc hồ).

Đồng thời, nhờ Bành Chân chuyển lời thăm hỏi đến các đồng chí Mao Trạch Đông, Lưu Thiếu Kỳ, Chu Ân Lai và Chu Đức.

4 – Múa bút viết thư pháp Đại khải và Tiểu khải

Mùa thu năm 1938, thời kỳ HCM làm việc ở Quế Lâm đã để lại không ít bức thư pháp. Lúc ấy, ông còn kiêm luôn cả công việc biên tập tờ "Sinh hoạt tiểu báo" (có lẽ là báo tường – ND). Bản thảo đều dùng bút lông tự viết trên giấy báo, sau đó đóng thành sách, trang bìa viết chữ Đại khải.

Năm 1959, HCM đến Lư Sơn, Giang Tây, nhà Khách đặc biệt mời ghi lưu niệm, vì bút lông quá nhỏ, ông bèn lấy ngón tay nhúng mực viết lên giấy Tuyên ba chữ lớn: " 盧山好" (Lư Sơn hảo), sau đó dùng bút tiểu khải viết dòng lạc khoản "Hồ Chí Minh, tháng 8 năm 1959".

Trung tuần tháng 5 năm 1961, HCM đến Ly Giang, (Quế Lâm, Quảng Tây). Theo đề nghị

của khách sạn Dung Hồ, ông ngẫu hứng cầm bút viết bài phú tả cảnh Ly giang vào tờ giấy Tuyên khổ rộng trải trên chiếc sạp lớn:

桂林風景甲天下,
如詩中畫,畫中詩
山中樵夫唱,
江上客船歸。奇!

Phong cảnh Quế Lâm đẹp nhất thiên hạ,
Như thơ trong họa, như họa trong thơ.
Trong núi tiều phu hát,
Trên sông thuyền khách về.
Lạ kỳ!

Tại nhà khách Dương Sóc, HCM dùng bút đại tự viết 5 chữ lớn: “ 陽朔風景好” (Dương Sóc phong cảnh hảo) thành bức tranh chữ rồi rồi đề lạc khoản phia dưới góc trái bằng bút tiểu khải “ Hồ Chí Minh, 15 tháng 5 năm 1961”. Tác phẩm này đến nay vẫn còn lưu giữ trong nhà khách Dương Sóc.

Ngôn ngữ thơ HCM đều biểu đạt tình cảm chân thành, thường tương ứng với hoàn cảnh mà mình đã trải qua bằng ngôn ngữ mẹ đẻ một cách thuần thục, sinh động. Như vậy, trong số không ít các bài thơ, nhất là Nhật ký trong tù và thơ ngẫu hứng, rồi đến các bức thư họa mà HCM sáng tác trong quá trình hoạt động cách mạng, xét về logic, không thể là tác phẩm của một người nước ngoài, chỉ được tiếp cận với nền văn hóa Hán vài năm tiểu học. Lại nữa, từ trước năm 1933, hầu như NAQ không để lại bất kỳ bài viết bằng Trung văn nào, vậy mà sau năm 1933, HCM lại có một khối lượng lớn các tác phẩm Trung văn, bao gồm cả chuyên luận, tạp văn, thông tấn, thơ, từ và thư pháp. Từ đó suy ra, NAQ và HCM chắc chắn phải là hai người khác nhau.

Di chúc của Hồ Chí Minh lúc lâm chung

(viết tới bí mật)

Việt Nam Dân chủ Cộng hoà
Độc lập, Tự do, Hạnh phúc.

Năm nay, tôi vừa 78 tuổi, vài lần nhớ vẩn "Tương thọ". Tinh thần vẫn sáng suốt, tuy sức khỏe có kém so với vài năm trước đây. Đó là một điều bình thường.

Ai đoán biết được tôi sẽ sống và phục vụ Tổ quốc, phục vụ cách mạng mấy tháng, mấy năm nữa?

Vì vậy, tôi viết lại mấy lời này, phòng khi tôi sẽ đi gặp Cụ Bác Mác, Cụ Lênin và các vị cách mạng đàn anh khác, thì đỡ bối rối và đỡ chủ trương đảng khỏi cảm thấy đột ngột.

Về việc riêng

Suốt đời tôi hết lòng hết sức phục vụ Tổ quốc, phục vụ cách mạng, phục vụ nhân dân. Nay phải tạm biệt thế giới này, tôi chỉ tiếc hai tiếc không được phục vụ lâu hơn nữa, nhiều hơn nữa.

Sau khi tôi đã qua đời, chớ nên tổ chức điều phúng linh đình, để khỏi lãng phí thời gì và tiền bạc của nhân dân.

Tôi yêu cầu thi hài tôi được đưa đi, thiêu là "hỏa táng". Tôi mong rằng cách "hỏa

tiếng" sau này sẽ được phổ biến. Vì như thế đời 2
mới sẽ. Sống đã tốt về mặt vệ sinh, lại khỏi
tốn đất ruộng. Khi ta có nhiều điện, thì "điện tăng"
càng tốt hơn

Tro ~~xem~~ thì chia làm 3 phần, bỏ vào 3 cái
hộp sơn. 1 hộp ~~để bán~~ cho miền Bắc. 1 hộp cho miền
Trung. 1 hộp cho miền Nam

Đồng bào mỗi miền nên chọn 1 quả đồi
mà chôn hộp tro đó. Trên mả, khỏi nên có bia đá
tượng đồng, mà nên xây 1 ngôi nhà 3 gian đơn, rộng
rãi, chắc chắn, mát mẻ, để nhớ ơn, đến thăm viếng
có chỗ ngồi ngồi.

Nên có kế hoạch trồng cây tiêu và chung quanh
đồi. Chi đến thăm thì trồng 1 ~~hoặc~~ và cây hoàn Vũ
Điểm. Lâu ngày, cây nhiều thành rừng sẽ tốt cho
phong cảnh và lợi ~~cho nông nghiệp~~. Việc ~~xây dựng~~ xây dựng nhà
gian phố cho ~~sinh~~ các cụ già lão.

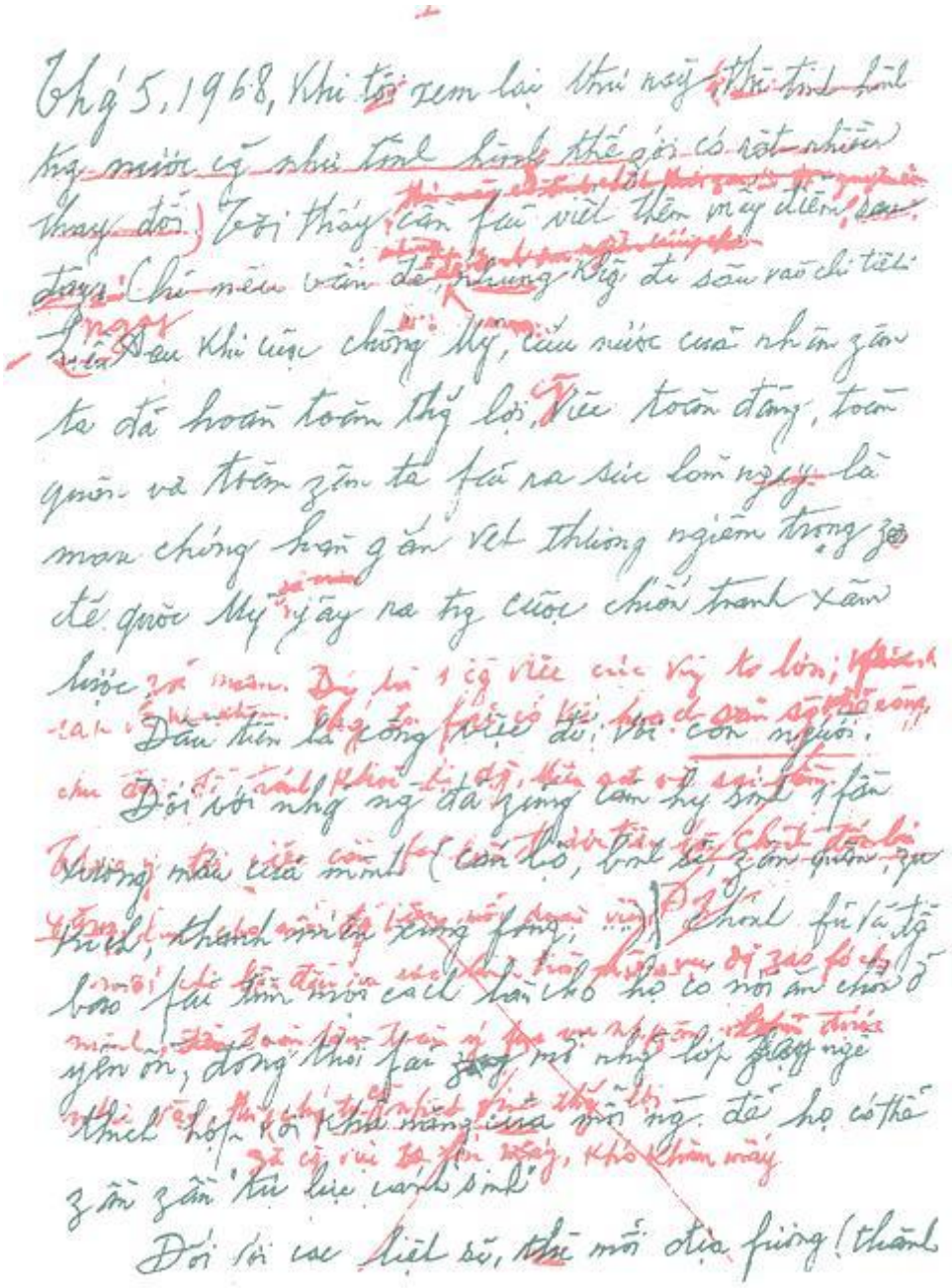

Căn cứ vào lời kể của Vũ Kỳ, thư ký riêng của HCM, qua bài “Hồ Chủ tị ch 5 năm viết Di chúc” như sau:

“Đến đúng 9h sáng 10/5/1965, Người đặt bút viết dòng đầu tiên, đó là câu: “Tài liệu tuyệt đối bí mật”.

Hồ Chủ tịch làm việc trong 10 ngày liền, mỗi ngày đúng 1 tiếng vào thời gian con người minh mẫn, sảng khoái nhất, đó là từ 9h đến 10h sáng. Khi viết, Người không tiếp bất cứ ai. Cứ viết đến 10h thì Người lại bỏ tài liệu vào một bì thư đưa ông Kỳ cất giữ hôm sau lấy ra. Sau 4 ngày, Người bắt đầu đánh máy và đến 16h thì hoàn thành. Bản di chúc dài ba trang ở cuối đề ngày 15/5/1965. Hồ Chủ tịch ký và bên cạnh có chữ ký của ông Lê Duẩn, Bí thư thứ nhất Ban Chấp Hành Trung ương Đảng hồi bấy giờ. Đọc, sửa đến ngày 20/5, Người lại bỏ vào bì thư cất đi.

Đúng một năm sau, Hồ Chủ tịch lại lấy "tài liệu tuyệt đối bí mật" ra và viết tiếp, mỗi ngày một tiếng từ 9h đến 10h. Nhưng năm ấy Người hầu như chỉ đọc và ngẫm nghĩ. Mấy ngày sau, Người viết thêm câu: "Phải có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau" trong đoạn nói về Đảng.

Năm 1967, Hồ Chủ tịch không sửa gì nhiều bản di chúc, nhưng đến năm 1968 thì Người sửa rất nhiều. Phần mở đầu Người viết năm 1965 là: "Năm nay tôi đã 75 tuổi. Tinh thần vẫn sáng suốt, thân thể vẫn khoẻ mạnh". Nhưng sau Người lại sửa: "Năm nay tôi vừa 78 tuổi, vào lớp những người trung thọ. Tinh thần vẫn sáng suốt tuy sức khoẻ có kém so với vài năm trước đây". Và viết tiếp: "Người ta đến khi tuổi tác càng cao thì sức khoẻ càng thấp. Đó là một điều bình thường".

Sau đó Hồ Chủ tịch viết thêm đoạn "Về việc riêng" có ý mới là sau khi hỏa táng sẽ lấy tro xương của Người để vào ba hộp sành cho mỗi miền Bắc, Trung, Nam. Người viết thêm về những công việc cần làm sau khi giải phóng miền Nam. Đó là chỉnh đốn Đảng, chăm sóc đời sống các tầng lớp nhân dân, miễn thuế nông nghiệp một năm... Những đoạn về chỉnh đốn Đảng, chăm sóc thương binh, Hồ Chủ tịch viết rồi lại gạch chéo. Rất nhiều đoạn vòng xuống vòng lên, mực xanh lẫn mực đỏ.

Năm 1969, Hồ Chủ tịch viết di chúc lần cuối cùng vào tháng 5. Ngày 10/5, Người viết lại đoạn mở đầu, gồm một trang viết tay vào mặt sau của tờ "Tin tham khảo đặc biệt". Đó cũng là lần duy nhất Người viết quá 10 giờ sáng".

HCM phải mất 5 năm mới viết xong "Di chúc", không thể nói là không thận trọng. Đúng như Vũ Kỳ kể: Tại bản viết năm 1965 ông có nói đến "Đảng ta là một đảng cầm quyền. Mỗi đảng viên và cán bộ phải thực sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân".

Chỉ trong đoạn ngắn này mà HCM đã đặc biệt nhấn mạnh vào các cụm từ "đạo đức cách mạng", "cần kiệm liêm chính, chí công vô tư", "phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch", "là người đầy tớ trung thành của nhân dân" đều mang hàm ý "chân chính", hoàn toàn không phải là ngẫu nhiên.

Như chúng ta đã biết, Hồ Chí Minh viết văn hoặc nói chuyện đều hết sức tránh dùng từ ngữ rườm rà, nhưng ở đây lại có khá nhiều từ mang nội dung "đạo đức cách mạng", và sự "chân chính" của cán bộ đảng viên, hẳn là có ý nghĩa đặc biệt sâu sắc. Vũ Kỳ từng viết: "Ngày 15 tháng 2 năm 1965, Hồ Chủ tịch về thăm Côn Sơn, buổi trưa, nghỉ lại Côn Sơn, thăm đền thờ Nguyễn Trãi và đọc tấm bia cổ. Ở vào thời kỳ chuyển tiếp của lịch sử, HCM về thăm Cô Sơn viếng Nguyễn Trãi, liệu có phải là sự ngẫu nhiên? Cả hai người đều là nhà chính trị, nhà quân sự kiệt xuất, là bậc vĩ nhân, là nhà thơ lớn, đồng thời cùng có niềm tin tuyệt đối vào sức mạnh to lớn của nhân dân, cùng có khát vọng đấu tranh vì hạnh phúc của nhân dân. Tuy cách nhau 5 thế kỷ (1380 – 1890), vậy mà, dường như có sự tương hợp kỳ diệu, như là từ lâu đã có ước định hội ngộ lịch sử". Vũ Kỳ mượn Nguyễn Trãi và HCM mục đích là để nhấn mạnh phẩm chất "cần chính", "ái dân" của hai bậc vĩ nhân, nhằm ngầm khuyến cáo Đảng phải "cần kiệm liêm chính, chí công vô tư". Từ đó có thể suy ra, lời Vũ Kỳ chính là lời HCM trong "Di chúc" mà ông đã dành hẳn 5 năm cuối đời để viết. Có thể nói, từng câu từng chữ đều vô cùng cẩn trọng ("句句推敲, 字琢磨": cú cú thôi xao, tự tự trác ma).

Nội dung "Di chúc" của Hồ Chí Minh

"Di chúc Hồ Chí Minh", qua 5 năm soạn thảo, sửa chữa và bổ sung, đến ngày 10 tháng 5 năm 1969 mới hoàn chỉnh. Bản "Di chúc" này được xem là bản chính thức, công bố lần đầu tiên. Nội dung có thể quy nạp vào mấy điểm sau đây:

1 – Chú trọng đến Chủ nghĩa Quốc gia và Chủ nghĩa xã hội.

2 – Nhấn mạnh chỉnh đốn Đảng, tăng cường đoàn kết nội bộ và tu dưỡng đạo đức cách mạng.
3- Chú trọng nâng cao đời sống nhân dân cùng với việc tạo địa vị bình đẳng xã hội cho phụ nữ.

Dưới đây là toàn văn "Di chúc Hồ Chí Minh" được sao lục từ bản Hán văn, Nhà xuất bản Ngoại Văn Hà Nội, năm 1971, trong cuốn "Vì độc lập tự do, vì chủ nghĩa xã hội ", trang 320–323 (đã được người dịch chuyển trở lại bằng tiếng Việt):

Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh
(Công bố năm 1969)

VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HOÀ
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cuộc chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta dù phải kinh qua gian khổ, hy sinh nhiều hơn nữa, song nhất định thắng lợi hoàn toàn.

Đó là một điều chắc chắn.

Tôi có ý định đến ngày đó, tôi sẽ đi khắp hai miền Nam Bắc, để chúc mừng đồng bào, cán bộ và chiến sĩ anh hùng, thăm hỏi các cụ phụ lão, các cháu thanh niên và nhi đồng yêu quý của chúng ta.

Kế theo đó, tôi sẽ thay mặt nhân dân ta đi thăm và cảm ơn các nước anh em trong phe xã hội chủ nghĩa, và các nước bầu bạn khắp năm châu đã tận tình ủng hộ và giúp đỡ cuộc chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta.

Ông Đỗ Phủ là người làm thơ rất nổi tiếng ở Trung Quốc đời nhà Đường, có câu rằng "Nhân sinh thất thập cổ lai hy", nghĩa là "Người thọ 70, xưa nay hiếm".

Năm nay, tôi vừa 79 tuổi, đã là lớp người "xưa nay hiếm" nhưng tinh thần, đầu óc vẫn rất sáng suốt, tuy sức khoẻ có kém so với vài năm trước đây. Khi người ta đã ngoài 70 xuân, thì tuổi tác càng cao, sức khoẻ càng thấp. Điều đó cũng không có gì lạ.

Nhưng ai mà đoán biết tôi còn phục vụ cách mạng, phục vụ tổ quốc, phục vụ nhân dân được bao lâu nữa?

Vì vậy, tôi để sẵn mấy lời này, phòng khi tôi sẽ đi gặp cụ Các Mác, cụ Lênin và các vị cách mạng đàn anh khác, thì đồng bào cả nước, đồng chí trong Đảng và bầu bạn khắp nơi đều khỏi cảm thấy đột ngột.

TRƯỚC HẾT NÓI VỀ ĐẢNG - Nhờ đoàn kết chặt chẽ, một lòng một dạ phục vụ giai cấp, phục vụ nhân dân, phục vụ Tổ quốc, cho nên từ ngày thành lập đến nay, Đảng ta đã đoàn kết, tổ chức và lãnh đạo nhân dân ta hăng hái đấu tranh tiến từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

ĐOÀN KẾT là một truyền thống cực kỳ quý báu của Đảng và của dân ta. Các đồng chí từ Trung ương đến các chi bộ cần giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình.

Trong Đảng thực hành dân chủ rộng rãi, thường xuyên và nghiêm chỉnh tự phê bình và phê bình là cách tốt nhất để củng cố và phát triển sự đoàn kết và thống nhất của Đảng. Phải có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau.

Đảng ta là một Đảng cầm quyền. Mỗi đảng viên và cán bộ phải thực sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân.

ĐOÀN VIÊN THANH NIÊN ta nói chung là tốt, mọi việc đều hằng hái xung phong, không ngại khó khăn, có chí tiến thủ. Đảng cần phải chăm lo giáo dục đạo đức cách mạng cho họ, đào tạo họ thành những người thừa kế xây dựng chủ nghĩa xã hội vừa "hồng" vừa "chuyên".

Bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một việc rất quan trọng và rất cần thiết.

NHÂN DÂN LAO ĐỘNG ta ở miền xuôi cũng như ở miền núi, đã bao đời chịu đựng gian khổ, bị chế độ phong kiến và thực dân áp bức bóc lột, lại kinh qua nhiều năm chiến tranh.

Tuy vậy, nhân dân ta rất anh hùng, dũng cảm, hăng hái, cần cù. Từ ngày có Đảng, nhân dân ta luôn luôn đi theo Đảng, rất trung thành với Đảng.

Đảng cần phải có kế hoạch thật tốt để phát triển kinh tế và văn hóa, nhằm không ngừng nâng cao đời sống của nhân dân.

CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ có thể còn kéo dài. Đồng bào ta có thể phải hy sinh nhiều của, nhiều người. Dù sao, chúng ta phải quyết tâm đánh giặc Mỹ đến thắng lợi hoàn toàn.

Còn non, còn nước, còn người,
Thắng giặc Mỹ, ta sẽ xây dựng hơn mười ngày nay!

Dù khó khăn gian khổ đến mấy, nhân dân ta nhất định sẽ hoàn toàn thắng lợi. Đế quốc Mỹ nhất định phải cút khỏi nước ta. Tổ quốc ta nhất định sẽ thống nhất. Đồng bào Nam Bắc nhất định sẽ sum họp một nhà. Nước ta sẽ có vinh dự lớn là một nước nhỏ mà đã anh dũng đánh thắng hai đế quốc to - là Pháp và Mỹ; và đã góp phần xứng đáng vào phong trào giải phóng dân tộc.

VỀ PHONG TRÀO CỘNG SẢN THẾ GIỚI - là một người suốt đời phục vụ cách mạng, tôi càng tự hào với sự lớn mạnh của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế bao nhiêu, thì tôi càng đau lòng bấy nhiêu vì sự bất hoà hiện nay giữa các đảng anh em!

Tôi mong rằng Đảng ta sẽ ra sức hoạt động, góp phần đắc lực vào việc khôi phục lại khối đoàn kết giữa các đảng anh em trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và chủ nghĩa quốc tế vô sản, có lý, có tình.

Tôi tin chắc rằng các đảng anh em và các nước anh em nhất định sẽ phải đoàn kết lại.

VỀ VIỆC RIÊNG - Suốt đời tôi hết lòng hết sức phục vụ Tổ quốc, phục vụ cách mạng, phục vụ nhân dân. Nay dù phải từ biệt thế giới này, tôi không có điều gì phải hối hận, chỉ tiếc là tiếc rằng không được phục vụ lâu hơn nữa, nhiều hơn nữa.

Sau khi tôi đã qua đời, chớ nên tổ chức điếu phúng linh đình, để khỏi lãng phí thì giờ và tiền bạc của nhân dân.

Cuối cùng, tôi để lại muôn vàn tình thân yêu cho toàn dân, toàn Đảng, cho toàn thể bộ đội, cho các cháu thanh niên và nhi đồng.

Tôi cũng gửi lời chào thân ái đến các đồng chí, các bầu bạn và các cháu thanh niên, nhi

đồng quốc tế.

Điều mong muốn cuối cùng của tôi là: Toàn Đảng, toàn dân ta đoàn kết phấn đấu, xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới.

Hà nội, ngày 10 tháng 5 năm 1969
Hồ Chí Minh

"Di chúc Hồ Chí Minh" có nhiều bản, trừ bản đầu tiên Vũ Kỳ giới thiệu trong bài "Hồ Chủ tịch 5 năm viết di chúc" ra, Nhà xuất bản Thanh Niên, Nhà xuất bản Chính Trị Quốc Gia cũng lần lượt cho ra đời các "Bản cảo" gốc "Di chúc Chủ tịch Hồ Chí Minh". Tại nhà kỷ niệm HCM ở Liễu Châu, Quảng Tây, Trung Quốc, trong tủ kính trưng bày hiện vật cũng có bản "Di chúc" ngày 5 tháng 10 năm 1969 được dịch sang tiếng Trung do Nhà xuất bản Ngoại Văn Hà Nội ấn hành.

Những nghi vấn về "Di chúc Hồ Chí Minh"

Về "Di chúc Hồ Chí Minh", giáo sư William J. Duiker có nghi ngờ mấy điểm sau đây:

1 – Cắt bỏ nội dung "Di chúc" có liên quan đến việc xử lý thi thể sau khi chết.

2 – Bản "Di chúc" công bố năm 1969, cắt bớt phần HCM đề nghị miễn một năm thuế nông nghiệp cho nông dân.

3 – Dự đoán với đồng bào về cuộc kháng chiến chống Mỹ kéo dài thêm mấy năm.

Về việc xử lý di thể đã bị cắt bỏ so nội dung với bản gốc, căn cứ vào lời vị Đại sứ tiền nhiệm của Trung Quốc tại Việt Nam Lý Gia Trung trong bài: "Nói chuyện về việc sinh hoạt thường ngày của Hồ Chí Minh" như sau:

"Sau khi tôi qua đời chớ nên tổ chức điếu phúng linh đình, để khỏi lãng phí thì giờ và tiền bạc của nhân dân.

Tôi yêu cầu, thi hài tôi được đốt đi, nói chữ là "hỏa táng". Tôi mong rằng, cách "hỏa táng" dần dần sẽ được phổ biến. Vì như thế đối với người sống là tốt về mặt vệ sinh, lại không tốn đất ruộng. Khi ta có nhiều điện thì "điện táng" càng tốt hơn.

Tro thì chia thành ba phần, cho vào ba cái hộp sành, một cho miền Bắc, một hộp cho miền Trung, một hộp cho miền Nam.

Đồng bào mỗi miền, nên chọn một quả đồi mà chôn hộp tro đó. Trên mả, không nên có bia đá, tượng đồng, mà nên xây một ngôi nhà giản đơn, rộng rãi, chắc chắn, mát mẻ, để những người đến thăm viếng có chỗ nghỉ ngơi.

Nên có kế hoạch trồng cây trên và chung quanh đồi. Ai đến thăm thì trồng một vài cây làm kỷ niệm. Lâu ngày cây nhiều thành rừng sẽ tốt cho phong cảnh và lợi cho nông nghiệp. Việc chăm sóc nên giao phó cho các cụ phụ lão".

Cái điều mà tôi nghi ngờ, không phải ở chỗ "Di chúc" bị cắt bỏ mà là ở chố có vẻ như nội dung của nó đã bị thay đổi. Mở đầu "Di chúc" viết: "Ông Đỗ Phủ là người làm thơ rất nổi tiếng Trung Quốc thời nhà Đường, có câu rằng: "Nhân sinh thất thập cổ lai hy", nghĩa là, "Người thọ 70 xưa nay hiếm".

Năm nay tôi vừa 79 tuổi, đã là lớp người "xưa nay hiếm" nhưng tinh thần, đầu óc vẫn rất sáng suốt, tuy sức khoẻ có kém so với vài năm trước đây. Khi người ta đã ngoài 70 xuân, thì tuổi tác càng cao, sức khoẻ càng thấp . Điều đó cũng không có gì lạ".

("Nhân sinh thất thập cổ lai hy", nghĩa là"Người thọ 70 xưa nay hiếm". Năm nay tôi vừa 79 tuổi, đã là lớp người "xưa nay hiếm"). Cứ theo logic ngữ nghĩa của đoạn văn này mà xét, tôi phát hiện thấy dấu vết còn lại khá rõ của câu "Năm nay tôi vừa 69 tuổi" bị sửa thành "Năm nay tôi vừa 79 tuổi". Như vậy, có khả năng nguyên văn bản gốc đoạn "Di chúc" này như sau: "Nhân sinh thất thập cổ lai hy", nghĩa là, "Người thọ 70 xưa nay hiếm". Năm nay tôi vừa 69 tuổi, đã là lớp người "xưa nay hiếm", như thế , đọc vừa thuận miệng, vừa thuận lý mà lại tránh được sự tối nghĩa. Cứ tìm trong các bản thảo Hán văn của HCM thì thấy rất rõ, ông không bao giờ viết câu văn lủng củng, mâu thuẫn, đại loại như: "Nhân sinh thất thập cổ lai hy. Năm nay tôi vừa 79 tuổi". Huống chi, nội dung "Di chúc" đã phải qua 5 năm chỉnh lý, bổ sung, sửa chữa, không thể có chuyện câu trước câu sau mâu thuẫn với nhau. Từ đó, chúng tôi dự đoán, "Di chúc Hồ Chí Minh, trước tiên được khởi thảo bằng Hán văn, sau đó căn cứ vào bản Hán văn, ông mới dần dần dịch sang tiếng Việt, nên mới được liệt vào loại "văn kiện tuyệt mật" giao cho thư ký riêng Vũ Kỳ bảo quản.

Hồ Chí Minh (Nguyễn Ái Quốc) sinh ngày 19 tháng 5 năm 1890, mà Hồ Chí Minh (Hồ Tập Chương) sinh ngày 11 tháng 10 năm 1901, chênh nhau 11 tuổi. HCM tạ thế ngày 2 tháng 9 năm 1969, tính ra thì Nguyễn Ái Quốc tròn 79 tuổi, còn Hồ Tập Chương tính cả tuổi mụ mới đủ 69. Đối chiếu với "Di chúc" ("Nhân sinh thất thập cổ lai hy", nghĩa là, "Người thọ 70 xưa nay hiếm". Năm nay tôi vừa 79 tuổi, đã là lớp người "xưa nay hiếm"), lại nói: "Khi người ta đã ngoài 70 xuân, thì tuổi tác càng cao, sức khoẻ càng thấp. Điều đó cũng không có gì lạ".

Nội dung đoạn "Di chúc" này, tuổi 79 căn bản không phù hợp với việc dẫn dụng thơ Đỗ Phủ: "Nhân sinh thất thập cổ lai hy". Dấu tích của câu "Năm nay tôi vừa 69 tuổi" bị sửa thành "Năm nay tôi vừa 79 tuổi" còn rất rõ.

Những bí mật về việc bảo tồn di thể Hồ Chí Minh

Cựu Đại sứ Trung Quốc tại Việt Nam Lý Gia Trung có bài viết: "Bí mật về việc giữ gìn di thể Hồ Chí Minh", trong đó, ông thuật lại phương thức bảo tồn di thể liệu có phù hợp với tình trạng người đã từng mắc bệnh ho lao? Tuy không hiểu biết nhiều về y học, bệnh lý, nhưng chúng tôi cũng rất lấy làm nghi ngờ.

Lý Gia Trung kể, thời trẻ ông từng làm phiên dịch tiếng Việt trong Đại sứ quán Trung Quốc tại Hà Nội như sau:

"Về cuối đời, sức khoẻ Hồ Chí Minh không được tốt. Các vị lãnh đạo Trung Quốc rất quan tâm đến sức khoẻ HCM, nên năm 1968 đã cử một đoàn chuyên gia y tế cao cấp sang Việt Nam. Lúc ấy, tôi cũng được đi theo đồng chí Tham tán đến sân bay đón tổ chuyên gia này. Các bác sĩ luôn luôn túc trực bên cạnh HCM theo dõi sức khoẻ của Người.

Hạ tuần tháng 8 năm 1969, HCM lúc ấy 79 tuổi, bị bệnh nặng. Cho dù tổ chuyên gia y tế đã hết lòng cứu chữa, nhưng Thủ tướng Chu Ân Lai vẫn không yên tâm, nên ngày 24 và 26 tháng 8 lại cử tiếp tổ thứ hai và thứ ba sang Hà Nội. Ngày 31 tháng 8, Chu Tổng lý cử Viện trưởng Viện Y học nổi tiếng là Giáo sư Y khoa Ngô Giai Bình đi chuyên cơ mang biệt dược sang Hà Nội và chẩn đoán bệnh tình cho HCM. Ngày 1 tháng 9, Chu Ân Lai đích thân nghe Giáo sư Ngô báo cáo, đồng thời triệu tập ngay các giáo sư y khoa đầu ngành thảo luận trong 5 giờ liền, cuối cùng đi đến quyết định, để ông Ngô Giai Bình dẫn đầu tổ chuyên gia thứ tư cùng với các thiết bị y tế và thuốc men, sáng sớm ngày 2 tháng 9 lên máy bay sang Hà Nội cấp cứu. Thật đáng tiếc, tổ chuyên gia thứ tư mới bay đến vùng trời Quảng Tây thì nhận được tin HCM đã ngừng thở vào lúc 9 giờ 47 phút. Kết quả, chiếc chuyên cơ đành quay trở về Bắc Kinh". Tác giả kể tiếp: "Ngày 2 tháng 9 là Quốc khánh

Việt Nam. Cân nhắc kỹ, thấy đây là thời điểm có liên quan đến sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, Chính phủ Việt Nam đề phòng trong nước có biến động, nên đã quyết định chuyển ngày mất của HCM sang mồng 3 tháng 9, đồng thời ấn định ngày mồng 9 tháng 9 sẽ cử hành Quốc tang".

Ban Chấp hành Trung ương Đảng LĐVN ra thông cáo đặc biệt: "Chủ tịch Hồ Chí Minh mắc bệnh tim nghiêm trọng đã từ trần vào lúc 9 giờ 47 phút ngày mồng 3 tháng 9 năm 1969 , hưởng thọ 79 tuổi".

Sau khi HCM mất hai tháng, Trung ương Đảng LĐVN họp vào ngày 29/11/1969, ra công bố quyết định giữ gìn di thể của người. Thực ra, trước đó một năm, xét thấy sức khoẻ HCM mỗi ngày một suy giảm, Ban lãnh đạo Việt Nam đã bàn đến vấn đề làm thế nào để bảo quản được di thể trong tương lai. Tuy nhiên VN lúc ấy tình trạng kinh tế vô cùng khó khăn, khoa học kỹ thuật lạc hậu, lại đang bận kháng chiến chống Mỹ, không thể có khả năng giải quyết được vấn đề kỹ thuật ướp xác cao như thế. Vì vậy, n gày 14 tháng 9 năm 1967, bí mật cử một nhóm cán bộ kỹ thuật đặc biệt sang Liên Xô. Tại Viện nghiên cứu Lăng Lenin ở Mạc Tư Khoa, dưới sự giúp đỡ nhiệt tình của các chuyên gia, nhóm kỹ thuật viên VN, sau 7 tháng bồi dưỡng nghiệp vụ, đã nắm vững được kỹ thuậ t bảo quản di thể sau khi con người tắt thở từ 15 đến 20 giờ, còn trình tự các bước tiến hành như thế nào, đến lúc ấy, các chuyên gia Liên Xô sẽ bay sang Hà Nội tiếp tục xử lý.

Sau khi rời Liên Xô về nước, căn cứ vào đặc điểm khí hậu, thời tiết, tổ kỹ thu ật VN đem những kiến thức chuyên môn đã học được vận dụng vào hoàn cảnh cụ thể trong nước. Tháng 6 năm 1968, VN chính thức bí mật thành lập nhóm kỹ thuật đặc biệt. Nhiệm vụ của nhóm là thâm nhập, nghiên cứu như thế nào để bảo quản được di thể trong điều ki ện khí hậu nhiệt đới. Thời gian ấy, các nhà lãnh đạo VN chỉ thị, nếu như Chủ tịch HCM qua đời mà lăng mộ còn chưa được xây dựng thì nhiệm vụ của nhóm kỹ thuật đặc biệt này là bảo quản di thể của ông tại một địa phương. Trong thời gian này, họ phải tuyệt đối tuân thủ những tiêu chuẩn kỹ thuật như sau: Nhất định phải giữ di thể ở nhiệt độ 16o C, chênh lệch không quá 0,2oC, độ ẩm ổn định 75%. Lúc ấy, các nhà lãnh đạo Liên Xô nêu ý kiến là, sẽ có trách nhiệm bảo quản lâu dài di thể HCM, chỉ mong phía VN tuyệt đối tin tưởng phối hợp với các chuyên gia Liên Xô, khắc phục những đặc điểm hoàn cảnh, nhất định sẽ nắm vững kỹ thuật do các chuyên gia truyền thụ, để tự mình sẽ bảo quản di thể lãnh tụ HCM một cách tôt nhất.

Thời gian HCM lâm trọng bệnh, Trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô đã cử Do Tiệp Bột Phu (由捷勃夫) (LTS: Denisov Nikolsky), cầm đầu nhóm chuyên gia y tế kịp thời đến Hà Nội. Sau khi HCM qua đời, phía VN lập tức chuyển giao thi thể của ông cho các chuyên gia. Xét thấy VN đang trong hoàn cảnh chiến tranh, các chuyên gia Liên Xô kiến nghị, đưa di thể HCM sang Mạc Tư Khoa tiến hành xử lý để tránh bị phân hủy, nhưng các nhà lãnh đạo VN không đồng ý phương án này. Vì thế, Liên Xô phải đem máy móc, thiết bị bằng đường hàng không sang VN. Lại vì để tránh máy bay Mỹ oa nh tạc, VN lúc đầu chọn một nơi cách Hà Nội 30 km, thuộc vùng rừng nhiệt đới rậm rạp, tạm thời xây một hầm mộ rồi đưa quan tài thủy tinh của HCM xuống đó. Không lâu sau lại phát hiện cách nơi ấy chừng 2 km có biệt kích Mỹ nhảy dù tìm phi hành đoàn do bị không quân Việt Nam bắn hạ nên đành phải chuyển quan tài vào một hang động. Vì vậy phải gấp rút làm một nhánh đường núi. Để đảm bảo an toàn tuyệt đối, mỗi khi mở xong một đoạn, xe bọc thép chở quan tài thủy tinh vừa đi qua, lập tức có bộ phận phá hủy rồi ngụy trang. Cứ như vậy, di thể HCM được bảo quản bí mật trong hang động cho đến ngày chiến tranh VN kết thúc. Ngày 29 tháng 8 năm 1975, lăng Chủ tịch HCM hoàn thành. Quan tài thủy tinh chính thức được đưa vào.

Đầu những năm 1990 của thế kỷ XX, Liên bang Xô viết giải thể, do tình hình đất nước hỗn loạn, không còn khả năng cử chuyên gia sang Hà Nội chỉ đạo việc duy trì bảo tồn di thể HCM. Đối mặt với tình huống này, các cán bộ, kỹ sư VN khắc phục bằng cách trực tiếp sang nước Nga liên hệ với chuyên gia, nhờ họ hướng dẫn nghiệp vụ.

Đến nay, VN đã đào tạo được một đội ngũ chuyên gia giỏi, chẳng những nắm chắc kỹ thuật chuyên ngành ướp xác mà còn đạt đến trình độ cao. Có thể nói, đã có đầy đủ kinh nghiệm, bản lĩnh để đảm nhiệm một cách xuất sắc việc giữ gìn lâu dài di thể lãnh tụ HCM.

Vì muốn giữ gìn di hài HCM thật tốt, các chuyên gia VN đã dồn hết sức lực và tâm huyết trong công đoạn cũng không kém phần quan trọng, đó là chỉnh trang dung mạo di hài. Mỗi sợ tóc, mỗi sợi râu đều được chú ý giữ gìn. Khi tiêm dưới da, mỗi mũi kim luôn được tính toán chính xác để đạt hiệu quả tốt nhất.

Hiện tại, Lăng Chủ tịch HCM trang nghiêm tọa lạc tại góc tây bắc Quảng trường Ba Đình, Hà Nội. Lăng cao 21,6 m, toàn bộ được xây bằng đá hoa cương (cẩm thạch đen). Trước cửa chính, suốt ngày đêm luôn có hai cảnh vệ đứng gác. Thời kỳ tôi còn công tác tại Việt Nam, đã nhiều lần được vào lăng viếng Chủ tịch HCM. Đi đến cửa chính, bạn sẽ nhìn thấy trên tường hành lang khảm câu danh ngôn bằng vàng "Không có gì quý hơn độc lập tự do" của HCM. Từ từ bước lên 33 bậc thềm, tiến vào đại sảnh, sẽ thấy di thể HCM nằm trong quan tài thủy tinh mặc bộ quần áo ka ki kiểu Tôn Trung Sơn màu vàng nhạt, hai tay dặt trước bụng. Một đôi dép cao su – dép kháng chiến, đặt bên chân. Chung quanh quan tài thủy tinh thường xuyên có 4 chiến sĩ đứng nghiêm túc trực. Dưới ánh đèn êm dịu, gương mặt HCM hồng hào, phong thái an nhiên với chòm râu bạc, có thể thấy như Người đang ngủ.

HCM sau 60 năm trường hoạt động cách mạng, một lòng một dạ vì Tổ quốc và nhân dân, chết mà như còn sống mãi. Trong tâm trí và tình cảm của nhân dân VN, HCM là một nhà lãnh đạo kiệt xuất, là niềm kiêu hãnh của dân tộc. HCM ra đi đã 30 năm. Mối ngày có hàng ngàn vạn lượt người đến viếng. Khoảng 10 năm gần đây, các thành viên của bộ phận kỹ thuật đặc biệt chăm sóc di hài Chủ tịch HCM, vẫn âm thầm làm việc cần cù, nguyện làm người anh hùng sau hậu trường. Họ đã đem hết tài trí và tâm huyết giữ gìn di thể lãnh tụ HCM một cách xuất sắc".

(Hết Thiên V)

Hồ Tuấn Hùng
Thái Văn chuyển ngữ

© Thông Luận 2010